BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

TRƯỜNG CAO ĐẲNG FPT POLYTECHNIC

BÁO CÁO
KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG
CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP
NĂM 2020

Hà Nội, tháng 07 năm 2020

PHẦN I. GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG CAO ĐẲNG FPT POLYTECHNIC 4
1. Thông tin chung về cơ sở GDNN 4
2. Thông tin khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bật của cơ sở GDNN 4
2.1. Lịch sử phát triển: 4
2.2. Thành tích nổi bật: 5
2.2.1. Danh hiệu thi đua 5
2.2.2. Hình thức khen thưởng 6
3. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của cơ sở GDNN 6
3.1. Cơ cấu tổ chức 6
3.2. Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của trường 7
3.3. Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường (tính đến 30/06/2020): 8
4. Nghề đào tạo và quy mô đào tạo 9
4.1. Các nghề đào tạo và quy mô tuyển sinh của trường theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động dạy nghề đã được cấp 9
4.2. Số lượng học sinh, sinh viên 9
5. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính 10
5.1. Diện tích đất 10
5.2. Diện tích hạng mục và công trình 10
5.3 Tổng số đầu sách trong thư viện của trường: 204 đầu sách 10
5.4. Tổng số máy tính của trường: 68 bộ 10
5.5. Tổng kinh phí đào tạo trong 3 năm trở lại đây: 10
5.6. Tổng thu học phí (chỉ tính hệ chính quy) từ năm 2017 đến năm 2019: 10
PHẦN II: KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ HÀ NỘI 11
1. Đặt vấn đề 11
2. Tổng quan chung 11
2.1. Căn cứ tự đánh giá 11
2.2. Mục đích tự đánh giá 11
2.3. Yêu cầu tự đánh giá 12
2.4. Phương pháp tự đánh giá 12
2.5. Các bước tiến hành tự đánh giá 12
3. Tự đánh giá 13
3.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá 13
3.2. Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn 27
3.2.1. Tiêu chí 1: Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý 27
3.2.2. Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo 41
3.2.3. Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý và người lao động. 55
3.2.4. Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình 68
3.2.5. Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện 78
3.2.6. Tiêu chí 6: Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế. 91
3.2.7. Tiêu chí 7: Quản lý tài chính 94
3.2.8. Tiêu chí 8: Dịch vụ người học 99
3.2.9. Tiêu chí 9: Giám sát, đánh giá chất lượng 105
PHẦN III. TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG FPT POLYTECHNIC 111
PHẦN IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ 113
1. Đối với Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp -Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội: 113

CÁC TỪ VIẾT TẮT

STT	Viết tắt	Ý nghĩa
1	QĐ	Quyết định
2	BLĐTBXH	Bộ Lao động - Thương binh & Xã hội
3	TB&XH	Thương binh và Xã hội
4	TP	Thành phố
5	SV	Sinh viên
6	ĐBCL	Đảm bảo chất lượng
7	TTNN-TH	Trung tâm ngoại ngữ - Tin học
8	KH	Kế hoạch
9	KT	Khảo thí
10	KNN	Kỹ năng nghề
11	GV	Giáo viên – Giảng viên
12	KQ	Kết quả
13	KHDV	Kế hoạch dịch vụ
14	CBGV	Cán bộ giáo viên
15	TCHC	Tổ chức hành chính
16	CSVC	Cơ sở vật chất
17	CB CCVC	Cán bộ, công chức viên chức
18	KTCN	Kỹ thuật công nghiệp
19	FPOLY	Cao đẳng Công nghệ Hà Nội
20	TDTT	Thể dục thể thao
21	MC	Minh chứng
22	DN	Doanh nghiệp
23	KTX	Ký túc xá
24	TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
25	KĐ	Kiểm định
26	TKB	Thời khóa biểu
27	THPT	Trung học phổ thông
28	THCS	Trung học cơ sở
29	CCVCLĐ	Công chức, viên chức, lao động

30	TC-KT	Tài chính - kế toán
31	TC-HC	Tổ chức – hành chính
32	CB	Cơ bản
33	CK	Cơ khí
34	CNTT	Công nghệ thông tin
35	LTMT	Lập trình máy tính
36	ƯDPM	Ứng dụng phần mềm
37	CNH	Công nghiệp hóa
38	HĐH	Hiện đại hóa
39	GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
40	NCKH	Nghiên cứu khoa học

PHẦN I. GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG CAO ĐẲNG FPT POLYTECHNIC

1. Thông tin chung về cơ sở GDNN

- Tên trường: Cao đẳng FPT Polytechnic
- Tên Tiếng Anh: FPT Polytechnic
- Cơ quan chủ quản: Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội
- Địa chỉ trường: Km12, đường Cầu Diễn, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.
- Số điện thoại liên hệ: (024)73001955
- Số Fax:
- Email: info@fe.edu.vn
- Website: https://hitech.edu.vn
- Năm thành lập trường:
  + Năm thành lập đầu tiên: 2007
  + Năm đổi tên trường: 2020
- Loại hình trường: Tư thục

2. Thông tin khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bật của cơ sở GDNN

2.1. Lịch sử phát triển:

Trường Cao đẳng FPT Polytechnic (trước đây là Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội) được thành lập theo Quyết định số 3997/QĐ-BGDĐT ngày 3 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT. Từ khi thành lập đến ngày 20 tháng 7 năm 2019, Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội (FPOLY) thuộc chủ sở hữu là Công ty cổ phần Chế tạo điện cơ Hà Nội (HEM). Từ ngày 31 tháng 7 năm 2019, Công ty TNHH Giáo dục FPT (Tổ chức giáo dục FPT) đã sở hữu 100% vốn điều lệ và trở thành chủ sở hữu của FPOLY. Ngày 26 tháng 10 năm 2020, Bộ trưởng Bộ LĐTBXH đã ký Quyết định số 1300/QĐ-LĐTBXH đổi tên Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội thành Trường Cao đẳng FPT Polytechnic (FPOLY).

Với sứ mạng "Cung cấp năng lực cạnh tranh toàn cầu cho đông đảo người học, góp phần mở mang bờ cõi trí tuệ đất nước", Tổ chức giáo dục FPT chủ trương xây dựng và phát triển FPOLY trở thành một hệ thống giáo dục Mega đào tạo đa cấp độ, đa ngành, đa địa điểm, mang tính quốc tế, đáp ứng nhu cầu xã hội và dựa trên các công nghệ đào tạo tiên tiến nhất. Mục tiêu của Trường là đào tạo nguồn nhân lực thực hành chất lượng cao, có kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp theo các bậc đào tạo

nghề ở các cấp trình độ: cao đẳng, trung cấp và sơ cấp; có phẩm chất đạo đức tốt; lương tâm nghề nghiệp; tác phong công nghiệp; biết làm việc nhóm; có khả năng về ngoại ngữ, CNTT đáp ứng yêu cầu hoạt động chuyên môn và hội nhập quốc tế; có khả năng tự học tập, nghiên cứu và thích nghi với mọi hoàn cảnh; có khả năng tìm việc làm, tự tạo việc làm, tham gia lao động trong và ngoài nước hoặc tiếp tục học tập nâng cao trình độ, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

Với truyền thống hơn 10 năm xây dựng và phát triển, FPOLY có cơ cấu tổ chức ổn định và có mối quan hệ với nhiều doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội và các tỉnh lân cận. FPOLY cũng đã xây dựng được đội ngũ CBGV, nhân viên đoàn kết, có kiến thức, có tay nghề cao, luôn luôn đổi mới và tâm huyết với nghề, đào tạo được nhiều thế hệ HSSV có kiến thức và kỹ năng nghề được người học và xã hội đánh giá cao. Trường đã xây dựng được thương hiệu và vị thế trong hệ thống GDNN, tạo lập được không gian văn hóa riêng đảm bảo điều kiện tốt nhất để CBGV, HSSV phát huy hết nội lực và cống hiến cho sự nghiệp chung của Trường.

2.2. Thành tích nổi bật:

Qua hơn 10 năm hoạt động, FPOLY đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, tập thể Trường nhiều năm được công nhận là tập thể tiên tiến xuất sắc, được Bộ GD&ĐT, Bộ LĐTBXH và các tổ chức, đoàn thể tặng nhiều phần thưởng cao quý.

2.2.1. Danh hiệu thi đua

Bảng 1: Danh hiệu thi đua đã đạt được của FPOLY

Năm	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của quyết định đạt danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định
2010	Tập thể LĐXS	Số 364/TBĐVN - TĐKT ngày 20/04/2011 của Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện VN.
2011	Tập thể LĐXS	Số 28/TBĐVN - TĐKT ngày 12/01/2012 của Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam.
2012	Tập thể LĐXS	Số 4111/QĐ - BGDĐT ngày 03/10/2012 của Bộ Trưởng Bộ GD&ĐT
2015	Tập thể LĐXS	Số 01/QĐ-CĐTCTY ngày 15/01/2016 của Công Đoàn Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam
2016	Tập thể	Số 01/QĐ-CĐTCTY ngày 02/01/2017 của Công Đoàn Tổng

	LĐXS	Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam

2.2.2. Hình thức khen thưởng

Bảng 2: Bảng thành tích đã đạt được của FPOLY

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng, cơ quan ban hành quyết định
2010	Giấy khen	Số 364/TBĐVN - TĐKT ngày 20/04/2011 của Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam.
2011	Giấy khen	Số 28/TBĐVN - TĐKT ngày 12/01/2012 của Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam
2012	Bằng khen	Số 4111/QĐ - BGDĐT ngày 03/10/2012 của Bộ Trưởng Bộ GD&ĐT
2015	Giấy khen	Số 01/QĐ-CĐTCTY ngày 15/01/2016 của Công Đoàn Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện VN
2016	Giấy khen	Số 01/QĐ-CĐTCTY ngày 02/01/2017 của Công Đoàn Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện VN
2017	Bằng khen	Số 1770/QĐ-LĐTBXH ngày 14/11/2017 của Bộ LĐTBXH

3. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của cơ sở GDNN

3.1. Cơ cấu tổ chức:

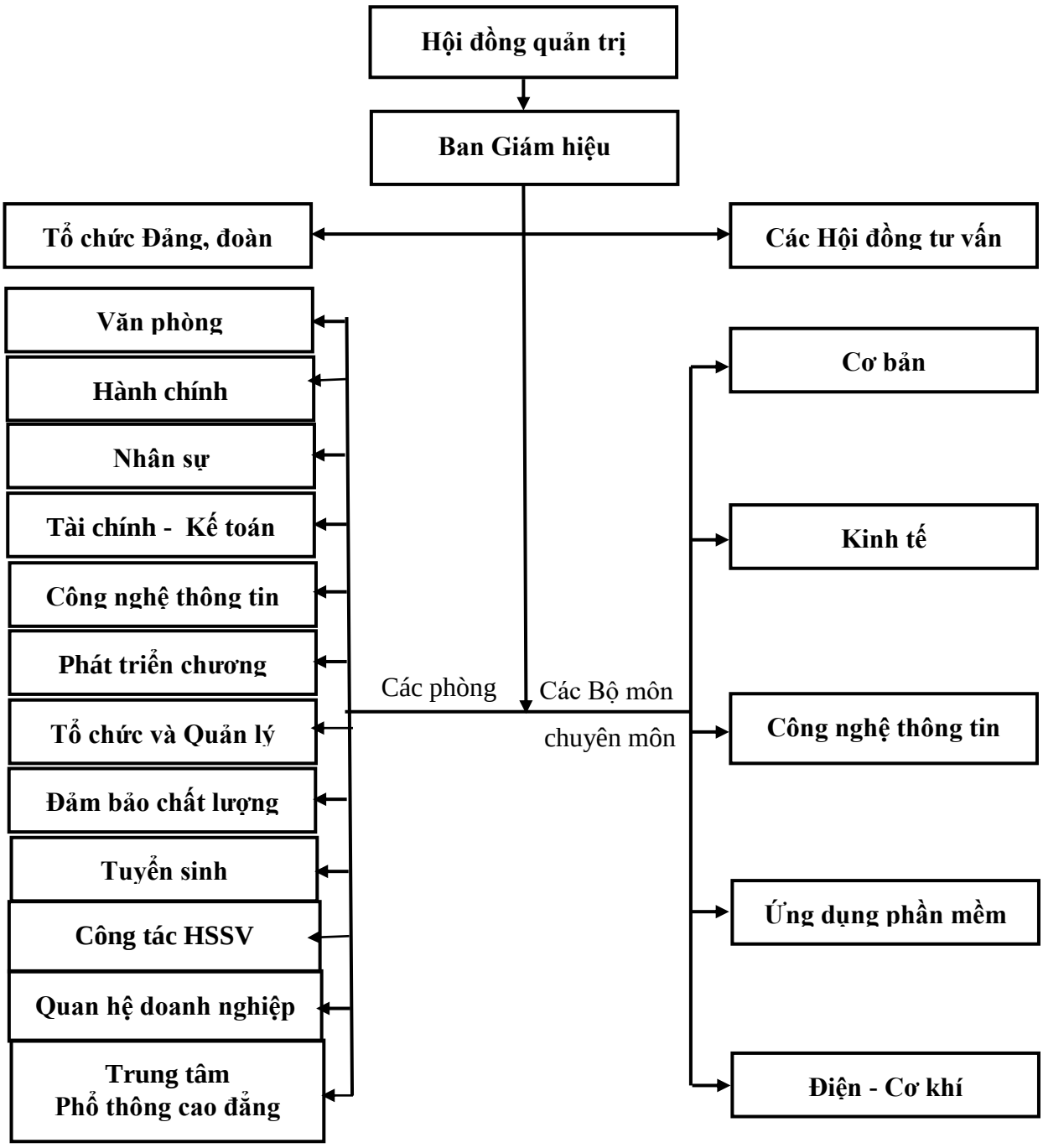

3.2. Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của trường

Các bộ phận	Họ và tên	Học vị	Chức danh, Chức vụ
1. Hội đồng quản trị	Lê Trường Tùng	Tiến sỹ	Chủ tịch HĐQT
2. Ban giám hiệu	Vũ Chí Thành	Thạc sỹ	Hiệu trưởng
	Hoàng Văn Lợi	Tiến sỹ	Phó Hiệu trưởng
3. Trung tâm phổ thông cao đẳng	Bùi Quang Hùng	Kỹ sư	Giám đốc

4. Các tổ chức Đảng, Đoàn thanh niên, Công đoàn			
Tổ Đảng	Hoàng Văn Lợi	Tiến sỹ	Tổ trưởng
Công Đoàn	Đỗ Phương Thảo	Thạc sỹ	Chủ tịch
Đoàn Thanh niên	Nguyễn Ngọc Ly	Cử nhân	Bí thư
5. Trưởng các phòng chức năng			
Văn phòng	Tạ Thị Mai	Thạc sỹ	Chánh Văn phòng
Phòng Hành chính	Đỗ Phương Thảo	Thạc sỹ	Trưởng phòng
Phòng Nhân sự	Mai Thị Diễm Hương	Thạc sỹ	Trưởng phòng
Phòng Tài chính – Kế toán	Nguyễn Thi Minh Thu	Thạc sỹ	Kế toán trưởng
Phòng CNTT	Lê Quốc Nam	Thạc sỹ	Trưởng phòng
Phòng PTCT	Nguyễn Nghiệm	Thạc sỹ	Trưởng phòng
Phòng TC&QLĐT	Nguyễn Thanh Nam	Thạc sỹ	Trưởng phòng
Phòng ĐBCL	Đỗ Thị Minh Thủy	Thạc sỹ	Trưởng phòng
Phòng Tuyển sinh	Lê Quốc Nam	Thạc sỹ	Trưởng phòng
Phòng CTHSSV	Đỗ Thị Bích Hiền	Thạc sỹ	Trưởng phòng
Phòng QHDN	Trịnh Phương Anh	Cử nhân	Trưởng phòng
6. Trưởng các Bộ môn			
Bộ môn Cơ bản	Phạm Thị Vân Anh	Thạc sỹ	Chủ nhiệm bộ môn
Bộ môn Kinh tế	Trần Thị Hải Yến	Thạc sỹ	Chủ nhiệm bộ môn
Bộ môn CNTT	Trần Hữu Thiện	Kỹ sư	Chủ nhiệm bộ môn
Bộ môn ƯDPM	Đặng Quang Minh	Kỹ sư	Chủ nhiệm bộ môn
Bộ môn Điện - Cơ khí	Nguyễn Thanh Phong	Thạc sỹ	Chủ nhiệm bộ môn

3.3. Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường (tính đến 30/06/2020):

Tổng: 47 người: Tiến sĩ: 02; Thạc sĩ 30, đại học: 12 , trung cấp: 02, chưa qua đào tạo: 01; lý luận chính trị: 12 (cao cấp: 02, trung cấp: 10).

3.4. Đội ngũ giáo viên: 39 người.

- Nam: 08 - Nữ: 31
- Cơ hữu: 39 - Thỉnh giảng: 0 - Hợp đồng tiết: 0

Giáo viên cơ hữu			
Trình độ đào tạo	**Nam**	**Nữ**	**Tổng số**
Tiến sỹ	02		02

Thạc sỹ	07	23	30
Đại học	0	07	07
Tổng số	**09**	**30**	**39**

4. Nghề đào tạo và quy mô đào tạo

4.1. Các nghề đào tạo và quy mô tuyển sinh của trường theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động dạy nghề đã được cấp

Tên ngành nghề đào tạo	Mã ngành nghề	Sơ cấp	Trung cấp	Cao đẳng
Công nghệ kỹ thuật cơ khí	6510201		30	50
Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	6510303			100
Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	6510305			40
Công nghệ kỹ thuật điện tử truyền thông	6510312			35
Điện công nghiệp	6520225		30	50
Điện tử công nghiệp	6520227			50
Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm)	6480202		30	35
Lập trình máy tính	6840208			35
Quản trị kinh doanh	6340114			45
. Tài chính - Ngân hàng	6340202			35
. Kế toán doanh nghiệp	6340302		30	35
. Điện công nghiệp và dân dụng	5520223		30	
. Công nghệ Hàn	-	50		
. Tin học văn phòng	-	30		
. Điện dân dụng	-	30		
Tổng	**-**	**110**	**120**	**510**

4.2. Số lượng học sinh, sinh viên

Trình độ đào tạo	Năm học			Ghi chú
	2017 - 2018	2018 - 2019	2019 - 2020	
1. Cao đẳng	599	636	434	
2. Trung cấp	290		292	
3. Sơ cấp nghề				
Tổng cộng	**889**	**636**	**726**	

5. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính

5.1. Diện tích đất

- Tổng diện tích đất 10.000 m^2, trong đó:

+ Diện tích xây dựng: 3600 m^2

+ Diện tích cây xanh, lưu không: 6400 m^2

5.2. Diện tích hạng mục và công trình

TT	Hạng mục, công trình	Tổng diện tích (m^2)	Đã xây dựng (m^2)	Đang xây dựng	
				Diện tích (m^2)	Thời gian hoàn thành
1	Khu hiệu bộ	600	600		
2	Phòng học lý thuyết	1245	1.245		
3	Xưởng thực hành	1317	1.317		
4	Khu phục vụ (Nhà kho)	200	200		
4.1	*Thư viện*	200	200		
4.2	*Nhà ăn*	200	200		
4.3	*Trạm y tế (nhà để xe)*	600	600		
4.4	*Khu thể thao*	3342	3.342		
	Tổng	**7704**	**1806**		

5.3 Tổng số đầu sách trong thư viện của trường: 204 đầu sách

Tổng số đầu sách thuộc nghề đào tạo của trường: 204 đầu sách

5.4. Tổng số máy tính của trường: 68 bộ

- Dùng cho văn phòng: 30 bộ
- Dùng cho học sinh học tập: 38 bộ

5.5. Tổng kinh phí đào tạo trong 3 năm trở lại đây:

- Năm 2017: 9.726.000.000 VNĐ
- Năm 2018: 8.410.794.848
- Năm 2019: 5.926.553.565 VNĐ

5.6. Tổng thu học phí (chỉ tính hệ chính quy) từ năm 2017 đến năm 2019:

- Năm 2017: 6.235.700.000 VNĐ
- Năm 2018: 6.126.016.393 VNĐ
- Năm 2019: 6.689.594.250 VNĐ

PHẦN II: KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ HÀ NỘI

1. Đặt vấn đề

Chất lượng đào tạo là mối quan tâm hàng đầu đối với Trường Cao đẳng FPT Polytechnic. Hàng năm, Nhà trường tổ chức rà soát các hoạt động, tự đánh giá các kết quả đạt được và xác định rõ những tồn tại thông qua hệ thống tiêu chí tiêu chuẩn ban hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo (từ 2017 thực hiện theo hệ thống tiêu chí do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành), có biện pháp cụ thể để cải thiện, khắc phục các tồn tại, điểm tồn tại, từng bước hoàn thiện các hoạt động các đơn vị trong nhà trường và nâng cao chất lượng đào tạo.

2. Tổng quan chung

2.1. Căn cứ tự đánh giá

- Căn cứ các tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng do Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành kèm theo thông tư 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 8/6/2017 quy định hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

- Quy trình tự đánh giá chất lượng được quy định tại Mục 2, Chương II, Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ LĐTBXH;

- Hướng dẫn đánh giá chất lượng trường trung cấp, cao đẳng được quy định tại công văn số 453/TCGDNN-KĐCL của Tổng cục giáo dục nghề nghiệp ngày 25/3/2019;

- Hướng dẫn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng được quy định tại công văn số 454/ TCGDNN-KĐCL của Tổng cục ngày 25/3/2019;

- Công văn số 909/TCDNN-KĐCL ngày 30/5/2019 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về việc thực hiện quy định hệ thống đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2019.

2.2. Mục đích tự đánh giá

Xác định thực trạng, khả năng dạy nghề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng Phòng, Khoa, Bộ môn và đơn vị thuộc trường cũng như toàn trường;

Tổng hợp những nội dung đã và đang thực hiện theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định trường cao đẳng với minh chứng cụ thể kèm theo;

Cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo của Trường Cao đẳng FPT Polytechnic và để

đăng ký kiểm định chất lượng dạy nghề năm 2019.

2.3. Yêu cầu tự đánh giá

Công tác tự đánh giá phải thực hiện theo kế hoạch đề ra đảm bảo tính chính xác, khách quan và có dẫn chứng, số liệu minh chứng cụ thể

- Bám sát hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn tại thông tư 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 6 năm 2017 và tham chiếu hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

- Thực hiện đúng theo Quy trình tự đánh giá chất lượng được quy định tại Mục 2, Chương II, Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Thực hiện đúng theo Hướng dẫn đánh giá chất lượng trường trung cấp, cao đẳng được quy định tại công văn số 453/TCGDNN-KĐCL của Tổng cục giáo dục nghề nghiệp ngày 25/3/2019.

2.4. Phương pháp tự đánh giá

Tự đánh giá theo phương pháp thu thập minh chứng, số liệu, hồ sơ các hoạt động đối chiếu với hệ thống Tiêu chí, tiêu chuẩn để mô tả, phân tích chung về những thông tin, minh chứng của Nhà trường. Sau đó đưa ra nhận định, đánh giá.

Các đơn vị phòng, khoa tự đánh giá, tổng hợp đánh giá và đề ra giải pháp cụ thể cải thiện, khắc phục những tồn tại

2.5. Các bước tiến hành tự đánh giá

Bước 1: Thành lập Hồi đồng tự đánh giá, lập kế hoạch, phân công nhiệm vụ.

Bước 2: Họp Hội đồng tự đánh giá.

Bước 3: Các đơn vị họp phân công nhiệm vụ cho các thành viên.

Bước 4: Tập huấn hướng dẫn các cá nhân, đơn vị trong toàn Trường có liên quan đến báo cáo tự đánh giá.

Bước 5: Các cá nhân, đơn vị nghiên cứu, khảo sát, thu thập, xử lý thông tin, minh chứng và viết báo cáo chỉ số.

Bước 6: Tổng hợp bản dự thảo Báo cáo tự đánh giá, bổ sung minh chứng.

Bước 7: Lấy ý kiến góp ý dự thảo Báo cáo tự đánh giá.

Bước 8: Hoàn thiện, và công bố báo cáo tự đánh giá, nộp Bộ LĐTB&XH, Sở LĐTB&XH.

3. Tự đánh giá

3.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (Ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp
	ĐỀ XUẤT KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC	1/0	Đạt/Không đạt chuẩn chất lượng
	Tổng điểm	**90 Điểm**	**Đạt**
1	**Tiêu chí 1: Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý**	**11 điểm**	**Đạt**
	Tiêu chuẩn 1.1: Mục tiêu và sứ mạng của trường được xác định cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thể hiện được vai trò của trường trong việc áp đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, nghành và được công bố công khai.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 1.2: Trường hợp thực hiện phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương hoặc nghành để xác định các nghành, nghề đào tạo và quy mô đào tạo phù hợp.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 1.3: Trường ban hành văn bản quy định về tổ chức và quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong trường theo quy định.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 1.4: Hằng năm, các văn bản qui định về tổ chức và quản lý của trường được rà soát, thực hiện điều chỉnh nếu cần thiết.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 1.5: Các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường được phân công, phân cấp rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, phù hợp với cơ cấu ngành nghề, quy mô đào tạo và mục tiêu của trường.	1 điểm	Đạt

	Tiêu chuẩn 1.6: Hội đồng trường hoặc hội đồng quản trị, các hội đồng tư vấn, các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định và có hiệu quả.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 1.7: Trường xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng theo quy định.	0 điểm	Không đạt
	Tiêu chuẩn 1.8: Trường có bộ phận phụ trách thực hiện công tác quản lý, đảm bảo chất lượng đào tạo và hằng năm hoàn thành nhiệm vụ được giao.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 1.9: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong trường phát huy được vai trò lãnh đạo, hoạt động đúng điều lệ và theo quy định của Hiến pháp và pháp luật.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 1.10: Các đoàn thể, tổ chức xã hội trong trường hoạt động theo đúng điều lệ của tổ chức mình và theo quy định của pháp luật, góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo của trường.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 1.11: Trường có quy định và thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của trường theo quy định nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. Hằng năm rà soát, cải tiến phương pháp, công cụ kiểm tra, giám sát.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 1.12: Trường có văn bản và thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi của nhà nước cho các đối tượng được thụ hưởng; thực hiện chính sách bình đẳng giới theo quy định.	1 điểm	Đạt
2	**Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo**	**17 điểm**	Đạt

	Tiêu chuẩn 2.1: Các ngành, nghề đào tạo của trường được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Trường ban hành chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo và công bố công khai để người học và xã hội biết	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 2.2: Trường xây dựng và ban hành quy chế tuyển sinh theo quy định.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 2.3: Hằng năm, trường xác định chỉ tiêu tuyển sinh và thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 2.4: Thực hiện đa dạng hoá các phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 2.5: Trường xây dựng và phê duyệt kế hoạch, tiến độ đào tạo cho từng lớp, từng khóa học của mỗi ngành hoặc nghề, theo từng học kỳ, năm học. Kế hoạch đào tạo chi tiết đến từng mô đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với từng hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đúng quy định.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 2.6: Trường tổ chức thực hiện theo kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo đã được phê duyệt.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 2.7: Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt; có sự phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập các ngành, nghề tại đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu	1 điểm	Đạt

	có.		
	Tiêu chuẩn 2.8: Phương pháp đào tạo được thực hiện kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 2.9: Trường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 2.10: Hằng năm, trường có kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo đúng kế hoạch.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 2.11: Hằng năm, trường có báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học; có đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học; kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học theo đề xuất nếu cần thiết.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 2.12: Trường ban hành đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 2.13: Trong quá trình đánh giá kết quả học tập của người học có sự tham gia của đơn vị sử dụng lao động và theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 2.14: Tổ chức thực hiện kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định đảm bảo nghiêm túc, khách quan.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 2.15: Hằng năm, trường thực hiện rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công	1 điểm	Đạt

	nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ và kịp thời điều chỉnh nếu cần thiết		
	Tiêu chuẩn 2.16: Trường có hướng dẫn và tổ chức thực hiện về đào tạo liên thông theo quy định.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 2.17: Trường có cơ sở dữ liệu về các hoạt động đào tạo và tổ chức quản lý, sử dụng hiệu quả.	1 điểm	Đạt
3	**Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên và người lao động.**	**15 điểm**	**Đạt**
	Tiêu chuẩn 3.1: Có quy định về việc tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 3.2: Tổ chức thực hiện tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan; thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động theo quy định	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 3.3: Đội ngũ nhà giáo của trường tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và các tiêu chuẩn hiện hành khác nếu có.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 3.4: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định và không vi phạm quy chế, nội quy và quy định của trường.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 3.5: Trường có đội ngũ nhà giáo đảm bảo tỷ lệ quy đổi; số lượng nhà giáo cơ	1 điểm	Đạt

	hữu đảm nhận khối lượng chương trình mỗi ngành, nghề đào tạo theo quy định; trường đảm bảo tỷ lệ nhà giáo có trình độ sau đại học theo quy định		
	Tiêu chuẩn 3.6: Nhà giáo giảng dạy theo nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chương trình đào tạo.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 3.7: Trường có chính sách, biện pháp và thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 3.8: Hằng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy cho đội ngũ nhà giáo.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 3.9: Nhà giáo được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất theo quy định và thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 3.10: Hằng năm, trường thực hiện tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 3.11: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng của trường đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định và thực hiện đúng quyền hạn, trách nhiệm được giao.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 3.12: Đội ngũ cán bộ quản lý của các đơn vị thuộc trường được bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định.	1 điểm	Đạt

	Tiêu chuẩn 3.13: Đội ngũ cán bộ quản lý của trường đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ; thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ được giao.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 3.14: Hằng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 15: Đội ngũ viên chức, người lao động của trường đủ số lượng, có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc được giao, được định kỳ bồi dưỡng nâng cao trình độ.	1 điểm	Đạt
4	**Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình**	**13 điểm**	**Đạt**
	Tiêu chuẩn 4.1: Có đầy đủ chương trình đào tạo các chuyên ngành hoặc nghề mà trường đào tạo.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 4.2: 100% chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 4.3: Chương trình đào tạo của trường thể hiện được mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học đạt được sau tốt nghiệp; phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô đun, môn học, từng chuyên ngành hoặc nghề và từng trình độ theo quy định.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 4.4: Chương trình đào tạo được xây dựng có sự tham gia của nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 4.5: Chương trình đào tạo đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động	1 điểm	Đạt

	Tiêu chuẩn 4.6: Chương trình đào tạo được xây dựng bảo đảm việc liên thông giữa các trình độ giáo dục nghề nghiệp với các trình độ đào tạo khác trong hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 4.7: Ít nhất 3 năm 1 lần trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với chương trình đào tạo đã ban hành.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 4.8: Chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo có cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến ngành, nghề đào tạo hoặc tham khảo các chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 4.9: Trước khi tổ chức đào tạo liên thông, trường căn cứ chương trình đào tạo, thực hiện rà soát các mô đun, tín chỉ, môn học và có quyết định đối với các mô đun, tín chỉ, môn học mà người học không phải học để đảm bảo quyền lợi của người học.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 4.10: Có đủ giáo trình cho các mô đun, môn học của từng chương trình đào tạo.	0 điểm	Không đạt
	Tiêu chuẩn 4.11: 100% giáo trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định để làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức.	0 điểm	Không đạt
	Tiêu chuẩn 4.12: Giáo trình đào tạo cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 4.13: Giáo trình đào tạo tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 4.14: Hằng năm, trường thực hiện việc lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý,	1 điểm	Đạt

	cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có		
	Tiêu chuẩn 4.15: Khi có sự thay đổi về chương trình đào tạo, trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với giáo trình đào tạo đảm bảo yêu cầu theo quy định	1 điểm	Đạt
5	**Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện**	**13 điểm**	**Đạt**
	Tiêu chuẩn 5.1: Địa điểm xây dựng trường phù hợp với quy hoạch chung của khu vực và mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, khu đất xây dựng cần đảm bảo yên tĩnh cho việc giảng dạy và học tập; giao thông thuận tiện và an toàn; thuận tiện cho việc cung cấp điện, nước, đảm bảo khoảng cách đối với các xí nghiệp công nghiệp thải ra chất độc hại; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 5.2: Quy hoạch tổng thể mặt bằng khuôn viên hợp lý, phù hợp với công năng và các yêu cầu giao thông nội bộ, kiến trúc và môi trường sư phạm; diện tích đất sử dụng, diện tích cây xanh đảm bảo theo quy định.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 5.3: Có đủ các khu vực phục vụ hoạt động của trường theo tiêu chuẩn: khu học tập và nghiên cứu khoa học (phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, phòng thí nghiệm và phòng học chuyên môn); khu thực hành (xưởng thực hành, thực tập, trại trường, vườn thí nghiệm); khu vực rèn luyện thể chất; khu hành chính quản trị, phụ trợ và khu phục vụ	1 điểm	Đạt

	sinh hoạt cho người học và nhà giáo.		
	Tiêu chuẩn 5.4: Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường (đường giao thông nội bộ; hệ thống điện; cấp thoát nước, xử lý nước thải, chất thải; thông gió; phòng cháy chữa cháy) theo quy chuẩn và đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt; được bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 5.5: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa bảo đảm quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành và các yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 5.6: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 5.7: Phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa được sử dụng theo quy định hiện hành.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 5.8: Thiết bị đào tạo đáp ứng danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo yêu cầu đào tạo của từng trình độ đào tạo theo chuyên ngành hoặc nghề do cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương quy định. Đối với các chuyên ngành hoặc nghề mà cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương chưa ban hành danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu thì trường đảm bảo thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo, tương ứng quy mô đào tạo của chuyên ngành hoặc nghề đó.	0 điểm	Không đạt

	Tiêu chuẩn 5.9: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành; đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 5.10: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo, trong đó có quy định về việc định kỳ đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 5.11: Thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định của trường và nhà sản xuất; hằng năm đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng theo quy định.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 5.12: Trường có định mức tiêu hao vật tư hoặc định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo và có quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo; tổ chức thực hiện theo quy định đảm bảo kịp thời, đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo; vật tư được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện cho việc bảo quản và sử dụng.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 5.13: Trường có thư viện bao gồm phòng đọc, phòng lưu trữ bảo đảm theo tiêu chuẩn thiết kế. Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được trường phê duyệt, mỗi loại giáo trình đảm bảo tối thiểu 05 bản in.	0 điểm	Không đạt
	Tiêu chuẩn 5.14: Tổ chức hoạt động, hình thức phục vụ của thư viện trường phù hợp với nhu	1 điểm	Đạt

	cầu tra cứu của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học.		
	Tiêu chuẩn 5.15: Trường có thư viện điện tử, có phòng máy tính đáp ứng nhu cầu tra cứu, truy cập thông tin của nhà giáo và người học; các giáo trình, tài liệu tham khảo của trường được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.	1 điểm	Đạt
6	**Tiêu chí 6 – Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế**	**2 điểm**	**Đạt**
	Tiêu chuẩn 6.1: Trường có chính sách và thực hiện các chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 6.2: Hằng năm, trường có đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến từ cấp trường trở lên phục vụ thiết thực công tác đào tạo của trường (ít nhất 01 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường trung cấp, ít nhất 02 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường cao đẳng).	0 điểm	Không đạt
	Tiêu chuẩn 6.3: Hằng năm, trường có các bài báo, ấn phẩm của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động đăng trên các báo, tạp chí khoa học ở trong nước hoặc quốc tế.	0 điểm	Không đạt
	Tiêu chuẩn 6.4: Các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến của trường được ứng dụng thực tiễn.	0 điểm	Không đạt
	Tiêu chuẩn 6.5: Có liên kết đào tạo hoặc triển khai các hoạt động hợp tác với các trường nước	1 điểm	Đạt

	ngoài hoặc các tổ chức quốc tế; các hoạt động hợp tác quốc tế góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường.		
7	**Tiêu chí 7: Quản lý tài chính**	**6 điểm**	**Đạt**
	Tiêu chuẩn 7.1: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán về tài chính theo quy định và công bố công khai.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 7.2: Quản lý, sử dụng các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo; tham gia sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đúng theo quy định.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 7.3: Trường có các nguồn lực về tài chính đảm bảo đủ kinh phí phục vụ các hoạt động của trường.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 7.4: Thực hiện việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán đúng quy định.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 7.5: Thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính kế toán; thực hiện kiểm toán theo quy định; xử lý, khắc phục kịp thời các vấn đề còn vướng mắc trong việc thực hiện các quy định về quản lý và sử dụng tài chính khi có kết luận của các cơ quan có thẩm quyền; thực hiện công khai tài chính theo quy định.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 7.6: Hằng năm, trường có đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của trường; có các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài chính nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động của trường.	1 điểm	Đạt
8	**Tiêu chí 8 – Dịch vụ người học (9 tiêu chuẩn)**	**7 điểm**	**Đạt**
	Tiêu chuẩn 8.1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường; các chế	1 điểm	Đạt

	độ, chính sách hiện hành đối với người học; các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học theo quy định.		
	Tiêu chuẩn 8.2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 8.3: Có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. Người học được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập tại trường để hoàn thành nhiệm vụ học tập.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 8.4: Người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 8.5: Ký túc xá đảm bảo đủ diện tích nhà ở và các điều kiện tối thiểu (chỗ ở, điện, nước, vệ sinh, các tiện nghi khác) cho sinh hoạt và học tập của người học.	0 điểm	Không đạt
	Tiêu chuẩn 8.6: Có dịch vụ y tế chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ; dịch vụ ăn uống của trường đáp ứng nhu cầu của người học và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 8.7: Người học được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia các hoạt động xã hội; được đảm bảo an toàn trong khuôn viên trường.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 8.8: Trường thực hiện việc tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 8.9: Hằng năm, trường tổ chức hoặc phối hợp tổ chức hội chợ việc làm để người học tiếp xúc với các nhà tuyển dụng.	0 điểm	Không đạt
9	**Tiêu chí 9 – Giám sát, đánh giá chất lượng**	**4 điểm**	**Đạt**

	Tiêu chuẩn 9.1: Hằng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.	0 điểm	Không đạt
	Tiêu chuẩn 9.2: Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 50% cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 9.3: Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 30% người học đại diện các ngành, nghề đào tạo về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 9.4: Trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng và kiểm định chất lượng theo quy định.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 9.5: Hằng năm, trường có kế hoạch cụ thể và các biện pháp thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá và kết quả đánh giá ngoài nếu có.	1 điểm	Đạt
	Tiêu chuẩn 9.6: Trường có tỷ lệ 80% người học có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo sau 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp.	0 điểm	Không đạt

3.2. Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn

3.2.1. Tiêu chí 1: Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý

Trường Cao đẳng FPT Polytechnic được thành lập và chính thức đi vào hoạt động từ tháng 8 năm 2007. Trường được thành lập theo mô hình ”Nhà trường trong doanh nghiệp” đào tạo đa ngành nghề cho Hà Nội và các tỉnh lân cận. Nhà trường đã

đóng góp nhiều thành tích trong sự nghiệp giáo dục nghề nghiệp, phát triển kinh tế xã hội của Hà Nội và các tỉnh lân cận, trở thành một trong những cơ sở đào tạo nghề nghiệp có uy tín. Để có vị trí như hiện nay, Nhà trường luôn chủ động xây dựng mục tiêu, sứ mạng rõ ràng phù hợp với từng giai đoạn phát triển. Các mục tiêu phát triển được xây dựng cụ thể phù hợp với chức năng, nhiệm vụ trên cơ sở đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực của các địa phương để xác định các ngành nghề với quy mô đào tạo phù hợp. Cơ cấu tổ chức và quản lý được quy định chặt chẽ, được phân công, phân cấp rõ về chức năng, nhiệm vụ. Thực hiện đúng theo hướng dẫn của các cấp có thẩm quyền, kiện toàn tổ chức bộ máy đảm bảo hoạt động tốt chức năng, nhiệm vụ. Nhà trường có đầy đủ các điều kiện để đảm bảo tiêu chí về mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý đạt yêu cầu.

** Những điểm mạnh:*

Với sứ mạng đào tạo đội ngũ cán bộ kỹ thuật thực hành chất lượng cao đáp ứng nhu cầu của các doanh nghiệp trong và quốc tế theo các trình độ Cao đẳng, Trung cấp và đào tạo nghề. Sinh viên sau khi tốt nghiệp trường có phẩm chất đạo đức tốt, có trình độ kiến thức cơ bản vững chắc, kiến thức chuyên ngành chuyên sâu; có tác phong làm việc khoa học, chính quy, hiệu quả và có năng lực toàn diện trong quản lý, tổ chức, điều hành và làm việc nhóm; có năng lực ngoại ngữ, công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu hoạt động chuyên môn và hội nhập quốc tế; có sức khỏe tốt; có khả năng tự học tập, nghiên cứu nâng cao trình độ và thích nghi với mọi hoàn cảnh.

Mục tiêu, sứ mạng của Trường FPOLY có sự đồng thuận của tập thể CCVC&NLĐ và được công bố công khai, có nội dung rõ ràng, phổ biến, tuyên truyền rộng rãi trong CCVC&NLĐ, SV, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và nguồn lực của trường. Mục tiêu, sứ mạng cũng chỉ ra được thế mạnh và hướng phát triển của Nhà trường trong tương lai.

Nhà trường ban hành văn bản quy định về tổ chức và quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong trường theo quy định. Hằng năm, Nhà trường luôn chủ động rà soát các văn bản liên quan đến quy định về tổ chức và quản lý.

Các phòng, khoa được phân công, phân cấp rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ phù hợp với cơ cấu ngành nghề, quy mô đào tạo và mục tiêu của trường.

Hội đồng Khoa học và Đào tạo thường xuyên được kiện toàn, bổ sung cho phù hợp với yêu cầu, các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định và có hiệu quả.

Tổ chức Đảng, Đoàn, Công đoàn của Nhà trường phát huy được vai trò lãnh đạo, hoạt động đúng điều lệ và theo quy định của Hiến pháp và pháp luật. Tổ chức Đảng được tổ chức chặt chẽ và hoạt động hiệu quả thể hiện được vai trò lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị. Cấp ủy các chi bộ đều là những cán bộ có năng lực và có uy tín phân bố đều ở các đơn vị công tác, tạo sự gắn kết giữa hoạt động của Đảng và hoạt động chuyên môn.

Dưới sự lãnh đạo của Chi bộ Nhà trường, các đoàn thể, tổ chức xã hội được tổ chức chặt chẽ, hoạt động có hiệu quả theo đúng điều lệ, theo quy định của pháp luật, góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo của trường. Thành viên Ban chấp hành Công đoàn, Đoàn TNCS HCM đều là những cán bộ có năng lực và có uy tín được quần chúng tín nhiệm.

** Những tồn tại:*

Nhà trường chưa có nhiều ý kiến đóng góp từ các doanh nghiệp và nhà tuyển dụng tham gia vào góp ý xây dựng nội dung chương trình đào tạo. Công tác điều tra khảo sát để thu thập thông tin về chất lượng đào tạo từ các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng và cựu học sinh, sinh viên chưa được thường xuyên.

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

- Phòng PTCT chủ trì và phối hợp với các đơn vị: Tổ chức rà soát chương trình đào tạo đã ban hành để thường xuyên bổ sung, điều chỉnh và xây dựng các chương trình đào tạo mới (nếu có) đáp ứng yêu cầu của người học, của doanh nghiệp và xã hội, tuân thủ đúng qui trình, lưu trữ đầy đủ hồ sơ.

- Thường xuyên tiến hành lấy ý kiến của doanh nghiệp, đơn vị có sử dụng người lao động tham gia vào xây dựng CTĐT nhằm mục đích đào tạo gắn liền với thực tiễn.

Điểm đánh giá tiêu chí 1:

Tiêu chí 1: Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý	**Điểm tự đánh giá**
Tiêu chuẩn 1.1	*1 điểm*
Tiêu chuẩn 1.2	*1 điểm*
Tiêu chuẩn 1.3	*1 điểm*

Tiêu chuẩn 1.4	*1 điểm*
Tiêu chuẩn 1.5	*1 điểm*
Tiêu chuẩn 1.6	*1 điểm*
Tiêu chuẩn 1.7	*0 điểm*
Tiêu chuẩn 1.8	*1 điểm*
Tiêu chuẩn 1.9	*1 điểm*
Tiêu chuẩn 1.10	*1 điểm*
Tiêu chuẩn 1.11	*1 điểm*
Tiêu chuẩn 1.12	*1 điểm*

Tiêu chuẩn 1.1:

Mục tiêu và sứ mạng của trường được xác định cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thể hiện được vai trò của trường trong việc đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, ngành và được công bố công khai.

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Trường FPOLY có trụ sở làm việc tại Km 12, đường Cầu Diễn, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội. Nhà trường được thành lập theo Quyết định số 3997/QĐ - BGDĐT ngày 03 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo Dục và Đào tạo **[1.1.01]**; mọi hoạt động của Nhà trường được thực hiện theo Điều lệ Trường Cao đẳng FPT Polytechnic **[1.1.02]**

Sứ mạng của Nhà trường được xác định trong Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng FPT Polytechnic ban hành kèm theo Quyết định số 12/2018/QĐ-HĐTV ngày 19/7/2017. Sứ mạng của Nhà trường có nội dung rõ ràng, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, các nguồn lực và định hướng phát triển của trường **[1.1.03]**.

Nhà trường có đủ các nguồn lực để thực hiện sứ mạng; nguồn nhân lực của trường không những được phát triển về số lượng mà còn về chất lượng. Cơ sở vật chất được xây dựng tương đối khang trang hiện đại với phòng học, phòng Lab, phòng máy tính, mạng Internet,… cơ bản đáp ứng yêu cầu đào tạo.

Sứ mạng của Nhà trường đã được công bố rộng rãi đến toàn thể cán bộ, CCVC và người học; trên Website (hitech.edu.vn), quy chế tổ chức và hoạt động trường, các hội nghị công nhân viên chức hàng năm và các kênh khác nhau **[1.1.04]**

Sau khi sáp nhập vào Tổ chức giáo dục FPT, Trường điều chỉnh Tầm nhìn, Sứ mạng và khảo sát ý kiến của cán bộ giảng viên về Tầm nhìn, Sứ mạng này [**1.1.05**].

Tồn tại: trường chưa lấy ý kiến cán bộ giảng viên về sứ mạng, tầm nhìn

Kế hoạch: Lên kế hoạch và thực hiện khảo sát cán bộ giảng viên về sứ mạng, tầm nhìn.

**** Điểm tự đánh giá:** 01 điểm*

Tiêu chuẩn 1.2:

Trường thực hiện phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương hoặc ngành để xác định các ngành, nghề đào tạo và quy mô đào tạo phù hợp.

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Hàng năm, Nhà trường tổ chức khảo sát các doanh nghiệp, đơn vị đã và đang sử dụng lao động là SV tốt nghiệp, trên cơ sở thống kê ý kiến phản hồi từ các doanh nghiệp, đơn vị, Nhà trường đánh giá được nhu cầu đào tạo hiện tại cũng như tương lai của các đơn vị, kết quả: 100% các đơn vị có ý kiến cho thấy Nhà trường đang đào tạo các nghề phù hợp với nhu cầu lao động.

Để đáp ứng yêu cầu về chất lượng nguồn nhân lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và đất nước. Hiện nay, Nhà trường xây dựng kế hoạch tiếp tục tiến hành khảo sát nhu cầu sử dụng nhân lực của tỉnh, nhu cầu tuyển dụng viên chức của các địa phương, doanh nghiệp... để xác định chỉ tiêu đào tạo, mở ngành, nghề, xây dựng chương trình đào tạo cho phù hợp với định hướng và cơ hội có việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp **[1.2.01].**

**** Điểm tự đánh giá:** 01 điểm*

Tiêu chuẩn 1.3:

Trường đã ban hành hệ thống văn bản quy định về tổ chức và quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong trường theo quy định.

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Trường Cao đẳng FPT Polytechnic là Nhà trường tư thục trực thuộc Bộ Lao động - Thương Binh và Xã hội, nhà trường có con dấu và tài khoản riêng thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ. Trong quá trình hoạt động, Nhà trường đã xây dựng hệ thống các văn

bản pháp quy về tổ chức và quản lý để đảm bảo các hoạt động đào tạo của Nhà trường. Cụ thể: Quy chế về tổ chức và hoạt động **[1.1.03]**; Quy chế đào tạo Cao đẳng, Trung cấp hệ chính quy **[1.3.01]**; Quy chế Công tác SV **[1.3.02]**; Quy chế chi tiêu nội bộ **[1.3.03]**; Quy chế thi đua, khen thưởng **[1.3.04]**; Quy định về chế độ làm việc, nghỉ ngơi của công chức, viên chức **[1.3.05]**; Quy định về Quản lý và sử dụng cơ sở vật chất **[1.3.06]**; Quy chế thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp **[1.3.02]** và hàng loạt các văn bản pháp quy khác...

Điểm mạnh: Nhà trường có đầy đủ hệ thống các văn bản pháp quy về tổ chức và quản lý quy định rõ chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Ban Giám hiệu và các đơn vị được phân cấp hợp lý, có quyền chủ động trong công việc. Công tác quản lý được thể chế hoá bằng quy định, quy chế, hệ thống báo cáo được thực hiện và đánh giá định kỳ hàng tháng, quý, năm.

Tồn tại: So với các yêu cầu của các chỉ số trong tiêu chuẩn 3, nhà trường nhận thấy đã thực hiện đầy đủ những điều kiện đề ra, không có điểm tồn tại cần khắc phục.

Kế hoạch hành động: Hàng năm rà soát, bổ sung quy chế dân chủ, quy chế chi tiêu nội bộ ...và các các văn bản pháp quy khác về tổ chức và quản lý cho phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trương qua từng năm, từng giai đoạn.

**** Điểm tự đánh giá:** 01 điểm*

Tiêu chuẩn 1.4:

Hàng năm, các văn bản quy định về tổ chức và quản lý của trường được rà soát, thực hiện điều chỉnh cần thiết.

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Trên cơ sở các văn bản pháp quy về tổ chức và quản lý trước đây đã ban hành, trong năm 2017, Nhà trường đã tiếp tục bổ sung, sửa đổi các văn bản pháp quy khác cho phù hợp với quy định của pháp luật và thực tế của Nhà trường từ khi chuyển dần sang mô hình cơ sở giáo dục nghề nghiệp do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý **[1.4.01]**.

Điểm mạnh: Những văn bản hành chính pháp quy, quy định về tổ chức, cơ chế quản lý, quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong Nhà trường hàng năm và theo từng giai đoạn phát triển của Nhà trường, được rà soát và bổ sung theo các ý kiến đóng góp của toàn thể giảng viên, cán bộ quản lý, công nhân viên trong toàn trường.

Kế hoạch: Hàng năm rà soát, bổ sung, thay thế những quy chế, quy định và các văn bản pháp quy khác không còn giá trị ứng dụng cho phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường qua từng năm, từng giai đoạn.

**** Điểm tự đánh giá**: 01 điểm*

Tiêu chuẩn 1.5:

Các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường được phân công, phân cấp rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, phù hợp với cơ cấu ngành nghề, quy mô đào tạo và mục tiêu của trường.

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Theo Điều lệ Trường Cao đẳng FPT Polytechnic **[1.1.02];** Quy chế về tổ chức và hoạt động của trường **[1.1.03]** và yêu cầu thực tế, Nhà trường đã có Quyết định thành lập các Khoa và tổ bộ môn trực thuộc khoa **[1.5.01]** để tạo điều kiện thuận lợi cho việc quản lý và tham mưu về công tác chuyên môn.

Hiện nay, cơ cấu tổ chức các phòng chức năng, khoa chuyên môn, tổ bộ môn của trường gồm có:

04 phòng chức năng: Tổ chức hành chính (TCHC) Đào tạo, QUan hệ doanh nghiệp và tuyển sinh (QHDN&TS), Tài chính kế toán (TCKT).

03 khoa chuyên môn: Cơ bản, CNTT, Điện - Cơ khí.

Nhà trường không thành lập các tổ bộ môn trực thuộc Nhà trường mà thành lập 06 tổ bộ môn trực thuộc khoa; Tổ Khoa học Xã hội, Tổ Kinh tế (trực thuộc khoa Cơ bản - Kinh tế); Tổ Lập trình máy tính, Tổ Ứng dụng phần mềm (trực thuộc khoa Công nghệ thông tin); Tổ Điện, điện tử, Tổ Cơ khí (trực thuộc khoa Điện - Cơ khí).

Việc sắp xếp tổ chức các phòng, khoa, tổ bộ môn của Nhà trường là phù hợp, phát huy được vai trò cũng như mối quan hệ giữa các đơn vị nhằm phục vụ cho mục tiêu chung của Nhà trường; đảm bảo cho Nhà trường hàng năm đều hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ được giao **[1.5.02]**.

Tuỳ theo tính chất công việc, mỗi phòng chức năng, khoa chuyên môn, tổ bộ môn có trưởng, phó của các đơn vị. Các phòng, khoa, tổ bộ môn đều được xác định nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng, chịu sự lãnh đạo của Hiệu trưởng theo quy chế tổ chức và hoạt động của trường.

Sau khi sáp nhập vào Tổ chức giáo dục FPT, Trường đang dần từng bước hoàn thiện cơ cấu tổ chức nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển trong giai đoạn tiếp theo.

Điểm mạnh: Các phòng chức năng, khoa chuyên môn, tổ bộ môn trực thuộc được sắp xếp phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và quy mô đào tạo của Nhà trường; chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị được quy định rõ ràng tạo điều kiện thuận lợi trong việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục và đào tạo, đạt hiệu quả, chất lượng cao **[1.5.03]**. .

Kế hoạch: Hoàn thiện bộ máy quản lý đáp ứng nhu cầu phát triển trong thời gian tiếp theo.

**** Điểm tự đánh giá**: 01 điểm*

Tiêu chuẩn 1.6:

Hội đồng thành viên, các hội đồng tư vấn, các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường hoạt động đúng chức năng theo quy định và có hiệu quả.

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Trường Cao đẳng FPT Polytechnic là mô hình trường trong doanh nghiệp, việc kiện toàn Hội đồng quản trị, nay là Hội đồng thành viên luôn được Nhà trường thực hiện theo đúng quy định và quy chế ban hành **[1.6.01]**; Hội đồng thành viên hoạt động tuân thủ theo nghị quyết hàng năm 2018, 2019 **[1.6.02]** và thực hiện việc xây dựng kế hoạch hoạt động và báo cáo các hoạt động hàng năm **[1.6.03]**

Ngay sau khi thành lập Trường (2007), đến quý 3 năm 2007, Trường Cao đẳng FPT Polytechnic đã ra quyết định thành lập Hội đồng khoa học và đào tạo (KH&ĐT). Qua nhiều năm hình thành và phát triển, nhà trường đã có nhiều biến động nhân sự nhưng Nhà trường luôn trú trọng tới công tác nghiên cứu khoa học, một trong những vấn đề mang tính cốt lõi trong sự nghiệp phát triển và giữ vững vị thế của Nhà trường. Hội đồng đã tập hợp được các cán bộ, giảng viên có trình độ cao, đủ năng lực thực hiện nhiệm vụ được giao; phát huy vai trò và trách nhiệm trong việc tư vấn cho Hiệu trưởng về mục tiêu, chương trình đào tạo, xây dựng và đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên, cán bộ, nhân viên của trường đáp ứng yêu cầu của xã hội **[1.6.04]**; Đồng thời, Nhà trường đã thành lập các hội đồng tư vấn có vai trò tư vấn cho Hiệu trưởng những vấn đề cụ thể trong các lĩnh vực hoạt động của Nhà trường như: Hợp đồng thuê chuyên gia **[1.6.05]**; Hội đồng thi đua khen thưởng **[1.6.06]**; …

Căn cứ Điều lệ Trường Cao đẳng CNHN, Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, Ban Giám hiệu chịu trách nhiệm chỉ đạo công việc chung của toàn trường và phân công nhiệm vụ và quyền hạn cho các đơn vị phòng, khoa, Trung tâm. Trên cơ sở

đó, các phòng, khoa, Trung tâm, chỉ đạo phân công công việc cho các cá nhân cán bộ, giảng viên thực hiện. Nhà trường đã quy định nhiệm vụ, quyền hạn và phân công nhiệm vụ giữa Hiệu trưởng và các Phó hiệu trưởng. Trên cơ sở đó, các đơn vị phòng, khoa, Trung tâm đã quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn cụ thể của từng trưởng, phó đơn vị và tổ trưởng các tổ chuyên môn, giảng viên, nhân viên trong từng đơn vị thể hiện sự phân công, phân cấp hợp lý, rõ ràng và tính trách nhiệm của từng cán bộ cấp tổ trưởng trở lên **[1.5.02]**. Các đơn vị đều phát huy tốt vai trò, chức năng và nhiệm vụ của mình, và hoàn toàn phù hợp với Điều lệ, Quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường

Điểm mạnh: Nhà **t**rường rất quan tâm đến việc tổ chức và hoạt động của Hội đồng KH&ĐT và các hội đồng tư vấn khác. Về cơ bản các Hội đồng đã làm tốt chức năng, nhiệm vụ giúp Nhà trường thực hiện có hiệu quả, chất lượng công việc theo Quy chế tổ chức và hoạt động của trường

Nhà trường được xây dựng hợp và phân công công việc một cách có hiệu quả trên, Các đơn vị đều phát huy tốt vai trò, chức năng và nhiệm vụ của mình, và hoàn toàn phù hợp với Điều lệ, Quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường

Kế hoạch: Tổ chức thường xuyên, định kỳ các buổi họp Hội đồng KH&ĐT và các Hội đồng tư vấn khác để có nhiều ý kiến đóng góp có giá trị về công tác quản lý, chiến lược phát triển của Nhà trường. Đồng thời, hàng năm Nhà trường rà soát, điều chỉnh bổ sung cơ cấu tổ chức và phân công nhiệm vụ của các đơn vị và cá nhân cán bộ, giảng viên, nhân viên trong trường cho phù hợp với từng giai đoạn phát triển của Trường.

**** Điểm tự đánh giá**: 01 điểm*

Tiêu chuẩn 1.7:

Trường xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng theo quy định.

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Trước đây Trường chưa có hệ thống quy trình hướng dẫn thực hiện công việc trong Trường, sau khi sáp nhập vào Tổ chức giáo dục FPT, Trường đã bắt đầu áp dụng theo bộ quy trình mà Tổ chức giáo dục FPT xây dựng cho hoạt động đào tạo [1.7.01].

Tuy nhiên, Trường chưa xây dựng Sổ tay chất lượng riêng, mà vẫn đang áp dụng chung Sổ tay chất lượng với Trường Đại học FPT.

* *Tồn tại:* Các bộ phận mới áp dụng theo quy trình của Tổ chức giáo dục FPT chuyển sang nên còn nhiều bỡ ngỡ, chưa được tuân thủ 100%.

Sổ tay chất lượng chưa được xây dựng riêng

Kế hoạch: Phòng ĐBCL thực hiện hướng dẫn và kiểm soát liên tục theo bộ quy trình để các phòng ban thực hiện đúng.

**** Điểm tự đánh giá:*** *0 điểm*

Tiêu chuẩn 1.8:

Trường có bộ phận phụ trách thực hiện công tác quản lý, đảm bảo chất lượng đào tạo và hàng năm hoàn thành nhiệm vụ được giao.

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Từ năm 2019 trở về trước, Nhà trường chưa thành lập được phòng Đảm bảo chất lượng giáo dục nghề nghiệp hoạt động độc lập. Chức năng đảm bảo chất lượng giáo dục của Nhà trường được giao cho phòng Đào tạo và một số cán bộ cốt cán của phòng Đào tạo kiêm nhiệm; các hoạt động giảng dạy, học tập, thi học kỳ và thi tốt nghiệp, thanh tra kiểm tra luôn được phòng Đào tạo tham mưu, phối hợp tổ chức thực hiện nghiêm túc, tuân thủ các quy định, quy chế chuyên môn của trường và Bộ LĐTB&XH.

Sau khi sáp nhập vào Tổ chức giáo dục FPT, Trường có bộ phận ĐBCL độc lập, có nhiệm vụ xây dựng quy định, quy trình cho các hoạt động và kiểm soát việc thực hiện theo các quy định, quy trình này. Tuy nhiên, do đợi hoàn thiện cơ cấu nên chưa có quyết định thành lập phòng.

Đội ngũ cán bộ làm công tác đảm bảo chất lượng giáo dục có đủ năng lực để triển khai thực hiện có hiệu quả các hoạt động đánh giá và đảm bảo chất lượng đào tạo của Nhà trường, hoạt động của bộ phận chuyên trách đều được đánh giá đầy đủ, toàn diện trong các báo cáo sơ kết, tổng kết của nhà trường. Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá **[1.8.01]**; Báo cáo tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp 2014 **[1.8.02].**

Điểm mạnh: Nhà trường luôn quan tâm để tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác đảm bảo chất lượng giáo dục; đã giao nhiệm vụ đảm bảo chất lượng cho phòng Đào tạo và bố trí những cán bộ có năng lực, phẩm chất tốt và đã được bồi dưỡng nghiệp vụ để đảm nhiệm, làm nòng cốt trong các hoạt động đảm bảo chất lượng.

Điểm tồn tại: Nhà trường chưa ra quyết định thành lập phòng Đảm bảo chất lượng .

Chưa tự đánh giá về chương trình đào tạo của các ngành.

Kế hoạch: Từ năm học 2020 - 2021, Nhà trường ra quyết định thành lập phòng Đảm bảo chất lượng ; tiếp tục cử cán bộ có năng lực tham dự các khoá bồi dưỡng chuyên sâu về hoạt động đảm bảo chất lượng nhằm duy trì, nâng cao chất lượng các hoạt động của Nhà trường.

**** Điểm tự đánh giá:** 01 điểm*

Tiêu chuẩn 1.9:

Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong trường phát huy được vai trò lãnh đạo, hoạt động đúng điều lệ và theo quy định của Hiến pháp và pháp luật.

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Từ năm 2019 trở về trước, Chi bộ Nhà trường trực thuộc Đảng bộ khối công nghiệp TP Hà Nội, có 25 đảng viên; nam 06, nữ 19. Chi ủy gồm 03 đồng chí. Chi bộ có 02 Tổ đảng. Qua năm 2020, Chi bộ Đảng được sáp nhập về Chi bộ Đảng FPT.

Chi bộ trường đã phát huy tốt vai trò lãnh đạo toàn diện Nhà trường, hoạt động theo Điều lệ Đảng trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật, cụ thể: Lãnh đạo Nhà trường thực hiện nhiệm vụ chính trị, giữ vững an ninh quốc phòng; Công tác chính trị, tư tưởng; Xây dựng chính quyền và các đoàn thể vững mạnh; Công tác tổ chức cán bộ **[1.9.01]**; Công tác xây dựng Đảng thông qua các Nghị quyết lãnh đạo của Chi bộ từng nhiệm kỳ, từng năm, từng tháng hoặc các hội nghị theo chuyên **[1.9.02]** Chi ủy có quy chế làm việc có phân công trách nhiệm cụ thể cho các ủy viên.

Chi uỷ tổ chức cho cán bộ, đảng viên, giảng viên, nhân viên, SV học tập các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, của cấp trên; lãnh đạo tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các cuộc vận động như *"Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh"*. Chi uỷ tổ chức kiểm tra định kỳ hoặc chuyên đề đối với đảng viên nên kịp thời khắc phục được những tồn tại, thiếu sót, đề ra biện pháp khắc phục và biểu dương những cá nhân có thành tích tốt. Chi uỷ đã chú trọng tới công tác phát triển đảng viên mới. Từ năm 2016 đến nay, Chi uỷ đã xét và đề nghị kết nạp được 5 đảng viên mới.

Chi uỷ Nhà trường đã thực hiện tốt công tác quy hoạch cán bộ, xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý qua đó đã xây dựng được đội ngũ cán bộ, GV đảm bảo số lượng, chất lượng và đồng bộ về cơ cấu**.** Chi bộ đã lãnh đạo

các đoàn thể quần chúng trong nhà trường phát huy quyền làm chủ của mình, đẩy mạnh các phong trào thi đua và thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ được giao. Từ năm 2016 đến nay, Chi bộ liên tục hoàn thành nhiệm vụ và được công nhận là "*Tổ chức cơ sở Đảng trong sạch, vững mạnh"*. Năm 2017, Nhà trường được Bộ LĐTB&XH tặng Bằng khen.

Điểm mạnh: Chi bộ Nhà trường phát huy được vai trò lãnh đạo toàn diện đối với các hoạt động của Nhà trường, hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật. Đảng bộ luôn vững vàng về chính trị, đoàn kết nhất trí, nhiều năm liền được công nhận là Chi bộ "trong sạch, vững mạnh".

**** Điểm tự đánh giá: 0****1 điểm*

Tiêu chuẩn 1.10:

Các đoàn thể, tổ chức xã hội trong trường hoạt động theo đúng điều lệ của tổ chức mình và theo quy định của pháp luật, góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo của trường.

**** Mô tả, phân tích nhận định***

Trong quá trình xây dựng và trưởng thành, Nhà trường luôn coi trọng vai trò của các tổ chức đoàn thể; coi đó là những tổ chức tạo nên sức mạnh để khẳng định vị thế của nhà trường. Tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh đã phát huy vai trò, chức năng và nhiệm vụ thông qua việc phối hợp với Nhà trường tổ chức nhiều hoạt động phong phú góp phần thực hiện tốt mục tiêu giáo dục nghề nghiệp.

Trong những năm qua, Công đoàn Nhà trường đã thực hiện tốt Nghị quyết của Đại hội Công đoàn đề ra. Triển khai thực hiện các hoạt động theo đúng điều lệ và quy chế tổ chức và hoạt động công đoàn như: giám sát, kiểm tra việc thực hiện các chế độ chính sách đối với người lao động thông qua hoạt động của Ban thanh tra nhân dân, tham gia vào các hội đồng cấp trường có liên quan về quyền và lợi ích chính đáng của CCVC và người lao động **[1.10.01]**. Bên cạnh đó, công đoàn đã thực hiện tốt vai trò vận động cán bộ, giảng viên tham gia NCKH, học tập nâng cao trình độ thông qua các hoạt động chuyên môn, văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao... **[1.10.02]**.

Đoàn TNCS HCM hoạt động theo đúng điều lệ của Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh **[1.10.03]** và theo quy định của Hiến pháp và Pháp luật. Trong những năm, qua, Đoàn đã đóng góp tích cực trong việc phối hợp với Nhà trường tổ chức các hoạt động, phong trào có ý nghĩa thiết thực, tạo sân chơi lành mạnh cho SV, giúp SV

an tâm học tập, rèn luyện vì ngày mai lập thân, lập nghiệp. Một số câu lạc bộ ra đời giúp SV có điều kiện giao lưu, rèn luyện: Câu lạc bộ tiếng Anh, câu lạc bộ thể thao...Bên cạnh đó Đoàn trường đã tổ chức kỉ niệm những ngày truyền thống nhằm ôn lại quá khứ hào hùng của dân tộc, tổ chức nhiều chương trình tình nguyện: hiến máu nhân đạo, tiếp sức mùa thi...kịp thời khen thưởng, động viên những đoàn viên thanh niên ưu tú, xuất sắc trong học tập, rèn luyện **[1.10.04]**.

Tổ chức Công đoàn, ĐTNCS HCM hoạt động theo điều lệ, tuân thủ các quy định của pháp luật, thực hiện tốt quy chế dân chủ vì vậy không để xảy ra mất đoàn kết nội bộ, thu hút được cán bộ, giảng viên và SV tham gia vào các hoạt động do tổ chức mình phát động.

Các tổ chức đoàn thể đã thực sự phát huy được vai trò của mình, góp phần vào sự phát triển của Nhà trường. Với những thành tích đã đạt được, Công đoàn được Công đoàn cấp trên công nhận nhiều năm liền là công đoàn cơ sở vững mạnh, nhiều tập thể và cá nhân được công đoàn các cấp tặng khen Đoàn TNCS HCM cũng nhiều năm liền được đoàn cấp trên công nhận là Đoàn cơ sở vững mạnh.

Điểm mạnh: Các tổ chức đoàn thể trong trường phối hợp chặt chẽ với Nhà trường hoạt động có hiệu quả, thiết thực, tạo động lực thúc đẩy cho sự phát triển của nhà trường. Công đoàn và Đoàn TN đã tổ chức được nhiều sân chơi lành mạnh cho CCVC lao động và ĐVTN, góp phần xứng đáng trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của Nhà trường **[1.10.05]**.

Tồn tại: Nhiều hoạt động chưa mang tính chiều sâu, chưa thường xuyên liên tục. Kinh phí hoạt động còn hạn chế, cán bộ làm công tác công đoàn, đoàn thanh niên còn kiêm nhiệm nên thời gian dành cho hoạt động của tổ chức chưa nhiều, chất lượng hiệu quả hoạt động chưa cao.

Kế hoạch: Các tổ chức phải thường xuyên cải tiến phương thức hoạt động để nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động. Các hoạt động chú trọng về chiều sâu, cần thành lập và duy trì hoạt động của các câu lạc bộ, gắn kết chặt chẽ với chính quyền trong việc nâng cao hiệu quả chất lượng hoạt động.

**** Điểm tự đánh giá:*** *01 điểm*

Tiêu chuẩn 1.11:

Trường có quy định và thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của trường theo quy định nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. Hằng năm rà soát, cải tiến phương pháp, công cụ kiểm tra, giám sát.

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Bộ phận ĐBCL có chức năng kiểm tra việc thực hiện các hoạt động theo quy định của Trường [**1.11.01**].

Để thực hiện kiểm tra giám sát quá trình dạy và học, Nhà trường giao cho phòng Đào tạo, các khoa phân công cán bộ kiểm tra nề nếp dạy học. Thành phần kiểm tra, giám sát nề nếp gồm là các viên chức, giảng viên, lãnh đạo các khoa liên quan đến quá trình dạy của giảng viên và học của SV nên quá trình này được đánh giá đa chiều. Thông qua quá trình này đã phát hiện những tồn tại và ưu điểm trong quá trình tổ chức dạy học kịp thời tham mưu cho lãnh đạo Nhà trường khắc phục những hạn chế và phát huy, nhân rộng những điểm mạnh. Kết quả kiểm tra được tổng hợp hàng tháng và được công khai trong toàn trường thông qua cuộc học giao ban. Quy chế đào tạo cao đẳng, trung cấp hệ chính quy **[1.11.02]**.

Điểm mạnh: Kết quả kiểm tra cũng được sử dụng để đánh giá giáo viên bộ môn, giáo viên chủ nhiệm và các lớp và đưa vào tiêu chí thi đua của Nhà trường.

Hàng kỳ, hàng năm thông qua các cuộc họp cơ quan, giao ban định kỳ, các công cụ đánh giá lại được rà soát và điều chỉnh cho phù hợp với thực tế.

Điểm tồn tại: Chưa ban hành Quyết định thành lập và chức năng nhiệm vụ của tổ kiểm tra nề nếp.

**** Điểm tự đánh giá:*** *01 điểm*

Tiêu chuẩn 1.12:

Trường có văn bản và thực hiện chế độ chính sách ưu đãi của nhà nước cho các đối tượng được thụ hưởng, thực hiện chính sách bình đẳng giới theo quy định

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Hàng năm, nhà trường đã thực hiện đầy đủ các loại chế độ chính sách đối với SV theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước như: miễn, giảm học phí, trợ cấp xã hội, hỗ trợ học tập, chính sách nội trú; đồng thời, Nhà trường đã xác nhận cho SV đủ điều kiện vay vốn ưu đãi và hưởng các chế độ chính sách ưu đãi ở địa phương. Thực hiện việc cấp học bổng khuyến khích học tập đảm bảo đúng tiêu chuẩn. Công tác thi

đua khen thưởng của SV được nhà trường quan tâm, đã động viên khích lệ tập thể và cá nhân SV trong học tập, rèn luyện **[1.12.01]**. Hàng năm, công tác chế độ chính sách cho SV được phổ biến công khai ngay từ đầu năm học, trong tuần sinh hoạt công dân đầu năm **[1.12.02]**. Khi có chính sách mới, SV đều được thông báo và hướng dẫn làm thủ tục hồ sơ để được công nhận.

**** Điểm tự đánh giá:*** *01 điểm*

3.2.2. Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo

**** Mở đầu:***

Trường FPOLY đã và đang tích cực thực hiện đa dạng hóa các phương thức, loại hình đào tạo nhằm đáp ứng đòi hỏi nguồn nhân lực có chất lượng cao trong nhiều lĩnh vực và đáp ứng nhu cầu người học. Thực hiện chỉ đạo của Tổng cục dạy nghề, trường đã chuyển đổi phương thức đào tạo từ niên chế sang tín chỉ hướng tới đào tạo kỹ năng thực hành cho sinh viên. Trong những năm qua nhà trường đã quan tâm chỉ đạo tăng cường nghiên cứu đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu cho sinh viên. Việc đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên cũng được chỉ đạo triển khai nhằm mục đích vừa bảo đảm được yêu cầu chính xác, khách quan, công bằng lại vừa có tác dụng khuyến khích người học.

** Những điểm mạnh:*

Nhà trường đã thực hiện đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo như: dài hạn tập trung, ngắn hạn, mở rộng mối quan hệ với các trường cao đẳngvà đại học trong công tác đào tạo để đáp ứng yêu cầu của người học và người sử dụng lao động.

Để đảm bảo chất lượng trong quá trình dạy và học, kế hoạch đào tạo được xây dựng và thực hiện nghiêm túc, phù hợp với các yêu cầu của thực tiễn sản xuất và nhu cầu của doanh nghiệp. Nhà trường đã có chủ trương đổi mới phương pháp dạy học; phương pháp và quy trình thi, kiểm tra, đánh giá đảm bảo nghiêm túc, khách quan, phù hợp với phương thức đào tạo, hình thức học tập và đặc thù của mô đun, môn học.

Các hoạt động dạy và học đã thể hiện tính ổn định và phát triển của nhà trường trong đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước. Trong những năm qua, nhà trường đã không ngừng cải tiến nội dung, đổi mới phương pháp dạy học góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và đáp ứng nguồn lao động kỹ thuật có tay nghề cao phục vụ nhu cầu thị trường lao động trong và ngoài nước.

Công tác dạy và học được thực hiện nghiêm túc, hiệu quả; việc tuyển sinh được thực hiện đúng nguyên tắc; theo đúng quy chế tuyển sinh của Bộ LĐTB&XH trong đó thể hiện đa dạng hoá hình thức tổ chức, chương trình đào tạo theo yêu cầu đào tạo gắn với việc làm, đào tạo theo nhu cầu của người học và xã hội.

** Những tồn tại:*

- Việc thu thập ý kiến đánh giá của cán bộ, giáo viên, người học, doanh nghiệp về chương trình đào tạo; nội dung, phương pháp đào tạo, chất lượng đào tạo, giáo dục chưa rộng rãi.

- Trình độ đầu vào của học sinh còn nhiều hạn chế nên ít nhiều cũng ảnh hưởng đến công tác dạy và học của nhà trường

**** Kế hoạch nâng cao chất lượng:***

Mở rộng phạm vi và đối tượng thu thập ý kiến đánh giá về chương trình đào tạo, nội dung, phương pháp đào tạo, chất lượng đào tạo, giáo dục**.**

Điểm đánh giá tiêu chí 2

Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo	**Điểm tự đánh giá**
Tiêu chuẩn 2.1	*1 điểm*
Tiêu chuẩn 2.2	*1 điểm*
Tiêu chuẩn 2.3	*1 điểm*
Tiêu chuẩn 2.4	*1 điểm*
Tiêu chuẩn 2.5	*1 điểm*
Tiêu chuẩn 2.6	*1 điểm*
Tiêu chuẩn 2.7	*1 điểm*
Tiêu chuẩn 2.8	*1 điểm*
Tiêu chuẩn 2.9	*1 điểm*
Tiêu chuẩn 2.10	*1 điểm*
Tiêu chuẩn 2.11	*1 điểm*
Tiêu chuẩn 2.12	*1 điểm*
Tiêu chuẩn 2.13	*1 điểm*
Tiêu chuẩn 2.14	*1 điểm*
Tiêu chuẩn 2.15	*1 điểm*
Tiêu chuẩn 2.16	*1 điểm*

Tiêu chuẩn 2.17	*1 điểm*

Tiêu chuẩn 2.1:

Các ngành, nghề đào tạo của trường được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Trường ban hành chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo và công bố công khai để người học và xã hội biết.

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Trường đã được Tổng cục Dạy nghề cấp giấy Chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp cho 15 ngành (CĐ: 11; TC: 04; SC: 03), nghề với các trình độ đào tạo cao đẳng, trung cấp, sơ cấp **[2.1.01]**

Trường triển khai xây dựng và ban hành chương trình đào tạo cho các nghề thuộc hệ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp và liên thông. Các ngành nghề đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo thông tư 03/2017/BLĐTBXH ngày 01/03/2017 về việc Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng; thông tư 12/2017/BLĐTBXH về việc Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng; Ban hành kèm theo là chuẩn đầu ra quy định về các yêu cầu đối với người học phải đạt khi tốt nghiệp bao gồm: kiến thức, kỹ năng, thái độ **[2.1.02].** Chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra được công bố công khai trên trang Web của trường.

**** Điểm tự đánh giá:*** *01 điểm.*

Tiêu chuẩn 2.2:

Trường xây dựng và ban hành quy chế tuyển sinh theo quy định.

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Trường đã ban hành Quy chế tuyển sinh cao đẳng Trường đã ban hành Quy chế tuyển sinh cao đẳng, trung cấp khối ngành kinh tế, kỹ thuật năm 2017 đúng với quy định theo Thông tư số 05/2017/TT - BLĐTBXH ngày 02/3/2017 của Bộ LĐTBXH về việc quy định quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng [**2.2.01].** Hàng năm, Trường cập nhật quy chế tuyển sinh nhằm công bố các thông tin cần thiết đến thí sinh như: ngành tuyển sinh, chỉ tiêu, hình thức tuyển sinh, … **[2.2.02]**.

**** Điểm tự đánh giá:*** *01 điểm.*

Tiêu chuẩn 2.3:

Hằng năm, trường xác định chỉ tiêu tuyển sinh và thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan.

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Hàng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch tuyển sinh, thông báo tuyển sinh…. Trên cơ sở kế hoạch tuyển sinh đã xây dựng, nhà trường đã thành lập Hội đồng và các Ban tuyển sinh để thực hiện kế hoạch đề ra **[2.1.01]**, [**2.3.01].** Trên cơ sở chỉ tiêu tuyển sinh được giao hàng năm và phương án xét tuyển, Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh dự kiến phương án xác định danh sách các thí sinh trúng tuyển trình Hội đồng tuyển sinh xét duyệt. Căn cứ vào phương án và quy định về điểm chuẩn, trường thông báo danh sách học sinh trúng tuyển và làm thủ tục nhập học

Sau khi Hội đồng tuyển sinh xét duyệt, danh sách trúng tuyển được niêm yết công khai tại bảng tin, trên trang Web của trường. Đồng thời, gửi giấy báo trúng tuyển đến từng thí sinh. Trường thực hiện công tác tuyển sinh theo đúng kế hoạch đã được ban hành đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan, không có đơn thư khiếu nại, tố cáo **[2.3.02], [2.3.03], [2.3.04].**

**** Điểm tự đánh giá:*** *01 điểm*

Tiêu chuẩn 2.4:

Thực hiện đa dạng hoá các phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học.

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của người học và thị trường lao động, Nhà trường chủ trương thực hiện đa dạng hóa các phương thức đào tạo. Nhà trường tổ chức đào tạo với nhiều loại hình, ngành nghề với các cấp trình độ khác nhau: Cao đẳng nghề, Trung cấp nghề, các lớp liên thông **[2.1.01]**. Liên kết với các cơ sở đào tạo, cơ sở sản xuất tổ chức đào tạo tại chỗ nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người học **[2.4.02], [2.4.03]**.

Để có được phương thức đào tạo hợp lý, sát thực tế sản xuất và ngày càng đáp ứng nhu cầu đa dạng của người học, người sử dụng lao động, nhà trường thường xuyên trao đổi, rút kinh nghiệm, để điều chỉnh cho phù hợp. Hằng năm, nhà trường định

kỳ lấy ý kiến của người học từ các lớp học để đánh giá nhu cầu của người học về phương thức tổ chức đào tạo **[2.4.01]**, [**2.4.03]**

Sau khi sáp nhập vào Tổ chức giáo dục FPT, Trường triển khai phương thức đào tạo niên chế kết hợp với tín chỉ, nhằm giúp HSSV hoàn thành chương trình đào tạo theo đúng lộ trình và ra trường đúng hạn.

**** Điểm tự đánh giá:*** *01 điểm*

Tiêu chuẩn 2.5:

Trường xây dựng và phê duyệt kế hoạch, tiến độ đào tạo cho từng lớp, từng khóa học của mỗi ngành hoặc nghề, theo từng học kỳ, năm học. Kế hoạch đào tạo chi tiết đến từng mô đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với từng hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đúng quy định.

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Trên cơ sở chương trình đào tạo các nghề đã được Hiệu trưởng phê duyệt [**2.1.02],** phòng Đào tạo xây dựng kế hoạch và tiến độ đào tạo cho từng nghề, từng lớp, giờ đến từng mô-đun/môn học [**2.5.01]**, trong đó từng môn học/ mô-đun được xác định rõ thời gian đào tạo, số giờ học lý thuyết, số giờ thực hành và thực tập sản xuất để phù hợp với thực tiễn. Căn cứ vào tiến độ, kế hoạch đào tạo, các Khoa phối hợp với Phòng Đào tạo xây dựng phân công giảng dạy cho giáo viên, giảng viên cho từng học kỳ [**2.5.02]**, xây dựng thời khóa biểu gửi đến các phòng, khoa niêm yết tại Phòng đào tạo để thực hiện và thuận tiện cho việc thanh, kiểm tra.

**** Điểm tự đánh giá:*** *01 điểm*

Tiêu chuẩn 2.6:

Trường tổ chức thực hiện theo kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo đã được phê duyệt.

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Căn cứ chương trình đào tạo và chương trình chi tiết năm học đã được Hiệu trưởng phê duyệt, phòng Đào tạo xây dựng kế hoạch đào tạo năm học cho từng khoá học [**2.5.02]**; và để cụ thể hóa các hoạt động, phòng Đào tạo phối hợp với khoa tham mưu xây dựng phân công giảng dạy cho từng giáo viên, giảng viên theo từng kì học; chuyển xuống tất cả các phòng, khoa, để thực hiện, sau đó, từng giáo viên xây dựng kế hoạch môn học đối với những môn giảng dạy **[2.6.01]**. Việc xây dựng Thời khóa biểu cho các lớp, các khóa được thực hiện ổn định trong cả học kỳ của năm học và tổ chức

thực hiện, theo dõi, quản lý . Mọi sự thay đổi, điều chỉnh kế hoạch phải được Hiệu trưởng phê duyệt; Nếu giáo viên, giảng viên nào muốn thay đổi giờ giảng phải được sự đồng ý của trưởng khoa và phòng Đào tạo. Giáo viên, giảng viên thực hiện giảng dạy theo Quy định công tác chuyên môn **[2.6.02**], **[2.6.03]**. Trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch đào tạo, Phòng Đào tạo là bộ phận chịu trách nhiệm theo dõi tiến độ giảng dạy, giám sát việc thực hiện kế hoạch và nội dung giảng dạy theo đúng chương trình đào tạo của từng nghề. Việc kiểm tra nề nếp dạy và học do Phòng Đào tạo thực hiện thường xuyên, hàng ngày và báo cáo kết quả kiểm tra định kì tại các cuộc giao ban trường.

Ngoài ra, việc kiểm tra giám sát được thực hiện theo kế hoạch thanh tra được phê duyệt đầu năm hoặc đột xuất do Đoàn thanh tra thực hiện với các nội dung: kiểm tra kế hoạch, tiến độ giảng dạy và kiểm tra hồ sơ giảng dạy của giáo viên: giáo án, sổ báo giảng, sổ điểm **[2.6.02]**.

**** Điểm tự đánh giá:*** *01 điểm*

Tiêu chuẩn 2.7:

Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt; có sự phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập các ngành, nghề tại đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Nhà trường xây dựng và phê duyệt kế hoạch tiến độ đào tạo cho từng lớp, từng khóa học của mỗi ngành nghề, theo từng học kỳ, năm học. Kế hoạch đào tạo chi tiết đến từng mô đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với từng hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đúng quy định **[2.5.02]**.

Thực hiện đào tạo theo đúng chương trình, đúng kế hoạch tại trường thực hành và cơ sở thực hành. Dựa vào thực tiễn, nhà trường điều chỉnh chương trình cho phù hợp với thực tế **[2.7.01].** Hàng năm nhà trường xây dựng kế hoạch thực hành, thực tập cho SV **[2.7.02], [2.7.04]** và phân công giáo viên của các khoa chịu trách nhiệm hướng dẫn sinh viên trong quá trình thực tập và yêu cầu sinh viên phải có báo cáo kết quả sau mỗi đợt thực tập **[2.7.03]**, **[2.7.05]**.

**** Điểm tự đánh giá:*** *01 điểm*

Tiêu chuẩn 2.8:

Phương pháp đào tạo được thực hiện kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm.

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Việc đổi mới và đa dạng hóa các phương pháp đào tạo là nội dung trọng tâm của nhà trường nó được thể hiện trong các văn bản đào tạo với phương châm là kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn **[2.5.02]**.

Hàng năm nhà trường đầu tư trang thiết bị (máy tính, máy chiếu, thiết bị nghe nhìn…) phục vụ công tác giảng dạy **[2.8.01]**.

Cử giảng viên tham gia các lớp tập huấn về kĩ năng biên soạn chương trình, giáo trình cho giáo viên và người dạy nghề, mở các lớp tập huấn về nâng cao năng lực sư phạm cho giáo viên. Sau khi đã được tập huấn, nhà trường đã yêu cầu các Khoa, Bộ môn tổ chức, ứng dụng các phương pháp dạy học tích cực trong quá trình lên lớp, biên soạn các giáo án giáo trình, thiết bị dạy nghề tự làm **[2.8.02]**.

Nhà trường đăng kí cho các giáo viên tham gia kiểm tra, đánh giá cấp chứng chỉ kỹ năng thực hành nghề để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng nhu cầu đào tạo của xã hội **[2.8.03].**

Ngoài ra, tại các buổi sinh hoạt chuyên môn định kỳ, dự và đánh giá giờ giảng,các bộ môn và khoa luôn dành nhiều thời gian để thảo luận về các vấn đề đổi mới phương pháp giảng dạy **[2.8.04]**. Đây là công tác quan trọng để các giảng viên tự đánh giá và điều chỉnh phương pháp giảng dạy cho phù hợp với từng học phần, từng đối tượng học sinh sinh viên trên cơ sở đặt người học vào vị trí trung tâm.

Hiện nay, trong Trường đang áp dụng các phương pháp giảng dạy như: phương pháp thuyết trình, phương pháp nêu vấn đề, phương pháp thảo luận nhóm, bài tập lớn, phương pháp dạy học tích hợp, các phương pháp dạy học đó đã giúp học sinh chủ động hơn, tự tin hơn, phát triển năng lực tự học góp phần nâng cao chất lượng đào tạo **[2.8.02].**

** Điểm mạnh*

Nhà trường và cán bộ giảng viên đã chủ động đổi mới, đa dạng hóa phương pháp giảng dạy và học tập theo hướng tích hợp giữa lý thuyết và thực hành nhằm phát triển năng lực tự học, nghiên cứu và làm việc tập thể của người học.

Thường xuyên tham gia các hội thảo về đổi mới phương pháp giảng dạy.

Định kỳ đánh giá hiệu quả của các phương pháp giảng dạy của giảng viên, rút kinh nghiệm áp dụng phương pháp tiên tiến.

**** Điểm tự đánh giá:*** *01 điểm*

Tiêu chuẩn 2.9:

Trường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

- Nhà trường đã ra công văn hướng dẫn về việc thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học. Trên cơ sở đó các khoa, tổ bộ môn triển khai đến từng giáo viên thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin vào soạn giảng, kết quả thực hiện đến nay 100% giáo viên ứng dụng CNTT vào dạy và học. Nhiều phần mềm đang được các khoa sử dụng trong giảng dạy các học phần có liên quan **[2.9.01], [2.9.02].**

Trường thực hiện ứng dụng CNTT trong hoạt động dạy học cụ thể như sau:

- Trường trang bị cơ sở hạ tầng mạng internet đầy đủ, sử dụng gói dịch vụ đáp ứng nhu cầu sử dụng internet tốc độ cao của CBGV, HSSV cùng một lúc **[2.9.03]**.

- Trường hiện đang vận hành và sử dụng hiệu quả phần mềm quản lý đào tạo AP (https://ap.poly.edu.vn/) với chức năng tổ chức và quản trị toàn bộ hệ thống đào tạo của Trường bao gồm các hoạt động: quản lý lịch học, quản lý điểm, quản lý điểm danh, quản lý thông tin người học từ khi nhập học cho đến khi tốt nghiệp ra trường, quản lý các biểu phí, bảng tin HSSV. Phần mềm thường xuyên được nâng cấp, cải tiến nhiều tiện ích hơn cho phép HSSV thực hiện một số thao tác tự động trên hệ thống: đổi lịch học, đăng ký học lại, thi lại, bảo lưu, …[2.9.04].

- Để tổ chức và quản trị việc học tập, Trường sử dụng phần mềm LMS, CMS. Kho học liệu được đưa lên phần mềm LMS, CMS cung cấp cho HSSV và GV sử dụng trong quá trình dạy và học. Trong đó, phần mềm CMS quản trị các lớp học online bao gồm đề cương môn học, bài giảng, tổ chức theo dõi tiến độ học tập, đánh giá kết quả tự học online của HSSV *[2.9.05.* Phần mềm LMS quản trị các lớp học thông thường bao gồm đề cương chi tiết, kho học liệu, tổ chức lớp học GV giao nhiệm vụ cho HSSV, HSSV thực hiện nộp bài tập lên hệ thống để GV theo dõi đánh giá *[2.9.06]*.

- Trường sử dụng phần mềm EOS để tổ chức và quản lý các môn thi trắc nghiệm trên toàn hệ thống. Phần mềm này có 2 phiên bản giúp tổ chức thi trực tiếp hoặc thi từ xa *[2.9.07]*.

- Trong năm 2020, khi đại dịch Covid19 bùng phát, để đảm bảo an toàn phòng chống dịch bệnh, Trường đã nhanh chóng thực hiện việc chuyển đổi mô hình giảng dạy trực tuyến đảm bảo tiến độ đào tạo. Công cụ được Trường lựa chọn sử dụng học trực tuyến là Google meet, việc quản lý và giao bài tập thường xuyên được thực hiện qua phần mềm classroom *[2.9.08]*.

- Trường sử dụng hệ thống quản lý tài liệu để lưu và quản lý các văn bản, tài liệu đã ban hành một cách có hệ thống giúp việc tìm kiếm văn bản dễ dàng, chính xác. Hệ thống gồm các trang: http://vanban.fpt.edu.vn/ *trang quản lý văn bản ban hành*; https://eiso.fpt.com.vn/ *trang quản lý Hệ thống ĐBCL*; http://libol.fpt.edu.vn/ *trang thư viện trực tuyến [2.9.09]*.

- Sử dụng hệ thống báo cáo và quản lý mục tiêu thách thức của đơn vị: https://okr.fpt.com.vn/ trong việc đặt mục tiêu và báo cáo kết quả mục tiêu thách thức hàng quý đối với tất cả CBGV; http://sur.ly/i/crm.poly.edu.vn/ báo cáo kết quả tuyển sinh *[2.9.10]*.

- Các bộ phận sử dụng các mạng xã hội như: Zalo, Facebook, messenger … để trao đổi thông tin nhanh với nhau và với HSSV *[2.9.11]*.

Điểm mạnh:

Nhà trường đã có chủ trương về thực hiện ứng dụng CNTT trong dạy học từ rất sớm nên đến nay 100% GV đã soạn bài bằng giáo án điện tử, giảng dạy bằng các phần mềm tin học hiện đại nâng cao chất lượng đào tạo.

Tồn tại: Một số GV kỹ năng sử dụng máy tính và ứng dụng các phần mềm tin học còn hạn chế cần được đào tạo thêm.

**** Điểm tự đánh giá:** 01 điểm*

Tiêu chuẩn 2.10:

Hằng năm, trường có kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo đúng kế hoạch.

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Theo thông tư hướng dẫn của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội trường đã ban hành hệ thống văn bản pháp quy nhà trường phục vụ cho công tác tổ chức, quản lý đào tạo **[1.3.01].**

Trường có quy định về việc kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học. Ngay từ đầu năm học Ban giám hiệu và phòng Đào tạo lập kế hoạch và tổ chức kiểm tra giám sát hoạt động dạy và học theo đúng kế hoạch đã đề ra **[2.5.02]**; **[2.10.01].**

Trong quá trình học tập trong kỳ của HSSV, Trường thực hiện đánh giá và giám sát hoạt động học tập của HSSV qua:

- Điểm danh HSSV tham dự lớp học trên hệ thống AP, sổ tay GV để xác định điều kiện dự thi cuối học phần đồng thời đánh giá điểm chuyên cần và thái độ tích cực tham gia học tập trên lớp. Hầu hết đề cương các học phần đều để 10% điểm đánh giá của học phần cho nội dung đánh giá này **[2.10.02***]*. Đối với các chương trình K12, điểm chuyên cần tính hệ số 1 **[2.10.03***]*. Qua đó thúc đẩy HSSV tích cực trong việc tham gia các hoạt động học tập trên lớp.
- Đánh giá HSSV sau thời gian thực hiện 1/3 học phần: GV đánh giá HSSV theo dạng A hoặc B hoặc dạng bình thường. Trong đó dạng A là cần hỗ trợ về học thuật (Academic), dạng B là cần hỗ trợ về thái độ học tập (Behavior). Các HSSV này sẽ được phòng TC&QLĐT, phòng CTHSSV, bộ môn gặp gỡ, tư vấn và giúp đỡ để có thể theo học và đạt kết quả tốt nhất **[2.10.04***]*.

Hoạt động giảng dạy của GV được HSSV đánh giá định kỳ thông qua điểm số GPA được qui định trong hướng dẫn công việc đào tạo. Điểm GPA của GV được tính dựa trên kết quả lấy ý kiến phản hồi của HSSV trong quá trình triển khai môn học. Các tiêu chí đánh giá tập trung vào kiến thức, kỹ năng, khả năng truyền đạt và phương pháp giảng dạy của GV. Các GV có GPA thấp (<3.4) sẽ phải giải trình với CNBM về nguyên nhân và hành động khắc phục **[2.10.05***]*.

** Điểm tự đánh giá: 01 điểm*

Tiêu chuẩn 2.11:

Hằng năm, trường có báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học; có đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học; kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học theo đề xuất nếu cần thiết.

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Sau khi kiểm tra giám sát hoạt động dạy và học của toàn trường các đơn vị chức năng trực tiếp giám sát hoạt đông luôn có báo cáo tổng kết kết quả, từ đó báo cáo với Ban giám hiệu để kịp thời đưa ra những điều chỉnh các hoạt động dạy và học học lý, cần thiết **[2.6.01].**

Căn cứ vào kế hoạch kiểm tra giám sát hoạt động dạy và học, các hoạt động được Phòng ĐBCL thực hiện kiểm soát nhằm đảm bảo các đơn vị thực hiện đúng các quy định, quy trình [**2.11.01**].

Ngoài ta, việc báo cáo hoạt động dạy và học từ các bộ phận được báo cáo hàng tuần trong các buổi họp gian ban đào tạo định kỳ; báo cáo trong buổi sơ kết học kỳ. Từ các hoạt động trên, các đơn vị kịp thời đề xuất các biện pháp kịp thời điều chỉnh để nâng cao chất lượng dạy và học [**2.11.02**].

**** Điểm tự đánh giá:*** *01 điểm*

Tiêu chuẩn 2.12:

Trường ban hành đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định.

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Trường ban hành đầy đủ các văn bản quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ. Nội dung các quy định đang hiện hành này đúng theo quy định tại Quyết định 25/2006/QĐ-BGDĐT ngày 26/06/2006; Thông tư Số: 22/2014/TT-BGDĐT ngày 09/07/2014; Quyết định số 33/2007/QĐ-BGDĐT ngày 26/6/2007; Thông tư số 22/2012/TT-BGDĐT ngày 20/6/2012. Các quy định về kiểm tra, thi, xét tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ được cụ thể hóa trong nội dung của sổ tay sinh viên, quy chế SV **[1.3.02].**

** Điểm tự đánh giá: 01 điểm*

Tiêu chuẩn 2.13:

Trong quá trình đánh giá kết quả học tập của người học có sự tham gia của đơn vị sử dụng lao động và theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Từ khi thành lập trường đến nay quá trình đào tạo các ngành học trong nhà trường thường xuyên liên kết với các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp để làm địa điểm

thực tập cho các em học sinh sinh viên, đồng thời đó cũng là dịp để các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp góp phần đánh giá quá trình học tập của các em. Cụ thể: Hàng năm nhà trường ban hành kế hoạch đào tạo của các khóa học, trong đó thể hiện thời gian thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động **[2.5.02]**; Xây dựng kế hoạch thực hành, thực tập và kiến tập cho học sinh sinh viên tại các cơ sở **[2.7.02].**

Điểm mạnh:

Ngay từ khi thành lập nhà trường đã có kế hoạch trong việc đánh giá kết quả học tập của người học có sự tham gia của đơn vị sử dụng lao động nhằm nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội và trong các năm học tiếp theo nhà trường tiếp tục xây dựng quy trình đánh giá kết quả học tập của người học có sự tham gia nhiều hơn của các đơn vị sử dụng lao động.

** Điểm tự đánh giá: 01 điểm*

Tiêu chuẩn 2.14:

Tổ chức thực hiện kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định đảm bảo nghiêm túc, khách quan.

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Công tác tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp đúng quy định, nghiêm túc, mỗi phòng thi đều có ít nhất 02 cán bộ coi thi **[2.14.01]**. Công tác đánh giá kết quả học tập, rèn luyện đúng quy định, kết quả được công khai trên phần mềm quản lý đào tạo, sinh viên có thể truy cập xem trực tiếp **[2.14.01].** Công tác cấp phát và hồ sơ lưu trữ việc cấp phát văn bằng, chứng chỉ đều được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định, không xảy ra các sai phạm.

Trường ban hành đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ và luôn tổ chức thực hiện kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định đảm bảo nghiêm túc, khách quan **[2.10.01], [2.14.02].** Việc đánh giá kết quả thực hiện được tiến hành nghiêm túc thông qua các đợt tổng kết cuối năm học hoặc trong các hội nghị giao ban trường hàng tuần, hàng tháng **[1.5.03].**

**** Điểm tự đánh giá:*** *01 điểm*

Tiêu chuẩn 2.15:

Hằng năm, trường thực hiện rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ và kịp thời điều chỉnh nếu cần thiết

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Hằng năm, Lãnh đạo trường kết hợp với các phòng chức năng: phòng Đào tạo phối hợp với các phòng, khoa thực hiện công tác rà soát, lấy ý kiến thăm dò về các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ và kịp thời điều chỉnh nếu cần thiết. **[2.15.01].**

Năm 2017, sau khi được chuyển quyền quản lý nhà nước từ Bộ GD&ĐT sang Bộ LĐTBXH, căn cứ Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 *[***2.15.02***]*, Trường thực hiện rà soát, điều chỉnh quy chế cho phù hợp với văn bản mới, ban hành Quy chế đào tạo theo quyết định số 159/QĐ-CĐCNHN ngày 02/08/2017 về quy chế đào tạo hệ cao đẳng theo tín chỉ áp dụng từ khoá HSSV tuyển sinh từ năm 2017 trở đi. Năm 2019, Trường tiếp tục rà soát và điều chỉnh quy chế đào tạo cho phù hợp với tình hình thực tế và ban hành kèm theo quyết định số 179A/QĐ-CĐCNHN ngày 29/8/2019 về quy chế đào tạo hệ cao đẳng tuyển sinh từ năm 2019.

Sau khi sáp nhập với Tổ chức giáo dục FPT, các hoạt động đào tạo của Trường có nhiều đổi mới: Trường sử dụng bộ tài liệu hướng dẫn các công việc trong thực hiện công tác phòng TC&QLĐT *[***2.15.03***]*.

**** Điểm tự đánh giá:*** *01 điểm*

Tiêu chuẩn 2.16:

Trường có hướng dẫn và tổ chức thực hiện về đào tạo liên thông theo quy định.

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Trên cơ sở quy định của Tổng cục dạy nghề về đào tạo liên thông, hàng năm trường đều xây dựng chỉ tiêu và kế hoạch tuyển sinh liên thông, tổ chức việc đào tạo theo đúng quy chế, quy định **[2.16.01], [2.16.02].**

Sau khi sáp nhập vào Tổ chức giáo dục FPT, Trường thực hiện liên thông với các trường, các hệ đào tạo khác khác bằng hình thức công nhận tín chỉ HSSV đã học tập tại các cơ sở khác, đáp ứng đúng quy định Bộ LĐTBXH

**** Điểm tự đánh giá:*** *1 điểm*

Tiêu chuẩn 2.17:

Trường có cơ sở dữ liệu về các hoạt động đào tạo và tổ chức quản lý, sử dụng hiệu quả.

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Hiện nay trường đã sử dụng phần mềm quản lý đào tạo, quản lý chương trình đào tạo, lưu trữ kết quả học tập, rèn luyện của học sinh và được quản lý theo đúng quy định. Quá trình sử dụng phần mềm của trường trong công tác quản lý, cập nhật, truy cập, quản lý, tổng hợp báo cáo chính xác và khoa học; lưu trữ dữ liệu an toàn **[2.17.01].** Hàng năm trường đều tổ chức tổng kết các hoạt động đào tạo và các công tác khác, các nội dung đều được lưu trữ thông qua báo cáo tổng kết của các khoa, bộ môn, phòng **[1.6.02]**.

Đối với việc quản lý cơ sở dữ liệu, Trường sử dụng nhiều phần mềm quản lý để TC&QLĐT bao gồm:

- Phần mềm quản lý đào tạo AP (https://ap.poly.edu.vn/) với chức năng tổ chức và quản trị toàn hộ hệ thống đào tạo của Trường bao gồm các hoạt động quản lý: Quản lý lịch học, quản lý điểm, quản lý điểm danh, quản lý thông tin người học từ khi nhập học cho đến khi tốt nghiệp ra trường, quản lý các biểu phí, bảng tin HSSV, …*[***2.17.02***]*.

- Phần mềm quản trị học tập LMS, CMS quản lý kho học liệu, đề cương môn học, tổ chức theo dõi tiến độ học tập, giao nhiệm vụ cho HSSV, đánh giá kết quả của HSSV **[2.17.03***]; [***2.17.04***]*.

- Trường sử dụng phần mềm EOS để tổ chức và quản lý các môn thi trắc nghiệm trên toàn hệ thống. Phần mềm này có 2 phiên bản giúp tổ chức thi trực tiếp hoặc thi từ xa *[***2.17.05***]*.

- Trường sử dụng hệ thống quản lý tài liệu để lưu và quản lý các văn bản, tài liệu đã ban hành một cách có hệ thống giúp việc tìm kiếm văn bản dễ dàng, chính xác. Hệ thống gồm các trang: http://vanban.fpt.edu.vn/ trang quản lý văn bản ban hành; https://eiso.fpt.com.vn/ trang quản lý Hệ thống ĐBCL; trang thư viện trực tuyến http://libol.fpt.edu.vn/ *[***2.17.06***]*.

**** Điểm tự đánh giá:*** *01 điểm*

3.2.3. Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý và người lao động.

**** Mở đầu:***

Ngay từ khi thành lập, Ban Giám hiệu Nhà trường đã xác định đội ngũ cán bộ, nhà giáo và người lao động là yếu tố quan trọng quyết định đến sự phát triển cũng như quyết định chất lượng đào tạo của Nhà trường.

Nhà trường đặc biệt quan tâm đến công tác phát triển đội ngũ CB, GV, NLĐ. Trên cơ sở chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và điều kiện thực tiễn của đơn vị, Nhà trường đã xây dựng chiến lược, kế hoạch và cơ chế, chính sách để phát triển toàn diện đội ngũ CB, GV, NLĐ về số lượng và chất lượng.

** Những điểm mạnh:*

Việc tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ và người lao động của nhà trường được thực hiện đúng quy định của Điều lệ Trường và phù hợp với quy mô, đảm bảo cho Nhà trường hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ được giao.

Hàng năm Nhà trường xây dựng kế hoạch tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại CB, GV, NLĐ theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan, thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ CB, GV, NLĐ theo quy định. Đội ngũ giảng viên của trường có trình độ chuyên môn cao đều đạt chuẩn về năng lực chuyên môn và năng lực sư phạm đối với nhà giáo giảng dạy lý thuyết.

Trường có đội ngũ nhà giáo đảm bảo tỷ lệ quy đổi, đảm bảo khối lượng chương trình mỗi ngành nghề đào tạo và tỷ lệ nhà giáo có trình độ sau đại học theo quy định. Quá trình đào tạo đảm bảo mục tiêu, đúng nội dung của CTĐT nhà trường.

Nhà trường đã có chủ trương, kế hoạch về tuyển dụng, đào tạo và bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ giảng viên, cán bộ và nhân viên; tạo điều kiện thuận lợi cho đi đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ ở trong nước và nước ngoài.

Đội ngũ cán bộ quản lý của trường có trình độ chuyên môn cao, có kinh nghiệm quản lý trong môi trường giáo dục chuyên nghiệp. Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng có phẩm chất và năng lực theo yêu cầu tiêu chuẩn chức danh trong Luật Giáo dục nghề nghiệp và Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH, có kinh nghiệm quản lý trong môi

trường giáo dục chuyên nghiệp, thực hiện đầy đủ quyền hạn và hoàn thành tốt chức trách nhiệm vụ theo quy định.

** Những tồn tại:*

Còn một số giảng viên chưa được đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nghề để dạy thực hành trình độ trung cấp, cao đẳng. Hầu hết, giáo viên còn khó khăn về sử dụng ngoại ngữ.

**** Kế hoạch nâng cao chất lượng:***

Xây dựng và đề xuất cơ chế, chính sách phù hợp để thu hút người có phẩm chất, năng lực tốt về công tác tại trường và tạo điều kiện thuận lợi, khuyến khích GV,CB, NV đi đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ.

Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, đi thực tế tại các doang nghiệp để đội ngũ giảng viên nhà trường được đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nghề phù hợp với ngành nghề giảng dạy và yêu cầu về chuyên môn để giảng dạy thực hành.

Xây dựng các tiêu chí để đưa vào đánh giá, phân loại, khen thưởng cuối năm học;

Điểm đánh giá tiêu chí 3:

Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên và người lao động.	**Điểm tự đánh giá**
Tiêu chuẩn 3.1	*1 điểm*
Tiêu chuẩn 3.2	*1 điểm*
Tiêu chuẩn 3.3	*1 điểm*
Tiêu chuẩn 3.4	*1 điểm*
Tiêu chuẩn 3.5	*1 điểm*
Tiêu chuẩn 3.6	*1 điểm*
Tiêu chuẩn 3.7	*1 điểm*
Tiêu chuẩn 3.8	*1 điểm*
Tiêu chuẩn 3.9	*1 điểm*
Tiêu chuẩn 3.10	*1 điểm*
Tiêu chuẩn 3.11	*1 điểm*
Tiêu chuẩn 3.12	*1 điểm*
Tiêu chuẩn 3.13	*1 điểm*

Tiêu chuẩn 3.14	*1 điểm*
Tiêu chuẩn 3.15	*1 điểm*

Tiêu chuẩn 3.1:

Có quy định về việc tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý và người lao động.

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Căn cứ Điều lệ trường cao đẳng, Trường đã có quy định về việc tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, và người lao động đảm bảo đúng quy định hiện hành và phù hợp với tình hình thực tế của Trường. Trước năm 2019, Trường đã ban hành những chính sách về đánh giá, phân loại CBGV bao gồm quy chế tuyển dụng lao động và mời GV thỉnh giảng *[3.1.01]*, quy định chuẩn chuyên môn nghiệp vụ GV *[3.1.02]*, quy định tiền lương và chế độ làm việc của GV *[3.1.03],* quy chế thi đua khen thưởng *[3.1.04]*.

Sau khi được sáp nhập vào Tổ chức giáo dục FPT, CBGV của Trường được hưởng các chính sách, quy định về tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại như sau:

- Hoạt động tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý và người lao động được tuân thủ theo các quy trình ISO *[3.1.05]* bao gồm:

Bảng 1: Quy trình ISO về tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, và người lao động của FPOLY

TT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Đơn vị ban hành	
			Công ty CP FPT	Tổ chức giáo dục FPT
1	Quy chế bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý cấp cao FPT	01-QC/LD/HDCV/FPT	x	
2	MTQT Tuyển dụng	02-QT/NS/HDCV/FPT	x	
3	MTQT Tuyển dụng GV, GV	03-QT/TD/HDCV/FE		x

4	MTQT Đào tạo Cán bộ, nhân viên	03-QT/NS/HDCV/FPT	x	
5	MTQT Quản lý cán bộ	04-QT/NS/HDCV/FPT	x	
6	MTQT Tuyển dụng/Bổ nhiệm/Bổ nhiệm lại/miễn nhiệm cán bộ quản lý	04-QT/LD/HDCV/FPT	x	
7	Quy định về hợp đồng sử dụng nhân lực	03-QD/NS/HDCV/FPT	x	
8	Quy định Chính sách thẻ thưởng, thẻ phạt	01-QD/NS/HDCV/FPT	x	
9	Quy định giao – nhận nhiệm vụ, chế độ báo cáo và kỷ luật tuân thủ	165/2019/QD-FPT	x	
10	Quy tắc ứng xử FPT	394-2004/QĐ/FPT	x	
11	Bộ MTCV các vị trí		x	x

Ngoài ra, CBGV của Trường còn được hưởng chung các chính sách đối với CBGV của Trường Đại học FPT bao gồm: các khoản phúc lợi (nghỉ mát, chăm sóc sức khỏe), khuyến khích NCKH, có định hướng thăng tiến đề bạt, các chế độ cử đi đào tạo,… *[3.1.06]*. Các chính sách được nêu trong sổ tay nhân viên này được tóm tắt từ các quy định, quy chế tương ứng *[3.1.07]*. Các quy định, chính sách này đều đã được cán bộ nhân sự phổ biến tới toàn thể CBGV của Trường *[3.1.08]*.

** Điểm tự đánh giá: 01 điểm.*

Tiêu chuẩn 3.2:

Tổ chức thực hiện tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý và người lao động theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan, thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định.

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Trên cơ sở Nghị quyết của cấp uỷ, Ban Giám hiệu đã thực hiện công tác tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng theo cán bộ quy định, đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan, thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ nhà giáo, cán bộ quản lý và người lao động đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của trường và ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo.

Căn cứ vào tình hình thực tế, hàng năm Nhà trường đều có kế hoạch xây dựng chỉ tiêu biên chế trên cơ sở nhu cầu thực tế **[3.2.01**

Sau khi sáp nhập vào Tổ chức giáo dục FPT, việc tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý và người lao động của

FPOLY được thực hiện nghiêm túc theo các quy trình ĐBCL bên trong theo tiêu chuẩn ISO 9001 *[3.2.02]*.

Dựa trên các quy định về tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý và người lao động đã có, Trường thực hiện tuyển dụng, quản lý, bồi dưỡng, và đánh giá CBGV, đảm bảo công khai, minh bạch, đầy đủ và công bằng *[3.2.03], [3.2.04]*.

- Về bồi dưỡng CBGV: Trường đã cử nhiều CBGV tham gia các khóa đào tạo để nâng cao trình độ như bồi dưỡng về kiến thức ĐBCL bên trong, bổ sung chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm, chứng chỉ kỹ năng nghề, … *[3.2.05 Các Quyết định về việc bồi dưỡng CBGV]*.

- Về đánh giá, phân loại CBGV: Năm 2018 và 2019, Trường cũng đã thực hiện đánh giá xếp loại, đánh giá thi đua CBGV và báo cáo kết quả tới cơ quan quản lý nhà nước *[3.2.06 Các quyết định về việc bình xét danh hiệu thi đua], [3.2.07 Thông báo, các báo cáo kết quả đánh giá xếp loại chuyên môn nghiệp vụ của nhà giáo]*.

Tuy nhiên, trong giai đoạn này, các hoạt động của trường phần nhiều mang tính tự phát, chưa được thống nhất và đồng bộ.

Các hồ sơ liên quan đến các hoạt động này sẽ được kiểm soát và lưu trữ theo đúng quy trình, tại bộ phận Nhân sự. Ngoài các hoạt động theo quy trình và các chính sách đã ban hành, hàng năm Trường ban hành quy chế đào tạo nội bộ và quy định nghỉ mát theo tình hình thực tế từng năm *[3.2.08 Các quyết định ban hành quy định đào tạo nội bộ của FE], [3.2.09 Quyết định số 465/QĐ-ĐHFPT về việc Quy định thời gian, định mức tiêu chuẩn và phương thức tổ chức nghỉ mát 2021 cho CBGV ban hành ngày 29/04/2021 của Hiệu trưởng Trường ĐHFPT]*. Các quyết định này hiện nay đang được áp dụng chung theo các chính sách của Trường Đại học FPT

**** Điểm tự đánh giá**: 01 điểm*

Tiêu chuẩn 3.3:

Đội ngũ nhà giáo của trường tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ và các tiêu chuẩn hiện hành khác (nếu có)

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Căn cứ vào chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực và sở trường của các GV, Trường phân công, sắp xếp các lớp dạy cho GV một cách hợp lý *[3.3.01 Danh sách trích ngang GV Trường Cao đẳng FPT Polytechnic], [3.3.02 Thời khóa biểu năm 2018-*

2019; 2019-2020, 2020-2021]. GV phụ trách môn học có nhiệm vụ phải thực hiện đúng quy chế giảng dạy, và phải dạy đúng chuyên môn đã được phân công phụ trách *[3.3.03 Thống kê giờ giảng của giảng viên năm học 2018-2019; 2019-2020]*

Đội ngũ nhà giáo tham gia giảng dạy của Nhà trường đều đạt chuẩn về năng lực chuyên môn và năng lực sư phạm đối với nhà giáo giảng dạy lý thuyết được quy định trong Luật Giáo dục nghề nghiệp **[3.3.04]** và Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH **[3.3.05]**, cũng như trong Quy chế tổ chức và hoạt động **[3.3.061.1.03]** của Nhà trường. Đội ngũ giảng viên đều có trình độ từ đại học trở lên (trong đó giảng viên có trình độ thạc sĩ chiếm hơn 70%), có đầy đủ các chứng chỉ về chuyên môn (Tin học, ngoại ngữ), chứng chỉ về năng lực sư phạm (chứng chỉ về nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên đại học, cao đẳng), chứng chỉ về kỹ năng nghề [3.3.07].

**** Điểm tự đánh giá: 0**1 điểm*

Tiêu chuẩn 3.4:

Nhà giáo, cán bộ quản lý và người lao động thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định và không vi phạm quy chế, nội quy, quy định của trường

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng các quy định của Nhà trường tại Quy chế tổ chức và hoạt động, chế độ làm việc, nghỉ ngơi **[3.4.01], [3.4.02]** của Nhà trường. Hầu hết nhà giáo, cán bộ quản lý và người lao động có ý thức tổ chức kỷ luật và ý thức trách nhiệm cao trong công tác chuyên môn, thực hiện đúng nhiệm vụ quyền hạn theo quy định. Ngoài ra, Trường có các văn bản ISO hướng dẫn về thi đua, khen thưởng và kỷ luật bao gồm Quy định Chính sách thẻ thưởng, thẻ phạt và Quy định giao – nhận nhiệm vụ, chế độ báo cáo và kỷ luật tuân thủ *[3.4.03]*. Các đơn vị căn cứ vào hướng dẫn tiến hành đánh giá kết quả công tác của từng cá nhân và đơn vị mình trên tinh thần đảm bảo công bằng, chính xác, dân chủ.

Trước khi sáp nhập vào Tổ chức giáo dục FPT, trên cơ sở kết quả thi đua các đơn vị đã đề xuất, các cuộc họp bình xét thi đua được thực hiện hàng tháng *[3.4.04],* cuối mỗi năm học Trường tổ chức bình xét danh hiệu thi đua năm học cho các cá nhân xuất sắc *[3.4.05]*.

Sau khi sáp nhập vào Tổ chức giáo dục FPT, Mỗi CBGV thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo các quy định: hướng dẫn công việc, mô tả công việc và phân công nhiệm vụ của Trưởng bộ phận *[3.4.06]*.

**** Điểm tự đánh giá:*** *01 điểm*

Tiêu chuẩn 3.5:

Trường có đội ngũ nhà giáo đảm bảo tỷ lệ quy đổi; số lượng nhà giáo cơ hữu đảm bảo khối lượng chương trình mỗi ngành nghề đào tạo theo quy định; trường đảm bảo tỷ lệ nhà giáo có trình độ sau đại học theo quy định.

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Căn cứ vào Luật và các văn bản hướng dẫn về chế độ làm việc của nhà giáo giảng dạy chuyên nghiệp, Nhà trường đã xây dựng chế độ làm việc, nghỉ ngơi của GV, CB, và NLĐ **[3.5.01];** Số lượng nhà giáo cơ hữu đảm bảo khối lượng chương trình mỗi ngành nghề đào tạo theo quy định **[3.5.02]**.

Hàng năm, Nhà trường có phân công giảng dạy cụ thể với từng giảng viên **[3.5.03]** và điều chỉnh bổ sung kịp thời, phù hợp theo tình hình thực tế.

Theo quy định tại Thông tư số 07/2017/TT-BLĐTBXH về chế độ làm việc của nhà giáo, giờ chuẩn là đơn vị thời gian quy đổi từ số giờ lao động cần thiết trước, trong và sau giờ giảng để hoàn thành nhiệm vụ giảng dạy gồm: chuẩn bị giảng dạy; thực hiện giảng dạy; kiểm tra định kỳ kết quả học tập của mô-đun, môn học *[3.5.04]*.

Tỷ lệ giáo viên, giảng viên có trình độ sau đại học chiếm tỷ lệ trên 70% tổng số giáo viên, giảng viên của trường. Bảo đảm mỗi ngành, nghề giảng dạy trình độ trung cấp, cao đẳng có giảng viên trình độ thạc sỹ trở lên. Trường luôn đảm bảo tỷ lệ GV cơ hữu và GV thỉnh giảng trên các ngành nghề mà trường cấp bằng *[3.5.08 Kế hoạch giảng dạy của giảng viên]*

**** Điểm tự đánh giá:*** *01 điểm*

Tiêu chuẩn 3.6:

Nhà giáo giảng dạy theo nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chương trình đào tạo.

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Căn cứ vào CTĐT của các ngành, nghề định kỳ đầu năm học, các bộ môn phối hợp với Phòng TC&QLĐT và Trung tâm PTCĐ xây dựng kế hoạch đào tạo với mục

tiêu và nội dung cụ thể cho từng học kỳ, năm học và đã được Hiệu trưởng phê duyệt *[3.6.01]*. Đây là căn cứ để Trường xây dựng kế hoạch năm học và các bộ môn phân công giảng dạy, sắp xếp thời khóa biểu phù hợp với kế hoạch đào tạo của Trường *[3.6.02]*.

Từ học kỳ I, năm học 2018-2019 trở về trước, trước khi lên lớp, GV giảng dạy trình độ cao đẳng soạn giáo án và được tổ môn/phòng/khoa phê duyệt trước khi lên lớp và giảng dạy theo thời khóa biểu, ghi nhận tình hình chung của lớp, kế hoạch kiểm tra và điểm số được ghi ở sổ giảng dạy *[3.6.03]*.

Từ học kỳ II, năm học 2018-2019, sau khi sáp nhập vào Tổ chức FPT, bộ phận PTCT phụ trách việc soạn thảo đề cương chi tiết và học liệu (bao gồm cả slides và đoạn phim bài học) *[3.6.04]* và quản lý lưu trữ trên hệ thống quản lý học liệu LMS và CMS của Trường *[3.6.05], [3.6.06]*. GV phải thực hiện giảng dạy theo các học liệu này và lịch trình môn học đã định trước. Việc GV thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ và đảm bảo yêu cầu chất lượng thể hiện ở biên bản dự giờ và kiểm tra định kỳ, đột xuất *[3.6.07]* và việc kiểm soát của Phòng TC&QLĐT *[3.6.08]* nhằm duy trì nề nếp lên lớp, đảm bảo số giờ lên lớp, công tác chuẩn bị hồ sơ giảng dạy đảm bảo GV giảng dạy theo đúng nội dung và mục tiêu của CTĐT và không có hiện tượng GV bỏ giờ, quên tiết.

**** Điểm tự đánh giá:*** *01 điểm*

Tiêu chuẩn 3.7.

Nhà trường có chính sách, biện pháp và thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy.

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch và thực hiện có hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho giảng viên, cán bộ và nhân viên, đặc biệt là đào tạo đội ngũ GV có trình độ học vấn cao (thạc sĩ, tiến sĩ) ở trong nước và nước ngoài; Tỷ lệ giáo viên trên 70% có trình độ sau đại học, trong đó có 02 tiến sĩ **[3.7.01]**

Nhà trường luôn tạo cơ hội cho đội ngũ giảng viên, cán bộ và nhân viên tham gia các hoạt động chuyên môn tại trường, dự các lớp tập huấn, hội thảo khoa học do Bộ, các trường đại học và các Dự án tổ chức **[3.7.02].**

Hàng năm, Trường đã xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cho CBGV *[3.7.03]* và tạo nhiều kiều kiện thuận lợi cho đội ngũ GV được tham gia các khóa học tập bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ. Ngoài các quy định về đào tạo nội bộ hàng năm *[3.7.04]*, bộ phận Nhân sự luôn quan tâm tới GV qua việc phổ biến các thông tin liên quan đến học bổng thạc sỹ, tiến sỹ, các chương trình giao lưu với chuyên gia nước ngoài, các chương trình hội thảo học thuật, hay việc tiếp cận các nguồn tài nguyên học tập khổng lồ như Coursera và FPT-Udemy *[3.7.05]*.

Qua các hoạt động trên cho thấy Trường luôn quan tâm đến công tác nâng cao chất lượng đội ngũ GV nhằm giúp cho GV hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Số GV được đưa đi đào tạo, bồi dưỡng luôn tích cực học tập và cố gắng tiếp thu nhiều kiến thức mới để áp dụng vào thực tế quản lý và giảng dạy *[3.7.06]*.

**** Điểm tự đánh giá:** 01 điểm*

Tiêu chuẩn 3.8.

Hàng năm, Nhà trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy cho đội ngũ nhà giáo.

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Năm 2018, 100% GV tham gia hội giảng cấp khoa để tuyển chọn những tiết giảng xuất sắc, điển hình để tham gia Hội giảng cấp trường. Thông qua hội giảng, tập thể GV góp ý, học hỏi kinh nghiệm nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả trong công tác giảng dạy. Năm 2018 có 11 GV đạt GV dạy giỏi cấp trường (Trong đó có 03 GV đạt loại Xuất sắc) *[3.8.01]*.

Từ cuối năm 2019 trở đi, hằng năm Trường có kế hoạch và văn bản về việc cử GV cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng hàng năm *[3.8.02]* và đã tạo kiều kiện thuận lợi cho đội ngũ GV được tham gia các lớp học tập bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ *[3.8.03]*. Trong giai đoạn 2018-2021, Trường ghi nhận nhiều trường hợp GV đã và đang theo học các khóa đào tạo thạc sĩ trong nước để nâng cao trình độ *[3.8.05]*. Hồ sơ, văn bản về việc nhà giáo cơ hữu đã tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng hàng năm được lưu trữ tại bộ phận Nhân sự *[3.8.06]*.

Đặc biệt, sau khi được sáp nhập vào Tổ chức giáo dục FPT, các GV của CĐCNHN đã được đào tạo về Sáng kiến CDIO – Conceive, Design, Implement,

Operate, để có thể hiểu về phương pháp đào tạo tiên tiến này và có thể áp dụng vào giảng dạy *[3.8.07]*.

**** Điểm tự đánh giá:*** *01 điểm*

Tiêu chuẩn 3.9:

Nhà giáo được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất theo quy định và thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Nhà trường chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng giáo viên phục vụ công tác mở ngành, nghề và giảng dạy theo hướng giáo dục nghề nghiệp. Thông qua các đợt hướng dẫn thực tập cho học sinh, sinh viên cũng là dịp để GV tham quan thực tế, tiếp cận công nghệ mới, bổ sung kiến thức và kinh nghiệm nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu giảng dạy **[3.9.01]**.

Từ cuối năm 2019 đến nay, Trường có tổ chức việc đưa GV đi tham quan, thực tập tại doanh nghiệp để có thêm nhiều trải nghiệm thực tế *[3.9.02]*. Để tạo hiệu quả trong quá trình cập nhật kiến thức, công nghệ, các GV giảng dạy trình độ cao đẳng của Trường đã làm việc tại đơn vị sử dụng lao động cùng với quá trình hướng dẫn HSSV thực tập tại doanh nghiệp và trong quá trình làm việc thực tế và rút ra những kinh nghiệm để có thể áp dụng trong giảng dạy *[3.9.03 Kết quả thực tập của giảng viên của Trường Cao đẳng FPT Polytechnic giảng dạy trình độ cao đẳng tại doanh nghiệp và các cơ quan chuyên môn]*. Với các GV giảng dạy tình độ trung cấp, do chủ yếu là các giảng viên giảng dạy môn văn hóa nên Trường khuyến khích các GV này tự nâng cao kinh nghiệm giảng dạy.

**** Điểm tự đánh giá:*** *01 điểm*

Tiêu chuẩn 3.10:

Hằng năm, trường thực hiện tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo.

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Nhà trường đã có chủ trương, kế hoạch và giải pháp xây dựng, phát triển đội ngũ giảng viên, cán bộ và nhân viên. Hàng năm,trường đều thực hiện tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo lồng ghép vào báo cáo tổng kết năm học **[3.10.01].**

Hàng năm đều tổ chức dự giờ, thi giáo viên dạy giỏi, kiểm tra hồ sơ chuyên môn… để đánh giá trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo, từ đó chỉ ra những ưu khuyết điểm và phương hướng khắc phục cho mỗi cá nhân **[3.10.02], [3.10.03].**

**** Điểm tự đánh giá:*** *01 điểm*

Tiêu chuẩn 3.11:

Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng của trường đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định và thực hiện đúng quyền hạn, trách nhiệm được giao.

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Hiện nay, Ban Giám hiệu trường có 03: 01 Hiệu trưởng, 02 Phó Hiệu trưởng. Các tiêu chuẩn về phẩm chất chính trị, phẩm chất đạo đức, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, năng lực lãnh đạo và thời gian thực hiện công tác quản lý **[3.11.01]** theo đúng các quy định trong Luật Giáo dục nghề nghiệp và Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH. Ban Giám hiệu có sự phân công nhiệm vụ cụ thể theo lĩnh vực quản lý **[3.11.02].**

Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng là những người có phẩm chất tốt thể hiện ở lối sống lành mạnh, giản dị, luôn có tinh thần cầu thị, lắng nghe ý kiến góp ý của CBGV trong công tác lãnh đạo và quản lý Trường không ngừng đề ra nhiều giải pháp hiệu quả để ngày càng nâng cao hiệu suất và chất lượng đào tạo của trường *[3.11.03]*. Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng luôn làm tốt trách nhiệm được giao, không có vi phạm về đạo đức, không bị kỷ luật và không có biểu hiện vi phạm quyền hạn. Trong thời gian giữ vai trò là Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng của FPOLY, Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng đều hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao *[3.11.04]*. Không có khiếu nại về Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng trong thời gian qua.

**** Điểm tự đánh giá:*** *01 điểm*

Tiêu chuẩn 3.12:

Đội ngũ cán bộ quản lý của các đơn vị thuộc trường được bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Sau khi sáp nhập và Tổ chức giáo dục FPT, việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm các vị trí quản lý của FPOLY được tuân thủ theo quy trình ISO đã được ban hành nhằm ĐBCL các hoạt động liên quan đến nhân sự của trường *[3.12.01]*.

Đội ngũ cán bộ quản lý của các đơn vị thuộc trường hiện tại gồm có 13 viên chức, trong đó có 07 trưởng phòng, khoa và 02 phó trưởng phòng, khoa. Cán bộ quản

lý các phòng, khoa chuyên môn đều có phẩm chất đạo đức tốt, trình độ chuyên môn cao (95% có trình độ thạc sĩ), lý luận chính trị, năng lực quản lý đảm bảo tiêu chuẩn chức danh được bổ nhiệm **[3.12.02]**. Theo phân cấp quản lý và các văn bản hướng dẫn về công tác bổ nhiệm. Công tác bổ nhiệm được thực hiện đúng quy trình, quy định và quy hoạch của Nhà trường, đảm bảo bổ nhiệm những cán bộ quản lý có tiêu chuẩn.

**** Điểm tự đánh giá:*** *01 điểm*

Tiêu chuẩn 3.13:

Đội ngũ cán bộ quản lý của trường đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ; thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Đội ngũ cán bộ quản lý của Nhà trường đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ; thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

Đội ngũ cán bộ quản lý của trường đáp ứng các tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn, năng lực quản lý **[3.13.01]** theo đúng các quy định tại Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH, ngoài ra hàng năm lãnh đạo nhà trường đều có tổng kết, đánh giá, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng trưởng, phó các phòng khoa theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị đảm bảo cho đội ngũ cán bộ quản lý thực hiện tốt các nhiệm vụ mà nhà trường đã phân công theo đúng quy định trong quy chế tổ chức và hoạt động **[3.13.02]** của nhà trường.

Do Trường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hoạt động dạy, toàn bộ cán bộ quản lý Trường đều sử dụng thành thạo máy vi tính, có trình độ tin học ứng dụng, sử dụng tốt các trang thiết bị văn phòng và trang thiết bị phục vụ đào tạo. Vì vậy cán bộ quản lý của Trường đều có trình độ ngoại ngữ và sử dụng được ngoại ngữ trong làm việc và giảng dạy *[3.13.03]*.

Hàng năm, cán bộ quản lý của Trường đều được Ban lãnh đạo đánh giá về về việc thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ bằng việc checkpoint *[3.13.04]*.

Hàng năm, cán bộ quản lý của Trường đều tham gia các khóa bồi dưỡng nghiệp vụ, để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ phát triển *[3.13.05]*.

**** Điểm tự đánh giá:*** *01 điểm*

Tiêu chuẩn 3.14:

Hằng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo bồi dưỡng, nâng cao trình độ, chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý.

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Căn cứ Điều lệ trường cao đẳng, Nhà trường đã xây dựng tổ chức bộ máy đảm bảo đúng quy định và phù hợp với tình hình thực tế. Hiện nay tổng số lãnh đạo và CBQL của trường là 15 người, gồm: 01 Hiệu trưởng; 02 phó hiệu trưởng; 07 trưởng phòng, khoa; 02 phó trưởng phòng, khoa, trung tâm; 03 tổ trưởng tổ chuyên môn; Trình độ: Tiến sĩ: 2, Thạc sĩ: 12, Đại học 01. **[3.14.01]**. Đội ngũ lãnh đạo và cán bộ quản lý của nhà trường có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực chuyên môn và quản lý về cơ bản đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ. Công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng được quan tâm.Việc đánh giá cán bộ quản lý được thực hiện theo đúng năng lực và hiệu quả công việc được phân công. Nhà trường luôn quan tâm đến công tác đào tạo bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, trình độ lý luận chính trị, nghiệp vụ **[3.14.02]**. Luôn tạo điều kiện về thời gian cũng như kinh phí cho cán bộ quản lý đi học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ.

Theo như kết quả ghi nhận được, hàng năm, toàn bộ các cán bộ quản lý đều tham dự ít nhất 01 khóa đào tạo để nâng cao trình độ bản thân *[3.14.03], [3.14.04]*.

** **Điểm tự đánh giá**: 01 điểm*

Tiêu chuẩn 15:

Đội ngũ cán bộ, giáo viên và người lao động của Nhà trường đủ số lượng, đáp ứng được yêu cầu công việc được giao, được định kỳ bồi dưỡng nâng cao trình độ

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Đội ngũ cán bộ, giáo viên và người lao động của trường cơ bản đủ về số lượng, có trình độ, chuyên môn đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ **[3.15.01]**.

Hàng năm căn cứ vào quy hoạch đào tạo bồi dưỡng theo giai đoạn, yêu cầu và tình hình thực tế của Nhà trường cử CB, GV, NLĐ đi đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ theo kế hoạch từng năm **[3.15.02].**

Đội ngũ viên chức, người lao động đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ được giao, hỗ trợ đắc lực cho đội ngũ cán bộ quản lý và cán bộ giảng dạy. CBGV đều sử dụng thành thạo máy vi tính, sử dụng tốt ngoại ngữ là tiếng Anh, sử dụng tốt các trang thiết bị văn phòng và trang thiết bị phục vụ đào tạo, hoàn thành nhiệm vụ, công việc được giao thể hiện qua đánh giá kết quả thực hiện công việc của (checkpoint) hàng năm của mỗi CBGV *[3.15.03]*.

Theo kế hoạch và chính sách về đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ *[3.15.04]* hàng năm, CBGV của Trường đều được cử tham gia các khóa bồi dưỡng nghiệp vụ, để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ phát triển *[3.15.05], [3.15.06]*.

**** Điểm tự đánh giá:*** *01 điểm*

3.2.4. Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình

**** Mở đầu:***

Nhà trường có đầy đủ các chương trình đào tạo được xây dựng phù hợp với mục tiêu đào tạo của Trường cũng như với nhu cầu phát triển nguồn nhân lực, nhu cầu học tập của người học và với thị trường lao động. Hàng năm, các chương trình đào tạo được điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện cho phù hợp với tình hình thực tế nhu cầu của xã hội cũng như trang thiết bị máy móc và đội ngũ giáo viên của nhà trường.

Các chương trình đào tạo được xây dựng tuân thủ theo quy định của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội và có sự tham gia ý kiến của cán bộ, giáo viên và chuyên gia từ các doanh nghiệp sử dụng lao động. Chương trình đào tạo đáp ứng được nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của thị trường lao động và nhu cầu học tập của người học, nhu cầu liên thông lên các bậc học cao hơn.

Hàng năm, trường đã xây dựng và triển khai kế hoạch rà soát, điều chỉnh một số chương trình để cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến nghề đào tạo và các ý kiến phản hồi từ người sử dụng lao động.

**** Những điểm mạnh:***

Các chương trình hiện đang đào tạo của trường đều được xây dựng theo thông tư 09/2017 Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành. Đội ngũ giáo viên nói chung có kinh nghiệm tham gia xây dựng và điều chỉnh chương trình. Ngoài ra, khi xây dựng chương trình, nhà trường thường mời các chuyên gia bên ngoài trường, hoặc từ các doanh nghiệp tới để xây dựng, thẩm định và lấy ý kiến đóng góp xây dựng chương trình đào tạo ở tất cả các nghề đang đào tạo tại trường.

Các chương trình hoàn toàn phù hợp với mục tiêu đào tạo của trường cũng như gắn bó mật thiết với nhu cầu phát triển nguồn nhân lực, nhu cầu học tập của người học và với thị trường lao động.

** Những tồn tại:*

Các doanh nghiệp tham gia góp ý phản biện cho giáo trình, tài liệu giảng dạy còn ít so với yêu cầu đặt ra của trường.

**** Kế hoạch nâng cao chất lượng:***

Nhà trường có kế hoạch lấy các ý kiến các chuyên gia trong và ngoài nước, các chuyên gia từ các trường khác, từ các doanh nghiệp, các giáo viên trực tiếp tham gia giảng dạy, các cán bộ quản lý, người học để đóng góp bổ sung vào nội dung các Môđun.

Điểm đánh giá tiêu chí 4:

Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình	**Điểm tự đánh giá**
Tiêu chuẩn 4.1	*1 điểm*
Tiêu chuẩn 4.2	*1 điểm*
Tiêu chuẩn 4.3	*1 điểm*
Tiêu chuẩn 4.4	*1 điểm*
Tiêu chuẩn 4.5	*1 điểm*
Tiêu chuẩn 4.6	*1 điểm*
Tiêu chuẩn 4.7	*1 điểm*
Tiêu chuẩn 4.8	*1 điểm*
Tiêu chuẩn 4.9	*1 điểm*
Tiêu chuẩn 4.10	*0 điểm*
Tiêu chuẩn 4.11	*0 điểm*
Tiêu chuẩn 4.12	*1 điểm*
Tiêu chuẩn 4.13	*1 điểm*
Tiêu chuẩn 4.14	*1 điểm*
Tiêu chuẩn 4.15	*1 điểm*

Tiêu chuẩn 4.1:

Có đầy đủ chương trình đào tạo các chuyên ngành hoặc nghề mà trường đào tạo.

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Nhà trường có đầy đủ các chương trình đào tạo của các nghề trường đang đào tạo, được xây dựng phù hợp với mục tiêu đào tạo của Trường cũng như với nhu cầu phát triển nguồn nhân lực, nhu cầu học tập của người học và với thị trường lao động **[4.1.01].**

Từ khi được sáp nhập vào Tổ chức giáo dục FPT, Trường ban hành khung CTĐT cho các ngành đang triển khai đào tạo và thực hiện xây dựng/sửa đổi và ban hành đề cương chi tiết hàng kỳ *[4.1.03]* theo hướng dẫn công việc Xây dựng và PTCT cao đẳng *[4.1.04]*.

**** Điểm tự đánh giá:*** *01 điểm*

Tiêu chuẩn 4.2:

100% chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định.

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Nhà trường tổ chức xây dựng, chỉnh sửa chương trình đào tạo của tất cả các nghề hiện trường đang đào tạo đúng quy định, quy trình theo thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH và Thông tư số 12/2017/TT – BLĐTBXH **[4.2.01].** Trường giao các GV cơ hữu nghiên cứu sửa đổi và bổ sung cho phù hợp với người học và xã hội *[4.2.02]*, *[4.2.03]*. Các GV tham gia vào quá trình xây dựng và chỉnh sửa CTĐT xác định thời gian, khối lượng kiến thức, kỹ năng và nội dung để đưa vào CTĐT trên cơ sở tiêu chuẩn kỹ năng nghề, chuẩn đầu ra theo cấp trình độ của ngành, nghề đào tạo. Đề cương bài giảng của từng môn học sẽ được xây dựng theo khung CTĐT này. Các chỉ đạo về sửa đổi CTĐT, các ý kiến xem xét, đánh giá CTĐT sửa đổi này được ghi nhận trong các biên bản họp đánh giá khung CTĐT *[4.2.04]* và trong biên bản họp của Hội đồng khoa học đào tạo năm 2018 *[4.2.05]*. Sau đó, Trường phê duyệt và đưa vào sử dụng CTĐT cho từng khóa *[4.2.06]*.

Sau khi sáp nhập vào Tổ chức giáo dục FPT, CTĐT ban hành cho khóa 15.3 và khóa 16.3 trình độ đào tạo cao đẳng được sửa đổi dựa trên CTĐT đã được các GV cơ hữu của Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội đã xây dựng trước đó *[4.2.07]*. Với các ngành trung cấp chuyên nghiệp đang được triển khai tại trường, các khung CTĐT đã được nghiên cứu và xây dựng mới theo các quy định của pháp luật *[4.2.08]*, *[4.2.09]*. Theo các khung CTĐT này, hàng kỳ, theo sự điều phối của bộ phận PTCT *[4.2.10]*, các GV cơ hữu của Trường sẽ xây dựng đề cương chi tiết và học liệu cho từng môn học triển khai trong học kỳ *[4.2.11]*. Các đề cương chi tiết này sẽ được Hiệu trưởng ban hành quyết định công nhận *[4.2.12]*.

**** Điểm tự đánh giá:*** *01 điểm*

Tiêu chuẩn 4.3:

Chương trình đào tạo của trường thể hiện được mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học đạt được sau tốt nghiệp; phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô đun, môn học, từng chuyên ngành hoặc nghề và từng trình độ theo quy định.

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng đáp ứng yêu cầu quy định tại Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH. Trường tổ chức xây dựng, bổ sung, chỉnh sửa và thẩm định, phê duyệt chương trình căn cứ theo quy định khối lượng kiến thức tối thiểu và yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo từng ngành, nghề đào tạo do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành **[4.3.01]**

Trường tổ chức xây dựng, bổ sung, chỉnh sửa và thẩm định, phê duyệt chương trình căn cứ theo Thông tư số 12/2017/TT-BLĐTBXH quy định khối lượng kiến thức tối thiểu và yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng do Bộ LĐTBXH ban hành *[4.3.02]*, *[4.3.03]*.

Giai đoạn năm 2019 trở về trước, sau khi CTĐT được ban hành, GV từng môn học sẽ soạn thảo đề cương bài giảng cụ thể các nội dung giảng dạy từng bài học, từng buổi học, đồng thời cũng quy định hình thức đào tạo và hình thức/ cách thức đánh giá HSSV cụ thể *[4.3.04]*.

Từ năm học 2019-2020 (học kỳ 2 năm học 2019-2020 với trình độ đào tạo cao đẳng và học kỳ 1 năm học 2019-2020 với trình độ đào tạo trung cấp), mỗi học kỳ, đề cương chi tiết của các môn học triển khai trong kỳ được bộ phận PTCT phối hợp với bộ phận TC&QLĐT và Trung tâm PTCĐ điều phối thiết kế và ban hành. Trung tâm PTCĐ sẽ chịu trách nhiệm chính với các môn văn hóa phổ thông và môn kỹ năng mềm, lớp học nghệ thuật. Đề cương chi tiết thể hiện chuẩn đầu ra của người học theo từng môn học, phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức giảng dạy tương ứng, đồng thời chi tiết cách thức đánh giá kết quả học tập của từng môn học *[4.3.05]*.

**** Điểm tự đánh giá:*** *01 điểm*

Tiêu chuẩn 4.4:

Chương trình đào tạo được xây dựng có sự tham gia của nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Theo định hướng xã hội hoá giáo dục của Đảng và Nhà nước, Trường đã chủ động liên hệ mời các chuyên gia đến từ các trường Cao đẳng; các Sở, Ban ngành có liên quan;

các doanh nghiệp có uy tín; các cán bộ quản lý ở các cơ quan, đơn vị tham gia hội đồng xây dựng, chỉnh sửa, bổ sung 10 CTĐT trình độ Cao đẳng, 06 CTĐT trình độ Trung cấp, và 01 CTĐT trình độ Sơ cấp đã đăng ký hoạt động GDNN:

- Trước đây, toàn bộ GV cơ hữu được tuyển dụng vào vị trí giảng dạy chuyên môn ít nhất 01 khóa đã tham gia vào quá trình xây dựng, góp ý, thẩm định CTĐT, đạt tỷ lệ 100% *[4.4.01], [4.4.02], [4.4.03], [4.4.04]*.

Ngoài ra, từ năm học 2019-2020, đề cương chi tiết các môn học trong các CTĐT được xây dựng tập trung bởi bộ phận PTCT theo hướng dẫn công việc xây dựng và phát triển CTĐT của bộ phận PTCT *[4.4.05]*. Theo quy trình trên, sau khi triển khai, mỗi học kỳ, GV sẽ gửi ý kiến phản hồi liên quan đến CTĐT, học liệu, hay đề cương chi tiết về bộ phận PTCT để tổng hợp và có sửa đổi nếu cần thiết *[4.4.06]*.

**** Điểm tự đánh giá:*** *1 điểm*

Tiêu chuẩn 4.5:

Chương trình đào tạo đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

CTĐT được thiết kế linh hoạt, luôn bám sát thực tiễn, đặc biệt là chuẩn kỹ năng nghề nghiệp, để điều chỉnh cho phù hợp, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động.

Các CTĐT có chuẩn đầu ra được ban hành và được công bố trên trang điện tử của trường *[4.5.01]*. Với các CTĐT trình độ cao đẳng đã có sinh viên tốt nghiệp chuẩn đầu ra của các CTĐT này được điều chỉnh bổ sung trên cơ sở nhu cầu nhân lực của thị trường lao động *[4.5.2]*. Ngoài ra, qua báo cáo khảo sát tình trạng có việc làm của người học sau khi tốt nghiệp năm 2018 đến 2020 có thể thấy rằng người học sau khi theo học các CTĐT, trình độ cao đẳng của Trường đều có khả năng thích nghi tốt với môi trường làm việc thực tế thể hiện ở tỷ lệ có việc làm sau khi ra trường duy trì ở mức cao qua các năm *[4.5.03]*.

Bảng 2. Tỷ lệ sinh viên, trình độ cao đẳng có việc làm (Đơn vị: %)

Năm	Tỷ lệ SV có việc	Tỷ lệ SV học tiếp	Tỷ lệ SV có việc làm phù hợp chuyên	Tỷ lệ SV có việc làm không phù hợp	Tỷ lệ SV có việc làm dưới 3 tháng	Tỷ lệ SV có việc làm trong khoảng 3 -6 tháng	Tỷ lệ SV có việc làm sau 6 tháng tốt

	làm		môn	chuyên môn	tốt nghiệp	sau tốt nghiệp	nghiệp
2018	77,1	10,7	54,3	45,7	N/A	25,2	74,8
2019	85,4	3,3	52	48	80,5	16,9	2,6
2020	79,2	6,2	53.8	46.2	84,6	10,7	1,5

CTĐT của Khóa 15.3 và Khóa 16.3, trình độ cao đẳng đã có một số đổi mới như việc tăng thời lượng môn Tiếng Anh từ 2 môn với tổng thời lượng 120 giờ lên 4 môn tiếng Anh tổng thời lượng 360 giờ, bổ sung các môn kỹ năng để cung cấp kỹ năng làm việc cho người học, bổ sung môn Khởi sự doanh nghiệp để cung cấp các kiến thức vận hành doanh nghiệp và startup, và điều chỉnh các môn chuyên ngành để cung cấp cho người học những kiến thức, kỹ năng mà thị trường yêu cầu *[4.5.04], [4.5.05]*.

**** Điểm tự đánh giá:** 01 điểm*

Tiêu chuẩn 4.6:

Chương trình đào tạo được xây dựng bảo đảm việc liên thông giữa các trình độ giáo dục nghề nghiệp với các trình độ đào tạo khác trong hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định.

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Từ năm học 2018-2019 trở về trước, CTĐT của trường được xây dựng để đảm bảo liên thông giữa trình độ trung cấp - cao đẳng theo đúng Quyết định số 18/2017/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định về liên thông giữa trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng với trình độ đại học. CTĐT được xây dựng theo nguyên tắc kế thừa và tích hợp để giảm tối đa thời gian học lại kiến thức và kỹ năng mà người học đã tích lũy ở các CTĐT khác *[4.6.1]*. Các điều kiện liên thông giữa các ngành đúng, ngành gần và ngành khác của chương trình cao đẳng liên thông được nêu tại thông báo về tuyển sinh đào tạo liên thông *[4.6.02]*.

**** Điểm tự đánh giá:** 01 điểm*

Tiêu chuẩn 4.7:

Ít nhất 3 năm 1 lần trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với chương trình đào tạo đã ban hành.

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Từ khóa 12 trở về trước (năm học 2018-2019 trở về trước), mỗi năm, Trường đều thực hiện đánh giá, cập nhật, điều chỉnh và ban hành CTĐT trình độ cao đẳng chính quy mới để áp dụng cho khóa tuyển sinh mới *[4.7.01], [4.7.02], [4.7.03], [4.7.04], [4.7.05]*.

Từ khóa tuyển sinh K15.3 (từ năm học 2019-2020), dựa vào CTĐT trình độ cao đẳng chính quy đã được sửa đổi và ban hành năm 2019 theo Quyết định 153/QĐ-CĐCNHN, các năm tuyển sinh tiếp theo, Trường thực hiện sửa đổi, bổ sung 04 CTĐT (1) Công nghệ kỹ thuật cơ khí, (2) Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử, (3) Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, và (4) Điện công nghiệp *[4.7.06]* để phù hợp với những tiến bộ khoa học công nghệ cũng như yêu cầu của các doanh nghiệp *[4.7.07]*. Đây là những ngành đào tạo trình độ cao đẳng thực tế đang triển khai tại Trường. Nhằm tuân thủ quy định của pháp luật, Trường ban hành hướng dẫn công việc Xây dựng và PTCT cao đẳng cũng quy định rõ bộ phận PTCT cần cập nhật CTĐT đang triển khai ít nhất 03 năm 1 lần từ ý kiến phản hồi của GV, cựu người học, cơ quan quản lý nhà nước *[4.7.08]*.

**** Điểm tự đánh giá:*** *01 điểm*

Tiêu chuẩn 4.8:

Chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo có cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến ngành, nghề đào tạo hoặc tham khảo các chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài.

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Ngoài việc giảng dạy chuyên môn, các giáo viên, cán bộ quản lý của trường đều được Ban giám hiệu quan tâm khuyến khích tham khảo các chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng, trung cấp trên toàn quốc và cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến nghề đào tạo.

Điển hình, từ Khóa 15.3, các CTĐT, trình độ cao đẳng của 4 ngành (1) Công nghệ kỹ thuật cơ khí, (2) Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử, (3) Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, và (4) Điện công nghiệp *[4.8.01]* đã được bổ sung 4 môn tiếng Anh sử dụng giáo trình tiếng Anh và tài nguyên học tập của Pearson *[4.8.02]*. Trong quá trình rà soát, sửa đổi 4 CTĐT này vào đầu năm 2020, khung CTĐT của Trường Cao đẳng nghề Nanyang, Singapore đã được tham khảo để cập nhật xu hướng

đào tạo trên thế giới cho các môn chuyên ngành điện – cơ khí *[4.8.03]*. Cũng trong năm 2020, để đáp ứng nhu cầu học tập và giảng dạy của GV và HSSV ngành tự động hóa, 02 robot đã được mua *[4.8.04]*.

**** Điểm tự đánh giá:** 01 điểm*

Tiêu chuẩn 4.9:

Trước khi tổ chức đào tạo liên thông, trường căn cứ chương trình đào tạo, thực hiện rà soát các mô đun, tín chỉ, môn học và có quyết định đối với các mô đun, tín chỉ, môn học mà người học không phải học để đảm bảo quyền lợi của người học.

Trường đã nghiên cứu, xây dựng 04 CTĐT liên thông bao gồm (1) Điện công nghiệp, (2) Công nghệ kỹ thuật cơ khí, (3) Công nghệ thông tin, và (4) Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử *[4.9.01]*.

Để đảm bảo quyền lợi của người học, trường đã thực hiện rà soát các mô đun, tín chỉ, môn học ngành đúng, ngành gần để ra quyết định đối với các mô đun, tín chỉ, môn học mà người học không phải học theo kế hoạch *[4.9.02], [4.9.03]*.

**** Điểm tự đánh giá:** 1 điểm*

Tiêu chuẩn 4.10:

Có đủ giáo trình cho các mô đun, môn học của từng chương trình đào tạo.

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Hiện nay, tất cả các môn họctrong chương trình đào tạo được quy định ngay tại Đề cương môn học. Từ năm học 2018-2019 trở về trước: Giáo trình cho các môn học của từng CTĐT *[4.10.01]* được nêu cụ thể trong CTĐT chi tiết *[4.10.02]*, nội dung các tài liệu tham khảo được đưa vào đề cương bài giảng *[4.10.03]*;

Giai đoạn sau khi sáp nhập vào Tổ chức giáo dục FPT (cuối năm 2019): Giáo trình cho các môn học *[4.10.04]* được nêu trong đề cương chi tiết của môn học *[4.10.05]* và kế hoạch đào tạo hàng kỳ do bộ phận PTCT soạn thảo.

Từ năm 2019 trở về trước, thư viện của trường lưu trữ 189 đầu sách của các ngành mà trường được cấp phép. Tuy nhiên, do từ cuối năm 2019 trở đi, trường tập trung đào tạo 04 ngành trình độ cao đẳng (1) Công nghệ kỹ thuật cơ khí, (2) Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử, (3) Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, và (4) Điện công nghiệp, nên nhà trường chỉ lưu trữ những giáo trình trực tiếp phục vụ đào

tạo của các ngành này và 03 ngành trình độ trung cấp (1) Thiết kế đồ họa, (2) Thương mại điện tử, và (3) Quản trị khách sạn. *[4.10.06], [4.10.07]*.

**** Điểm tự đánh giá:** 0 điểm*

Tiêu chuẩn 4.11:

100% giáo trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định để làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức.

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Các tài liệu do các khoa và bộ môn biên soạn đều được tổ chức phản biện và nghiệm thu của hội đồng thẩm định khoa. Những chuyên gia được khoa mời tham gia góp ý, chỉnh sửa chương trình, giáo trình đều có văn bản phản biện, nhận xét mức độ đáp ứng yêu cầu đổi mới về nội dung và phương pháp dạy học của giáo trình; Đối với những giáo trình do nhà trường mua sắm và chia sẻ từ các trường bạn, sau khi được các giáo viên, chuyên gia lựa chọn, thẩm định về nội dung tham mưu cho Hiệu trưởng có quyết định đưa vào sử dụng trong giảng dạy và học tập **[4.11.01].**

Tất cả môn học đều có đề cương bài giảng được soạn thảo và thẩm duyệt bởi các GV trong trường *[4.11.02], [4.11.03]*. Các giáo trình do Trường biên soạn đều được đăng ký dưới dạng đề tài NCKH và được tổ chức phản biện và nghiệm thu của hội đồng thẩm định của trường *[4.11.04]*. Trong năm 2018-2019, Trường đã bàn bạc về việc xây dựng thêm giáo trình nội bộ *[4.11.05]* và mua bổ sung giáo trình cần thiết cho việc giảng dạy tại trường *[4.11.06]*. Những giáo trình mua mới này đều được GV của trường xem xét và cân nhắc hợp lý.

Sau khi sáp nhập, việc lựa chọn giáo trình được tuân thủ theo hướng dẫn công việc Xây dựng và PTCT cao đẳng *[4.11.07]*. Theo đó, các chuyên gia với trình độ tốt nghiệp đại học trở lên, có ít nhất 5 năm kinh nghiệp giảng dạy và quản lý của ngành nghề cùng đại diện GV sẽ quyết định lựa chọn sách sử dụng cho trình độ đào tạo cao đẳng *[4.11.08]*, sau đó chuyển bộ phận đào tạo xem xét và tham mưu Hiệu trưởng phê duyệt đưa vào sử dụng trong giảng dạy và học tập.

**** Điểm tự đánh giá:** 0 điểm*

Tiêu chuẩn 4.12:

Giáo trình đào tạo cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo.

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Nội dung giảng dạy được GV cụ thể hóa bằng các tài liệu học tập để giảng dạy cho HSSV bao gồm: Đề cương bài giảng, đề cương chi tiết môn học… Các yêu cầu về nội dung, kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong các CTĐT được cụ thể hóa trong đề cương bài giảng (từ năm học 2018-2019 trở về trước) *[4.12.01]* và đề cương chi tiết (từ học kỳ Fall 2019) *[4.12.02]*.

Những nội dung, kiến thức, và kỹ năng này đã được xem xét đảm bảo bao trùm các kiến thức mà HSSV cần có trong các giáo trình chính và tài liệu tham khảo của các môn học *[4.12.03]*.

**** Điểm tự đánh giá:** 01 điểm*

Tiêu chuẩn 4.13:

Giáo trình đào tạo tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Các giáo trình, đề cương bài giảng, đề cương chi tiết, và học liệu được trường biên soạn được áp dụng các phương pháp dạy học tích cực như làm việc theo nhóm, sử dụng phương pháp ITU, học tập online, blended learning *[4.13.02], [4.13.02], [4.13.03], [4.13.04]*.

Theo quy định của các tài liệu học tập trên, GV đã áp dụng các phương pháp dạy học tích cực trong quá trình giảng dạy. Nhằm khuyến khích GV sử dụng phương pháp dạy học tích cực, từ năm 2018-2019 trở về trước, trường thực hiện đánh giá, xếp loại về chuyên môn, nghiệp vụ trong đó có yêu cầu về việc nâng cao chất lượng giảng dạy của GV *[4.13.05]*. Khi sáp nhập vào Tổ chức giáo dục FPT, các GV CĐCNHN đã được đào tạo về phương pháp giảng dạy theo CDIO – Conceive, Design, Implement, Operate *[4.13.06]*. Vì vậy có thể đảm bảo việc áp dụng các phương pháp dạy học tích cực trong thực tế.

**** Điểm tự đánh giá:** 01 điểm*

Tiêu chuẩn 4.14:

Hằng năm, trường thực hiện việc lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Trong những năm qua, Trường đều có thực hiện lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ

quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người học đã tốt nghiệp (trình độ cao đẳng) về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo, tài liệu học tập để tổng kết đưa vào sử dụng có hiệu quả để có kế hoạch điều chỉnh, bổ sung nhằm hoàn thiện các giáo trình đào tạo, tài liệu học tập phục vụ tốt hơn cho công tác giảng dạy, nghiên cứu và học tập tại trường *[4.14.01], [4.14.02], [4.14.03],*

**** Điểm tự đánh giá:** 1 điểm*

Tiêu chuẩn 4.15:

Khi có sự thay đổi về chương trình đào tạo, trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với giáo trình đào tạo đảm bảo yêu cầu theo quy định.

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Đầu năm 2020, trường có sự thay đổi lớn về CTĐT của 4 ngành trình độ cao đẳng: (1) Công nghệ kỹ thuật cơ khí, (2) Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử, (3) Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, và (4) Điện công nghiệp *[4.15.01]*.

Bên cạnh đó, theo hướng dẫn công việc xây dựng và PTCT cao đẳng *[4.15.02]*, mỗi 3 năm 1 lần, trường cũng sẽ thực hiện rà soát CTĐT và sẽ có các chỉnh sửa về giáo trình, học liệu tương ứng.

**** Điểm tự đánh giá:** 1 điểm*

3.2.5. Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện

**** Mở đầu:***

Trường FPOLY thành lập từ tháng 3 năm 2007 và đã triển khai các hoạt động đào tạo hơn 12 năm. Được sự quan tâm của các cấp, các ngành, các nguồn đầu tư, Nhà trường được đầu tư xây mới hoàn toàn nên khuôn viên được quy hoạch hợp lý, vị trí xây dựng của trường có địa điểm đặt ở trung tâm thành phố, phù hợp với quy hoạch các điểm dân cư mạng lưới trường nghề, đảm bảo điều kiện an toàn, yên tĩnh cho các hoạt động giảng dạy, học tập và thuận tiện cho việc đi lại. Nhà trường có đầy đủ các khối công trình thuận tiện cho các hoạt động.

Cơ sở vật chất phục vụ cho đào tạo của Nhà trường đã được đầu tư cơ bản đồng bộ, khang trang, đáp ứng nhu cầu học tập và đào tạo của Nhà trường, đảm bảo đủ tiêu chuẩn quy định. Mặt bằng tổng thể của trường với tổng thể diện tích đất là 0,9 ha gồm: 02 tòa nhà 5 tầng với diện tích sàn hơn 3600 m^2; 02 giảng đường 5 tầng, diện tích sàn 3600m^2; trong đó có 02 phòng học ghép từ 200 chỗ ngồi với diện tích 400m^2, 30

phòng học lý thuyết với diện tích 1245m^2, 08 phòng thực hành với diện tích 1317m^2, hệ thống trang thiết bị, máy móc phục vụ học tập, nghiên cứu và các hoạt động văn hóa, văn nghệ, TDTT được đầu tư, đủ tiêu chuẩn quy định, đáp ứng đủ cho trên 1.000 SV học tập và nghiên cứu; 01 xưởng thực hành với diện tích 600m^2; 01 sân hoạt động chung. Các công trình phụ trợ: 01 trạm biến áp, 01 bể nước, tường rào bao quanh sân, đường nội bộ và các công trình phụ trợ khác. Nhìn chung cơ sở vật chất của Nhà trường khang trang, đáp ứng yêu cầu đào tạo và cảnh quan môi trường sư phạm.

Trang thiết bị, phương tiện máy móc đáp ứng được nhu cầu đào tạo các nghề đang đào tạo. Khuôn viên nhà trường được quy hoạch hợp lý, phù hợp với yêu cầu hoạt động và có đầy đủ các khối công trình phục vụ nhu cầu đào tạo và các hoạt động khác.

** Những điểm mạnh:*

Hệ thống hạ tầng cơ sở được trang bị tương đối đầy đủ, phù hợp với nhiệm vụ đào tạo của Nhà trường.

Các công trình đảm bảo quy chuẩn xây dựng và các yêu cầu vệ sinh, kiến trúc, chiếu sáng, thông gió, quy hoạch nội bộ thuận tiện cho vận chuyển, lắp đặt, vận hành thiết bị. Có hệ thống điện, hệ thống cấp, thoát nước chung, riêng cho các khu vực trong trường theo nhu cầu hoạt động học tập và sinh hoạt. Các công trình xây dựng đều được lắp đặt hệ thống thiết bị phòng chống cháy nổ.

Nhà trường có đầy đủ phương tiện, thiết bị và dụng cụ trong xưởng thực hành đảm bảo các yêu cầu về sư phạm. Hệ thống kho lưu trữ, bảo quản được thiết kế xây dựng ở những vị trí an toàn thuận tiện, đảm bảo các tiêu chuẩn như có mái che, hệ thống chiếu sáng, thông gió, chống ẩm mốc, phòng chống cháy nổ.

** Những tồn tại:*

Còn một số nghề mới chuyển sang đào tạo theo chương trình mới nên thiết bị, máy móc chưa đủ về số lượng cũng như chủng loại.

**** Kế hoạch nâng cao chất lượng:***

Trang bị thêm các thiết bị đào tạo thực hành cho các nghề trọng điểm nhằm đáp ứng được quy mô đào tạo. Tăng cường công tác quản lý, khai thác thiết bị, thực hiện liên doanh, liên kết đào tạo với doanh nghiệp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

Điểm đánh giá tiêu chí 5:

Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện	**Điểm tự đánh giá**
Tiêu chuẩn 5.1	1 điểm
Tiêu chuẩn 5.2	1 điểm
Tiêu chuẩn 5.3	1 điểm
Tiêu chuẩn 5.4	1 điểm
Tiêu chuẩn 5.5	1 điểm
Tiêu chuẩn 5.6	1 điểm
Tiêu chuẩn 5.7	1 điểm
Tiêu chuẩn 5.8	0 điểm
Tiêu chuẩn 5.9	1 điểm
Tiêu chuẩn 5.10	1 điểm
Tiêu chuẩn 5.11	1 điểm
Tiêu chuẩn 5.12	1 điểm
Tiêu chuẩn 5.13	0 điểm
Tiêu chuẩn 5.14	1 điểm
Tiêu chuẩn 5.15	1 điểm

Tiêu chuẩn 5.1:

Địa điểm xây dựng trường phù hợp với quy hoạch chung của khu vực và mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, khu đất xây dựng cần đảm bảo yên tĩnh cho việc giảng dạy và học tập; giao thông thuận tiện và an toàn; thuận tiện cho việc cung cấp điện, nước, đảm bảo khoảng cách đối với các xí nghiệp công nghiệp thải ra chất độc hại; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành.

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Trường Cao đẳng FPT Polytechnic có trụ sở chính chính tại Km12, đường Cầu Diễn, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội và 03 tòa nhà tại phố Trịnh Văn Bô, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Đây là vùng kinh tế trọng điểm, khu đô thị phía tây Hà Nội đang phát triển mạnh, khu vực này là trung tâm đào tạo, nằm cạnh các doanh nghiệp, các nhà máy trong cụm công nghiệp vừa và nhỏ Từ Liêm nên phù hợp với quy hoạch chung của thành phố Hà Nội và mạng lưới các cơ sở GDNN *[5.1.01]*.

Trường có tổng diện tích 29.984 m^2 *[5.1.02]*, khuôn viên trường nằm cách mặt đường Cầu Diễn 100m và cách cụm công nghiệp vừa và nhỏ Từ Liêm 2 km, xung quanh là khu dân cư mới nên đảm bảo yên tĩnh cho việc giảng dạy và học tập *[5.1.03]*.

Trường nằm trên mặt đường quốc lộ 32, là trục giao thông chính nối trung tâm Hà Nội và các tỉnh lân cận nên giao thông rất thuận tiện. Đặc biệt, điểm dừng xe buýt với rất nhiều tuyến đi qua và ga đường sắt Tuyến Nhổn – Cát Linh chỉ cách cổng trường 50m rất thuận tiện và an toàn, phù hợp với nhu cầu đi lại của HSSV [*5.1.04]*.

Về hệ thống điện có 01 trạm biến áp và lưới điện 320 KVA. Việc cung cấp điện phục vụ cho đào tạo và sinh hoạt trong Nhà trường rất ổn định. Hệ thống nước sạch được cung cấp đầy đủ, đáp ứng đầy đủ nhu cầu nước sạch phục vụ cho sinh hoạt học sinh sinh viên và cán bộ, giáo viên, nhân viên và SV **[5.1.05]**.

Đối với cơ sở Trịnh văn Bô, Trường sử dụng hệ thống lưới điện quốc gia nên việc cung cấp điện phục vụ cho đào tạo và sinh hoạt trong Trường rất thuận tiện và ổn định *[5.1.06]*. Trường có hệ thống nước sạch đảm bảo nhu cầu sử dụng nước cho toàn trường *[5.1.07]*

Hàng năm, Trường có tổ chức khảo sát lấy ý kiến của HSSV học kỳ cuối đánh giá chung về CSVC của Trường đảm bảo cho giảng dạy và học tập. Kết quả đạt mức 4.05/5 (năm 2019) về độ hài lòng *[5.1.08]*.

**** Điểm tự đánh giá:** 01 điểm*

Tiêu chuẩn 5.2:

Quy hoạch tổng thể mặt bằng khuôn viên hợp lý, phù hợp với công năng và các yêu cầu giao thông nội bộ, kiến trúc và môi trường sư phạm; diện tích đất sử dụng; diện tích cây xanh đảm bảo theo quy định.

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Mặt bằng khuôn viên Trường được quy hoạch tổng thể gồm các khu giảng đường được liên thông với nhau, khu nhà xưởng được quy hoạch riêng biệt đảm bảo an toàn và không gây ảnh hưởng đến hoạt động học tập và giảng dạy, khu dịch vụ phụ trợ, đường giao thông nội bộ kết nối các tòa nhà, khu vườn hoa cây xanh đảm bảo hợp lý, phù hợp với công năng và các yêu cầu giao thông nội bộ, kiến trúc, cảnh quan và môi trường sư phạm *[5.2.01] , [5.2.02]*.

Với diện tích cây xanh trong khuôn viên là 540 m^2 và vẫn đang tiếp tục được trồng bổ sung hàng năm, đảm bảo tiêu chuẩn là từ 30 - 40% [*5.2.03], [5.2.04]*.

Hàng năm, Trường có tổ chức khảo sát lấy ý kiến của SV học kỳ cuối đánh giá chung về CSVC của Trường đảm bảo cho giảng dạy và học tập. Kết quả đạt mức 4.05/5 (năm 2019) về độ hài lòng *[5.2.05]*.

**** Điểm tự đánh giá:** 01 điểm*

Tiêu chuẩn 5.3:

Có đủ các khu vực phục vụ hoạt động của trường theo tiêu chuẩn : Khu học tập và nghiên cứu khoa học (phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, phòng thí nghiệm và phòng học chuyên môn); khu thực hành (xưởng thực hành, thực tập, trại trường, vườn thí nghiêm); khu vực rèn luyện thể chất; khu hành chính quản trị phụ trợ và khu phục vụ sinh hoạt cho người học và nhà giáo.

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Trường có đầy đủ các khu vực phục vụ hoạt động theo tiêu chuẩn: Khu học tập với gồm 66 phòng học lý thuyết và phòng học chuyên môn; Khu xưởng thực hành gồm 08 phòng đáp ứng nhu cầu thực hành của tất cả HSSV các khối ngành đào tạo trong trường; khu vực rèn luyện thể chất gồm 02 phòng học vovinam/khu rèn luyện thể chất/nhà tập đa năng; khu vực sân trường đã đáp ứng việc giảng dạy các môn giáo dục thể chất cũng như các hoạt động tập thể khác; Phòng hội trường có diện tích 160m2 với đầy đủ bàn ghế, điều hòa, màn hình lớn, hệ thống âm thanh, ánh sáng ngoài việc dùng để tổ chức các sự kiện thì còn được dùng làm phòng tự học cho HSSV [*5.3.01], [5.3.02]*.

Khu hành chính quản trị với diện tích 1.923 m^2 gồm các phòng làm việc của BGH, các phòng ban chức năng và các bộ môn *[5.3.03]*.

Ngoài ra, Trường còn có đầy đủ các công trình phụ trợ gồm: 01 trạm biến áp *[5.3.04],* hệ thống cấp nước sạch *[5.3.05],* đường giao thông nội bộ, khu vực vườn hoa cây xanh *[5.3.06],* hệ thống mạng Internet và hệ thống wifi phủ sóng toàn trường, phục vụ miễn phí cho người học *[5.3.07];*

Ngay cổng chính và trong khuôn viên, Trường có lắp đặt các bản vẽ sơ đồ phòng học, khu thực hành, các khu chức năng, các biển chỉ dẫn, biển tên phòng nên rất thuận tiện cho các hoạt động của người học và nhà giáo *[5.3.08]*.

Hàng năm, Trường có tổ chức khảo sát lấy ý kiến của SV học kỳ cuối đánh giá chung về CSVC của Trường đảm bảo cho giảng dạy và học tập. Kết quả đạt mức 4.05/5 (năm 2019) và 4.33/5 (năm 2020) về độ hài lòng *[5.3.09]*.

**** Điểm tự đánh giá:*** *01 điểm*

Tiêu chuẩn 5.4:

Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường (đường giao thông nội bộ; hệ thống điện; cấp thoát nước xử lý nước thải, chất thải; thông gió; phòng cháy chữa cháy) theo quy chuẩn và đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt; được bảo trì bảo dưỡng theo quy định.

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của Trường được thiết kế và xây dựng theo quy chuẩn, phù hợp với công năng và đáp ứng nhu cầu đào tạo, dịch vụ và sinh hoạt. Với hệ thống đường giao thông nội bộ được bố trí hợp lý gồm 2 trục đường chính, mặt đường rộng từ 5m – 15m, kết nối các tòa nhà, có lối vào và lối ra khác nhau nên thuận lợi cho hoạt động đào tạo cũng như vận chuyển lắp đặt, vận hành trang thiết bị *[5.4.01], [5.4.02]*.

Trường có 01 trạm biến áp 320 KVA và sử dụng hệ thống lưới điện quốc gia nên việc cung cấp điện phục vụ cho đào tạo và sinh hoạt trong Trường rất thuận tiện và ổn định [*5.4.03]*. Với hệ thống nước sạch được thiết kế đến tất cả các tòa nhà đã đảm bảo nhu cầu sử dụng nước cho toàn trường *[5.4.04.]*.

Các công trình xây dựng của Trường có đầy đủ hệ thống PCCC theo quy chuẩn phục vụ nhu cầu đào tạo, dịch vụ và sinh hoạt. Các công trình khi thi công hệ thống PCCC đều được sự kiểm tra chặt chẽ của Phòng cảnh sát PCCC, trong quá trình nghiệm thu hệ thống PCCC đều phải có đại diện của Phòng cảnh sát PCCC cùng nghiệm thu *[5.4.05]*. Công tác PCCC được Trường rất quan tâm, đã thành lập đội PCCC, định kỳ tập huấn công tác PCCC cho các thành viên *[5.4.06]*. Hàng năm, Phòng cảnh sát PCCC đều cử các tổ công tác kiểm tra công tác PCCC của Trường *[5.4.07]*.

Để đảm bảo công tác vệ sinh trong toàn trường, tại các công trình và khuôn viên của trường đều được bố trí các thùng nhựa đựng rác. Hàng ngày, nhân viên vệ sinh thu gom phân loại và vận chuyển rác thải đến bãi tập kết để hàng ngày xe thu gom rác thải đến lấy đi *[5.4.08]*. Ngoài ra, hệ thống cấp thoát nước và xử lý nước thải được thiết kế phù hợp với công năng sử dụng của từng tòa nhà, theo quy chuẩn đã đáp ứng nhu cầu sinh hoạt và các hoạt động của Trường *[5.4.09], [5.4.10]*.

Để hệ thống hạ tầng kỹ thuật của Trường được sử dụng hiệu quả, đảm bảo phục vụ cho các hoạt động, được bảo dưỡng và vận hành theo đúng quy trình, đúng chức

năng và công suất thiết kế, hàng năm Trường xây dựng kế hoạch kiểm soát CSVC *[5.4.11]*. Trường giao cho phòng Hành chính xây dựng và thực hiện kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa các công trình *[5.4.12]*. Cuối năm, phòng Hành chính có báo cáo kết quả công tác quản lý và bảo dưỡng vận hành hệ thống hạ tầng kỹ thuật trong năm *[5.4.13]*.

Hàng năm, Trường khảo sát lấy ý kiến của SV học kỳ cuối đánh giá chung về CSVC của Trường đảm bảo cho giảng dạy và học tập. Kết quả đạt mức 4.05/5 (năm 2019) và 4.33/5 (năm 2020) về độ hài lòng của SV đối với mảng CSVC *[5.4.14]*.

**** Điểm tự đánh giá:** 01 điểm*

Tiêu chuẩn 5.5:

Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa đảm bảo quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành và các yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo.

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Nhà trường đã có hệ thống phòng học lý thuyết, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành cơ bản đáp ứng quy mô đào tạo theo các ngành nghề đào tạo **[5.5.01]**. Hệ thống các phòng lý thuyết và xưởng thực hành được bố trí riêng biệt, đảm bảo ngăn cách, không bị ảnh hưởng tiếng ồn giữa khu vực lý thuyết và thực hành, các công trình có quy chuẩn kết cấu, kiến trúc và nội thất đảm bảo các yêu cầu về an toàn, hệ thống chiếu sáng và thông gió đủ và đúng quy chuẩn thể hiện qua hồ sơ thiết kế các công trình của nhà trường. Hệ thống các phòng học lý thuyết được xây dựng thoáng mát, thông gió tốt, bố trí các cửa sổ đảm bảo lấy được ánh sáng tối đa, ấm áp về mùa đông thoáng mát về mùa hè. Phòng học và xưởng thực hành có bố trí đèn, quạt đảm bảo thông thoáng và đầy đủ ánh sáng để học sinh thực hành, thực tập. Trong phòng học và xưởng thực hành có nội quy quy định việc thực hành tại xưởng, quy trình vận hành thiết bị, máy móc, các trang thiết bị được bảo dưỡng thường xuyên và định kỳ đảm bảo hoạt động bình thường **[5.5.02].**

Hàng năm, Trường có tổ chức khảo sát lấy ý kiến của SV học kỳ cuối đánh giá chung về CSVC của Trường đảm bảo cho giảng dạy và học tập. Kết quả đạt mức 4.05/5 (năm 2019) và 4.33/5 (năm 2020) về độ hài lòng của SV đối với mảng CSVC *[5.8.08]*.

**** Điểm tự đánh giá:** 01 điểm*

Tiêu chuẩn 5.6:

Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo.

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Tất cả thiết bị đào tạo đều được quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng theo quy trình Quản lý tài sản của Trường bằng việc lập sổ tài sản cho từng đơn vị *[5.6.01], [5.6.02]* và theo dõi trên sổ sách quản lý với đầy đủ thông tin: tên tài sản cố định, nước sản xuất, số lượng, năm sản xuất, năm sử dụng, nguyên giá, giá trị còn lại *[5.6.03]*.

Theo quy định tại quy trình Quản lý tài sản, các thiết bị đào tạo được quản lý trực tiếp bởi phòng Hành chính, hàng năm đều được tiến hành bảo trì, bảo dưỡng theo quy định *[5.6.04], [5.6.05]*.

**** Điểm tự đánh giá:*** *01 điểm*

Tiêu chuẩn 5.7.

Phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa được sử dụng theo quy định hiện hành.

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Theo quy trình Quản lý tài sản, các phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa được quản lý tập trung bởi phòng Hành chính để phục vụ giảng dạy theo kế hoạch đào tạo của Phòng TC&QLĐT *[5.7.01], [5.7.02]*.

Với mỗi loại phòng học đều có nội quy sử dụng và được treo ở trong phòng rất thuận tiện cho việc sử dụng và quản lý *[5.7.03], [5.7.04]*.

Hàng năm, Trường khảo sát lấy ý kiến của SV học kỳ cuối đánh giá chung về CSVC của Trường đảm bảo cho giảng dạy và học tập. Kết quả đạt mức 4.05/5 (năm 2019) và 4.33/5 (năm 2020) về độ hài lòng của SV đối với mảng CSVC *[5.1.07]*.

**** Điểm tự đánh giá:*** *1 điểm*

Tiêu chuẩn 5.8:

Thiết bị đào tạo đáp ứng danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo yêu cầu đào tạo của từng trình độ đào tạo theo chuyên ngành hoặc nghề do cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương quy định. Đối với các chuyên ngành hoặc nghề mà cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương chưa ban hành danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu thì Nhà trường đảm bảo thiết bị

đào tạo đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo, tương ứng quy mô đào tạo của chuyên ngành hoặc nghề đó.

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Tất cả thiết bị đào tạo của Trường đều được theo dõi trên sổ sách quản lý *[5.8.01],* và hàng năm đều được kiểm kê theo quy định *[5.8.02]*.

Các thiết bị hiện có của mỗi ngành nghề Nhà trường đang đào tạo đáp ứng từ 21% đến 85% về danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu do Bộ LĐTBXH ban hành *[5.8.03]*,*[5.8.04]*.

Hàng năm, Trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của SV năm cuối đánh giá chung về CSVC của Trường đảm bảo cho giảng dạy và học tập. Kết quả từ phía người học đạt mức 4.05/5 (năm 2019) về độ hài lòng *[5.8.05]*.

Dựa trên kết quả việc so sánh thiết bị hiện có với danh mục thiết bị tối thiểu, hiện nay trường đảm bảo thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu CTĐT, tương ứng quy mô đào tạo của các ngành nghề đào tạo. Tuy nhiên, danh mục thiết bị hiện có của Trường không đáp ứng đủ 100% so với danh mục thiết bị tối thiểu theo quy định của Bộ LĐTBXH.

**** Điểm tự đánh giá:*** *0 điểm*

Tiêu chuẩn 5.9:

Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, an toàn thuận tiện cho việc đi lại vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành đảm bảo các yêu cầu sư phạm an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường.

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Các thiết bị tại các phòng học chuyên môn của các đơn vị được bố trí theo sơ đồ, đảm bảo hợp lý, có khu vực riêng cho người học quan sát, có khu vực riêng đặt trang thiết bị, có khu vực mô phỏng sử dụng trang thiết bị, dụng cụ nên đảm bảo an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành; đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường *[5.9.01]*.

Tất cả thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo đều được theo dõi bằng sổ quản lý tài sản *[5.9.02]*. Một số thiết bị có tần suất sử dụng cao, có tiêu hao nguyên, nhiên vật liệu, thường xuyên phải bảo trì, bảo dưỡng đều được theo dõi tình hình sử dụng, tình hình bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa *[5.9.03]*.

Hàng năm, Trường khảo sát lấy ý kiến của HSSV năm cuối đánh giá chung về

CSVC của Trường đảm bảo cho giảng dạy và học tập. Kết quả từ phía người học đạt mức 4.05/5 (năm 2019) về độ hài lòng của HSSV về mảng CSVC *[5.9.04]*.

**** Điểm tự đánh giá:** 01 điểm*

Tiêu chuẩn 5.10:

Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo, trong đó có quy định về việc định kỳ đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo.

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Tất cả thiết bị đào tạo đều được quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng theo Quy trình Quản lý tài sản của Trường *[5.10.01]* và được cụ thể hóa bằng các bảng nội quy phòng học, phòng thực hành được treo ở tất cả các phòng học trong Trường *[5.10.02]*. Trong quy trình quản lý tài sản quy định, phòng Hành chính định kỳ đánh giá và đề xuất các biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị sau mỗi đợt bảo trì, bảo dưỡng, kiểm kê tài sản, trang thiết bị *[5.10.03]*. *[5.10.04]*.

Trong năm 2019 – 2020, phòng Hành chính đã tiến hành 03 đợt bảo trì, bảo dưỡng vào thời điểm trước khi học kỳ mới bắt đầu. Hàng năm, phòng Hành chính có báo cáo về công tác hành chính trong đó có nội dung sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo, cơ sở vật chất và có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng các thiết bị đào tạo đó *[5.10.05]*.

**** Điểm tự đánh giá:** 1 điểm*

Tiêu chuẩn 5.11:

Thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định của trường và sản xuất; hằng năm đánh giá và đề xuất biện phát nâng cao hiệu quả sử dụng theo quy định.

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Tất cả thiết bị đào tạo của Trường đều được theo dõi trên sổ sách quản lý với đầy đủ thông tin: tên tài sản cố định, nước sản xuất, số lượng, năm sản xuất, năm sử dụng, nguyên giá, giá trị còn lại *[5.11.01],* được sử dụng đúng công năng và hàng năm đều được kiểm kê theo quy định *[5.11.02]*.

Hàng năm, Trường khảo sát lấy ý kiến của SV năm cuối đánh giá chung về CSVC của Trường đảm bảo cho giảng dạy và học tập. Kết quả từ phía người học, không có phản hồi nào về việc thiết bị đào tạo không sử dụng đúng công năng

[5.11.03].

Theo quy định tại quy trình Quản lý tài sản, vào đầu năm, phòng Hành chính xây dựng kế hoạch và thực hiện bảo trì, bảo dưỡng thiết bị theo quy trình đã được ban hành *[5.11.04]*. Cụ thể, trong năm 2019 – 2020, phòng Hành chính đã tiến hành 03 đợt bảo trì, bảo dưỡng vào thời điểm trước khi học kỳ mới bắt đầu *[5.11.05]*.

Hàng năm, Phòng Hành chính đều có báo cáo về việc quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo và sau mỗi đợt bảo trì, bảo dưỡng đều có đánh giá và đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng các thiết bị đào tạo đó *[5.11.06]*.

**** Điểm tự đánh giá:*** *01 điểm*

Tiêu chuẩn 5.12:

Trường có định mức tiêu hao vật tư hoặc định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo và có quy định quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo; tổ chức thực hiện theo quy định đảm bảo kịp thời , đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo; vật tư được bố trí sắp xếp gọn gàng , ngăn nắp thuận tiện cho việc bảo quản và sử dụng.

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Trường có quy định về định mức tiêu hao vật tư trong đào tạo *[5.12.01]*, *[5.12.02]*. Toàn bộ vật tư phục vụ đào tạo đều là tài sản của Trường nên được quy định về việc quản lý, cấp phát, sử dụng trong Quy trình quản lý tài sản *[5.12.03]*.

Vật tư đều được lập sổ sách theo dõi, quản lý về việc cấp phát sử dụng *[5.12.04]*, và định kỳ kiểm kê hàng năm, sau mỗi đợt kiểm kê đều có báo cáo đánh giá định mức tiêu hao vật tư trong quá trình đào tạo. *[5.12.05]*.

Căn cứ theo Kế hoạch đào tạo năm học và mỗi học kỳ *[5.12.06]*, phòng Hành chính sẽ lập dự trù mua sắm trang thiết bị, vật tư đảm bảo kịp thời, đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo *[5.12.07]*.

Vật tư sau khi được bàn giao, sẽ được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp tại các phòng, xưởng thực hành , thuận tiện cho việc bảo quản và sử dụng *[5.12.08]*.

Hàng năm, Trường khảo sát lấy ý kiến của HSSV năm cuối đánh giá chung về CSVC của Trường đảm bảo cho giảng dạy và học tập. Kết quả từ phía người học đạt mức 4.05/5 (năm 2019) và 4.33/5 (năm 2020) về độ hài lòng của HSSV về mảng CSVC *[5.12.09]*.

**** Tự đánh giá điểm:*** *01 điểm*

Tiêu chuẩn 5.13:

Trường có thư viện bao gồm phòng đọc, phòng lưu trữ bảo đảm theo tiêu chuẩn thiết kế. Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được trường phê duyệt, mỗi loại giáo trình đảm bảo tối thiểu 05 bản in.

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Nhà trường đã bố trí diện tích riêng cho Thư viện tổng diện tích của thư viện là 200m^2 với 02 phòng đọc, 01 phòng mượn - trả. Số lượng sách đảm bảo phục vụ cho cán bộ giáo viên và SV trong nhà trường **[5.13.01].**

Nhà trường đã mua sắm, sưu tầm và bổ sung thêm nhiều sách tham khảo, tài liệu tham khảo, sách báo cho thư viện. Tổng số đầu sách tham khảo, tài liệu, giáo trình hiện có trong thư viện trường là hơn 3000 cuốn. Tuy nhiên nhà trường chưa biên soạn và ban hành về các loại giáo trình môn học, mô đun các nghề đào tạo lưu hành nội bộ. Việc tìm kiếm sách chuyên ngành phục vụ học tập được giáo viên soạn thảo thành những tài liệu giảng dạy và phát cho học sinh **[5.13.02]**.

Ngoài ra, Trường có phần mềm quản lý thư viện Libol 6.0 với số lượng 204 đầu sách đã phục vụ nhu cầu tra cứu, tìm kiếm các loại giáo trình học tập của HSSV và nghiên cứu của CBGV *[5.13.03]*.

Trường đã có thư viện với phòng đọc phục vụ hoạt động tra cứu, tìm kiếm tài liệu và học tập của HSSV cũng như CBGV tuy nhiên chưa đảm bảo theo tiêu chuẩn thiết kế và số lượng bản in sách giáo trình.

**** Điểm tự đánh giá:*** *0 điểm*

Tiêu chuẩn 5.14:

Tổ chức hoạt động, hình thức phục vụ của thư viện trường phù hợp với nhu cầu tra cứu của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học.

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Nhằm giúp CBGV và SV của trường được thường xuyên cập nhật sách mới, giới thiệu sách mới khiến cho người đọc thông qua các hình thức như: gửi thông báo danh mục sách mới tới các khoa, phòng. Kết hợp với sở văn hóa và truyền thông, thư viện tỉnh tổ chức hội thi giới thiệu sách nhằm tuyên truyền rộng rãi tới bạn đọc ý nghĩa về sách. Nhà trường gia khảo sát hiện trạng, nhu cầu thư viện của HH các trường ĐH, CĐ Việt Nam (8/2018) **[5.14.01]**.

Để giúp cho bạn thuận tiện trong việc tra cứu, nhân bản, trao đổi tài liệu… Thư viện trường đã có nhiều biện pháp tư vấn, hỗ trợ bạn đọc của thư viện như: Giới thiệu sách, tài liệu định kỳ cho bạn đọc thông qua bản tin, thông báo mail phòng khoa, hoạt động ngoại khóa. Đồng thời nhà trường còn hỗ trợ máy in, máy phô tô để hỗ trợ việc nhân bản, sao chép tài liệu cho giáo viên học sinh. Thông báo mua bổ sung giáo trình, tài liệu phục vụ dạy và học, **[5.14.02]**.

Hàng năm, Trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý về hoạt động thư viện trong Trường, kết quả đạt mức 4.05/5 (năm 2019 về độ hài lòng *[5.14.03]*.

**** Điểm tự đánh giá:** 01 điểm*

Tiêu chuẩn 5.15:

Trường có thư viện điện tử, có phòng máy tính đáp ứng nhu cầu tra cứu, truy cập thông tin của nhà giáo và người học; các giáo trình, tài liệu tham khảo của trường được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Trường có thư viện điện tử library.books24x7 với phần mềm quản lý thư viện Libol 6.0 với đầy đủ tính năng hỗ trợ việc tìm kiếm, tra cứu tài liệu rất thân thiện với người dùng. Người học được cấp tài khoản và có thể truy cập phần mềm thư viện từ điện thoại, máy tính có kết nối intertnet mọi lúc mọi nơi. [*5.15.01]*.

Các giáo trình, tài liệu tham khảo của trường được số hóa và tích hợp hệ thống học liệu Lms.poly.edu.vn và trên trang library.books24x7 đã phục vụ hiệu quả cho việc tra cứu, tìm kiếm tài liệu của người học và các hoạt động đào tạo của Trường *[5.15.02]*.

Ngoài việc 100% HSSV của Trường có máy tính cá nhân thì Trường còn trang bị hệ thống các phòng máy tính cố định gồm 38 bộ máy tính *[5.15.03], [5.15.04]* được kết nối Intetnet và hệ thống mạng wifi phủ sóng toàn trường, giúp cho CBGV và HSSV có thể cập nhật thông tin, tìm kiếm, sưu tầm tài liệu mọi lúc, mọi nơi một cách thuận tiện và dễ dàng. *[5.15.05]*.

Hàng năm, Trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý về hoạt động thư viện trong Trường, kết quả đạt mức 4.05/5 (năm 2019) và 4.33/5 (năm 2020) về độ hài lòng *[5.15.06]*.

**** Điểm tự đánh giá:*** *1 điểm*

3.2.6. Tiêu chí 6: Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế.

**** Mở đầu:***

Trường có những chính sách khuyến khích cán bộ, giáo viên NCKH và bước đầu đã có những kết quả trong việc nâng cao chất lượng đào tạo và hiệu quả trong quá trình dạy và học. Trường đã có quy định về công tác NCKH. Hằng năm, thường xuyên đăng ký đề tài NCKH cấp trường và được phê duyệt thực hiện hàng năm, các đề tài khoa học đều mang tính thực tiễn, có giá trị ứng dụng cao trong quá trình đào tạo và phát triển của nhà trường;

** Những điểm mạnh:*

Những chính sách khuyến khích cán bộ, giáo viên nghiên cứu khoa học đã bước đầu có những kết quả trong việc nâng cao chất lượng đào tạo và hiệu quả trong quá trình dạy và học. Chất lượng đào tạo đã ngày càng được nâng cao, phù hợp với sự phát triển của khoa học công nghệ; của thực tiễn lao động, sản xuất.

** Những tồn tại:*

Chất lượng và quy mô của các công trình nghiên cứu khoa học còn hạn chế. Số lượng các bài viết đăng trên các tạp chí chuyên ngành chưa có.

Việc thu thập ý kiến đánh giá của cán bộ, giáo viên, người học, doanh nghiệp về CTĐT; nội dung, phương pháp đào tạo, chất lượng đào tạo, giáo dục chưa rộng rãi.

**** Kế hoạch nâng cao chất lượng:***

Tăng cường khuyến khích cán bộ, giáo viên và học sinh nghiên cứu khoa học; xây dựng cơ chế, chính sách cho các cán bộ, giáo viên tham gia nghiên cứu khoa học. Đổi mới, đa dạng hình thức nghiên cứu khoa học. Nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học, phục vụ cho thực tiễn dạy-học và lao động, sản xuất.

Mở rộng đối tượng tham gia nghiên cứu khoa học cấp trường. Hàng năm, khuyến khích giáo viên, giảng viên đăng công trình nghiên cứu khoa học, đăng báo trên các tạp chí, tập san khoa học, chuyên ngành; kỉ yếu hội thảo khoa học quốc tế và trong nước.

Điểm đánh giá tiêu chí 6:

Tiêu chí 6 – Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế	**Điểm tự đánh giá**
Tiêu chuẩn 6.1	1 điểm

Tiêu chuẩn 6.2	0 điểm
Tiêu chuẩn 6.3	0 điểm
Tiêu chuẩn 6.4	0 điểm
Tiêu chuẩn 6.5	1 điểm

Tiêu chuẩn 6.1:

Trường có chính sách và thực hiện các chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo.

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Hệ thống văn bản của nhà trường quy định rõ về chính sách nhằm khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ được giảm giờ dạy, được hỗ trợ kinh phí. **[1.3.04] , [6.1.01]**. Cụ thể mức khen thưởng danh hiệu cá nhân với mức 500.000 VND/ người. Theo quy định này, đầu năm học, Trường triển khai kế hoạch cho CBGV đăng ký thực hiện các đề tài NCKH. Các đề tài NCKH của CBGV được Hội đồng khoa học vào đào tạo của Trường đáng giá, thông qua và áp dụng vào các lĩnh vực công tác giảng dạy và quản lý trong Trường.

Sau khi sáp nhập vào Tổ chức giáo dục FPT, Trường chưa kịp điều chỉnh chính sách về hoạt động NCKH. Tuy nhiên, những công trình NCKH của cán bộ giảng viên (nếu có), sẽ vẫn được nhận chính sách thưởng do Trường Đại học FPT ban hành.

**** Điểm tự đánh giá:*** *01 điểm*

Tiêu chuẩn 6.2:

Hằng năm, trường có đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến từ cấp trường trở lên phục vụ thiết thực công tác đào tạo của trường (ít nhất 01 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường trung cấp, ít nhất 02 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường cao đẳng).

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Hàng năm nhà trường đều tổ chức thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến cấp trường **[6.2.01].**

Từ năm 2017 đến nay, việc nghiên cứu khoa học được triển khai theo hướng phục vụ cho công tác đào tạo, thực hiện mở ngành, nghề và biên soạn giáo trình, bài giảng cho các ngành, nghề đang và sẽ đào tạo.

Số lượng công trình NCKH của Trường còn rất hạn chế, đây cũng là điểm tồn tại mà trường cần cải tiến trong những năm tiếp theo

**** Điểm tự đánh giá:*** *0 điểm*

Tiêu chuẩn 6.3:

Hằng năm, trường có các bài báo, ấn phẩm của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động đăng trên các báo, tạp chí khoa học ở trong nước hoặc quốc tế.

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Cán bộ, giáo viên nhà trường chưa có các kết quả khoa học được đăng trên các báo, tạp chí khoa học ở trong nước hoặc quốc tế.

**** Điểm tự đánh giá:*** *0 điểm*

Tiêu chuẩn 6.4:

Các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến của trường được ứng dụng thực tiễn.

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

- *Điểm mạnh:*

Hàng năm nhà trường đều tổ chức thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến cấp trường và biên soạn giáo trình, tài liệu phục vụ cho đào tạo. Kết quả của việc nghiên cứu đó đều được ứng dụng vào thực tiễn đào tạo của nhà trường, hoặc ứng dụng vào sản xuất, lao động tại địa phương **[6.2.01].**

- *Tồn tại:* Số lượng đề tài NCKH, sáng kiến còn ít.

**** Điểm tự đánh giá:*** *0 điểm*

Tiêu chuẩn 6.5:

Có liên kết đào tạo hoặc triển khai các hoạt động hợp tác với các trường nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế; các hoạt động hợp tác quốc tế góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường.

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Xác định liên kết đào tạo hoặc triển khai các hoạt động hợp tác với các trường nước ngoài là một trong các hoạt động nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và từ đó là vị thế của trường cũng như sẽ tạo được điều kiện để sinh viên có thể mở rộng khả năng tìm kiếm việc làm và học tập nâng cao trình độ ở nước ngoài, trong những năm qua nhà

trường đã triển khai việc ký kết các biên bản ghi nhớ và hợp đồng liên kết đào tạo, thực tập với nhiều trường đại học và công ty nước ngoài tại Hàn Quốc, Nhật Bản **[6.5.01]**.

**** Điểm tự đánh giá:*** *01 điểm*

3.2.7. Tiêu chí 7: Quản lý tài chính

** Mở đầu:*

Trường FPOLY là trường tư thục, độc lập, có tài khoản, con dấu riêng, được mở tài khoản tại Ngân hàng để thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao. Nhà trường có phòng Tài chính – Kế toán quản lý kế toán chuyên trách, hoạt động chính là đảm nhận công tác chuyên môn nghiệp vụ kế toán tài chính và kế hoạch, tham mưu cho Ban Giám hiệu về quản lý và chấp hành pháp luật Nhà nước về quản lý tài chính, tài sản. Nhà trường thực hiện quản lý tài chính theo quy định về chế độ tài chính đối với đơn vị doanh nghiệp. Chấp hành nghiêm các quy định về quản lý tài chính, tài sản.

Trên cơ sở kế hoạch thu - chi hàng năm, Nhà trường phân bổ kinh phí chi cho các hoạt động đào tạo, chế độ cho SV, tăng cường cơ sở vật chất phục vụ dạy và học và một phần để nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống cho cán bộ giáo viên.

Hàng năm, Nhà trường lập kế hoạch đào tạo, trên cơ sở đó xây dựng dự toán thu, chi kinh phí theo định mức, tiêu chuẩn, chế độ quy định đồng thời phù hợp với mục tiêu, chiến lược phát triển của nhà trường.

Công tác tài chính của Nhà trường đảm bảo theo hướng dẫn về biểu mẫu quy định, đáp ứng yêu cầu về nội dung, phục vụ toàn bộ các hoạt động trong năm của Nhà trường và chấp hành chế độ quản lý tài chính theo quy định.

** Điểm mạnh:*

Công tác quản lý tài chính được thực hiện theo đúng các quy định ban hành. Trên cơ sở các Thông tư, Nghị định, Nhà trường đã cụ thể hóa thành quy trình, thủ tục thanh toán riêng để thuận tiện công tác quản lý và thực hiện nghiệp vụ tài chính. Việc thực hiện công khai tài chính, báo cáo quyết toán theo đúng quy định hiện hành.

Ngoài các chế độ, định mức đã được nhà nước ban hành. Nhà trường còn xây dựng và cụ thể hóa nhiều chế độ, chính sách vào "Quy chế chi tiêu nội bộ" (QCCTNB) để đảm bảo tính minh bạch, công khai, đồng thời dễ cho việc thực hiện các chế độ, chính sách. Hằng năm, Nhà trường đều điều chỉnh, bổ sung các chế độ, chính sách vào QCCTNB cho phù hợp với tình hình thực tế cũng như chế độ, chính sách của Nhà nước.

Nguồn tài chính hàng năm phân bổ theo nhiệm vụ được sử dụng đúng mục đích và được công bố công khai, minh bạch theo quy định về công khai tài chính; công tác kiểm tra, thẩm tra quyết toán kinh phí hằng năm được thực hiện thường xuyên.

Hàng năm, Nhà trường đều thực hiện đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính, chỉ ra những điểm mạnh, điểm tồn tại để có biện pháp khắc phục và nâng cao hiệu quả sử dụng tài chính nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động của Nhà trường.

**** Những tồn tại:***

Công tác tuyển sinh gặp nhiều khó khăn ảnh hưởng tới nguồn thu của nhà trường. Việc chuyển đổi sang cơ sở giáo dục nghề nghiệp dẫn đến nhiều chế độ, chính sách còn gặp nhiều vướng mắc trong quá trình thực hiện.

Điểm đánh giá tiêu chí 7:

Tiêu chí 7: Quản lý tài chính	**Điểm tự đánh giá**
Tiêu chuẩn 7.1	*1 điểm*
Tiêu chuẩn 7.2	*1 điểm*
Tiêu chuẩn 7.3	*1 điểm*
Tiêu chuẩn 7.4	*1 điểm*
Tiêu chuẩn 7.5	*1 điểm*
Tiêu chuẩn 7.6	*1 điểm*

Tiêu chuẩn 7.1:

Trường có quy định về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán về tài chính theo quy định và công bố công khai.

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Trường Cao đẳng FPT Polytechnic là trường tư thục, tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính theo quy định. Hàng năm, Nhà trường tổ chức điều chỉnh, bổ sung quy chế chi tiêu nội bộ cho phù hợp, trong đó quy định rõ các nội dung thu, chi trong phạm vi chế độ, tiêu chuẩn, định mức theo quy định hiện hành và có những nội dung chi có tính chất đặc thù riêng của Nhà trường **[1.3.06]**.

FPOLY là trường tư thục hoạt động theo nguyên tắc tự chủ về tài chính, tự cân đối thu chi, không nhận kinh phí từ nguồn NSNN và thực hiện theo các quy định của pháp luật về chế độ kế toán, kiểm toán, thuế và các quy định hiện hành khác liên quan.

Nhằm thực hiện các quy định của pháp luật, Trường đã ban hành các quy quy định về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán về tài chính theo quy định:

- Năm 2018, Trường ban hành Quy chế tài chính; Quy chế chi tiêu nội bộ và sửa đổi bổ sung năm 2019, trong đó quy định các nội dung thu, chi phục vụ cho hoạt động của Trường và quy định về thanh quyết toán. Quy chế tài chính và Quy chế chi tiêu nội bộ được gửi tới tất cả các phòng ban bằng bản cứng.

- Từ khi sáp nhập vào Tổ chức giáo dục FPT, các hoạt động liên quan đến tự chủ và quản lý tài chính được thực hiện tuân thủ theo các quy định tài chính nội bộ do Tập đoàn FPT và Trường Đại học FPT ban hành.

Để thực hiện tốt công tác quản lý tài chính, Nhà trường ban hành Quy định thủ tục mua sắm, thanh toán quyết toán nhằm đảm bảo việc thực hiện thanh quyết toán được thực hiện đúng theo quy định **[7.1.01]**.

Hàng năm, hàng quý, Nhà trường đều có báo cáo công tác tài chính và kiểm soát nhằm công khai, minh bạch việc thực hiện quản lý, sử dụng, thanh quyết toán tài chính **[7.1.02]**.

**** Điểm tự đánh giá:*** *01 điểm*

Tiêu chuẩn 7.2.

Quản lý, sử dụng các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo; tham gia sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đúng theo quy định.

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Nguồn thu của Nhà trường chủ yếu nguồn thu học phí, lệ phí. Ngoài ra, Nhà trường còn có một số nguồn thu khác nhưng chiếm tỷ trọng không đáng kể **[7.2.01].**

Căn cứ vào kế hoạch hàng năm và dựa vào số liệu đã thực hiện các nhiệm vụ của năm trước liền kề, Nhà trường tiến hành phân bổ chi tiết nguồn thu cho các nhiệm vụ đã đề ra theo kế hoạch, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả. Không ngừng cải thiện thu nhập, nâng cao đời sống tinh thần cho cán bộ, giáo viên, nhân viên góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học nhà trường. Nguồn thu của Nhà trường được quản lý tập trung, đúng quy định; mọi khoản thu, chi đều được phản ánh đầy đủ, kịp thời trên báo cáo quyết toán tài chính hàng năm **[1.3.04].**

Căn cứ vào chỉ tiêu tuyển sinh được giao hàng năm, Nhà trường đã tiến hành các hoạt động đào tạo chính quy, liên thông, liên kết và đào tạo bồi dưỡng cấp chứng chỉ để tăng nguồn thu.

- *Điểm mạnh:*

Nhà trường là doanh nghiệp tự đảm bảo 100% kinh phí, cho các nhiệm vụ. Nguồn kinh phí giao hàng năm, cơ bản đáp ứng tối thiểu cho các hoạt động đào tạo của Nhà trường. Vì vậy, Nhà trường chịu nhiều áp lực trong việc tạo các nguồn thu để đáp ứng các nhiệm vụ chi. Nhà trường luôn duy trì sự ổn định về thu nhập của cán bộ, giáo viên, nhân viên; các chế độ, chính sách luôn được giải quyết kịp thời đúng quy định, không nợ đọng.

- *Tồn tại:*

Nguồn thu còn hạn hẹp, chủ yếu là nguồn từ kinh phí đào tạo.- *Nhận định:*

Nhà trường cần có nhiều giải pháp thiết thực, cụ thể hơn nữa trong việc mở ngành nghề và đa dạng hóa các loại hình đào tạo nhằm đáp ứng đa dạng nhu cầu nguồn lao động của xã hội để tăng nguồn thu trong các năm tiếp theo.

**** Điểm tự đánh giá:** 01 điểm*

Tiêu chuẩn 7.3:

Trường có các nguồn lực về tài chính đảm bảo đủ kinh phí thực hiện các hoạt động của trường.

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Trường hoạt động theo nguyên tắc tự chủ về tài chính, tự cân đối thu chi, không nhận kinh phí từ nguồn NSNN. Nguồn kinh phí tự chủ được tính dự trên định mức theo biên chế, đảm bảo đầy đủ chế độ, chính sách cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, người lao động và các khoản chi phí hành chính, chi phí nghiệp vụ thường xuyên, kinh phí sửa chữa tài sản, mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc **[7.3.01]**.

Trường luôn theo dõi và tổng hợp doanh thu, lợi nhuận, chi phí theo tháng, hàng quý, hàng năm *[***7.3.02***]*. Trước đây, Trường thực hiện quản lý số liệu tài chính bằng phần mềm Fast, sau khi sáp nhập vào Tổ chức giáo dục FPT, Trường thực hiện quản lý số liệu tài chính bằng phần mềm Oracle giúp quản lý số liệu kế toán và báo cáo thuế và phần mềm MIS quản lý số liệu và các chỉ số tài chính nhằm đảm bảo số liệu được cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác **[7.3.03]**.

* Điểm tự đánh giá: 01 điểm

Tiêu chuẩn 7.4:

Thực hiện việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán đúng quy định.

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Nhà trường thực hiện việc quản lý, sử dụng kinh phí được giao theo đúng các quy định hiện hành về quản lý tài chính, bám sát kế hoạch để phân bổ kinh phí và thực hiện các nhiệm vụ chi đảm bảo cho các hoat động đào tạo, đảm bảo đầy đủ chế độ cho công chức viên chức, học sinh sinh viên và các hoạt động của trường **[1.3.04]**.Chấp hành nghiêm công tác quản lý kinh phí, công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Nhà trường thực hiện đầy đủ Quy định về chế độ kế toán theo Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thông tư số 185/2010/TT-BTC ngày 15/11/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán ban hành kèm theo Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC. Thực hiện thanh toán theo Thông tư 61/2014/TT-BTC ngày 12/5/2014 của Bộ Tài chính. Mở sổ sách theo dõi, phản ánh các nghiệp vụ kế toán tế phát sinh, thực hiện báo cáo theo đúng quy định **[7.2.01]**.

* Điểm tự đánh giá: **01 điểm**

Tiêu chuẩn 7.5:

Thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính; thực hiện kiểm toán theo quy định; xử lý khắc phục kịp thời các vấn đề còn vướng mắc trong việc thực hiện các quy định về quản lý và sử dụng tài chính khi có kết luận của các cơ quan có thẩm quyền; thực hiện công khai tài chính theo quy định.

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Năm 2019 thực hiện quyết toán kinh phí năm 2018, Nhà trường đã thực hiện vượt kế hoạch kinh phí năm.

Thông qua kiểm soát **[7.5.01]**, Nhà trường đã thực hiện công tác tài chính theo quy định, luôn chấp hành đúng các quy định về quản lý tài chính, tài sản, khắc phục kịp thời các vấn đề còn vướng mắc trong việc quản lý và sử sụng tài chính.

* Điểm tự đánh giá: **01 điểm**

Tiêu chuẩn 7.6:

Hàng năm, trường có đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của trường; có các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài chính nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động của trường.

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Trên cơ sở hướng dẫn tại Thông tư 21/2005/TT-BTC ngày 22/3/2005 của Bộ Tài chính, hàng năm, Nhà trường đều tiến hành thực hiện tổ chức đánh giá việc chấp hành các chế độ, chính sách và các hoạt động thu, chi tài chính trong Nhà trường, đồng thời

tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm soát và theo dõi các hoạt động thu, chi nội bộ Nhà trường. Kết thúc năm tài chính, phòng Kế hoạch-Tài chính báo cáo đánh giá tình hình sử dụng nguồn tài chính của trường theo quy định **[7.6.01]**.

- *Điểm mạnh:*

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý và điều hành các nguồn thu trong Nhà trường đảm bảo công bằng, khách quan trong phân công lao động, thu nhập và khen thưởng... Qua đó, tạo được lòng tin từ các tập thể, cá nhân đối với công tác quản lý tài chính trong Nhà trường.

- *Tồn tại:*

Nhà trường chưa nhận được nhiều thông tin phản hồi và các ý kiến đóng góp từ CB,CCVC để Nhà trường thấy được những mặt mạnh và tồn tại, hạn chế trong công tác quản lý tài chính.

- *Nhận định:*

Tiếp tục làm tốt hơn nữa vai trò quản lý, chỉ đạo và điều hành các chế độ, chính sách đảm bảo chặt chẽ, khoa học, hiệu quả và tiết kiệm.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và theo dõi các hoạt động của Nhà trường, đặc biệt là công tác quản lý tài chính, qua đó để giúp Nhà tường tiếp tục phát huy hết những lợi thế hiện có và khắc phục những hạn chế, yếu kém.

Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ kế toán, đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ được giao, theo kịp với tốc độ và đòi hỏi của đất nước hiện nay.

* Điểm tự đánh giá: **01 điểm**

3.2.8. Tiêu chí 8: Dịch vụ người học

**** Mở đầu*:**

Hàng năm, vào đầu năm học Nhà trường đều xây dựng kế hoạch, tổ chức tuần sinh hoạt công dân đầu khóa cho SV, trong tuần học này SV được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo, kế hoạch đào tạo, các yêu cầu về chuyên môn cần đạt được của khoá học; được phổ biến đầy đủ về quy chế đào tạo, quy chế thi và kiểm tra, đánh giá, nội quy, quy định của Trường; các chế độ chính sách có liên quan đến SV. Công tác chăm sóc sức khỏe cho người học được quan tâm, trường có cán bộ y tế trực thường xuyên kịp thời sơ cứu và bảo vệ sức khỏe cho người học. Trường có các

khu thể thao (sân bóng đá mini, bóng chuyền) phục vụ người học rèn luyện sức khỏe và nhu cầu vui chơi giải trí.

Nhà trường có hệ thống cơ sở vật chất đầy đủ và được thiết kế, xây dựng đồng bộ phục vụ tốt cho giáo dục, đào tạo và sinh hoạt của SV; trường có căng tin, có hệ thống điện, nước, nhà vệ sinh riêng. Có dịch vụ y tế chăm sóc, đảm bảo sơ cứu và bảo vệ sức khỏe cho người học.

**** Kế hoạch nâng cao chất lượng:***

Nhà trường tiếp tục tăng cường giáo dục SV một cách toàn diện, đa dạng hóa các hình hình thức quản lý và nắm bắt tình hình SV, thay đổi phương pháp kiểm tra, đánh giá và xử lý SV.

Đẩy mạnh vai trò phòng Quan hệ doanh nghiệp nhằm hướng nghiệp, giới thiệu việc làm kết nối các doanh nghiệp giúp SV tốt nghiệp tìm kiếm việc làm; Tăng cường tổ chức các hoạt động giới thiệu việc làm cho SV tốt nghiệp.

Điểm đánh giá tiêu chí 8:

Tiêu chí 8 – Dịch vụ người học (9 tiêu chuẩn)	**Điểm tự đánh giá**
Tiêu chuẩn 8.1	1 điểm
Tiêu chuẩn 8.2	1 điểm
Tiêu chuẩn 8.3	1 điểm
Tiêu chuẩn 8.4	1 điểm
Tiêu chuẩn 8.5	0 điểm
Tiêu chuẩn 8.6	1 điểm
Tiêu chuẩn 8.7	1 điểm
Tiêu chuẩn 8.8	1 điểm
Tiêu chuẩn 8.9	0 điểm

Tiêu chuẩn 8.1:

Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường; các chế độ chính sách hiện hành đối với người học; các điều kiện đảm bảo chất lượng.

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Trong thông báo tuyển sinh, trường có cung cấp các thông tin về ngành đào tạo, chương trình đào tạo, kế hoạch đào tạo **[8.1.01].**

Khi đã trúng tuyển, học sinh sinh viên được tham gia học tuần sinh hoạt công dân đầu năm. Trong tuần học này, sinh viên được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo, kế hoạch đào tạo, quy chế thi kiểm tra, nội quy của trường, các chế độ chính sách đối với người học **[1.12.02]**; Trong buổi họp lớp đầu tiên, người học cũng được Giáo viên chủ nhiệm phổ biến rõ hơn về nội quy, quy chế SV **[8.1.02]**. Trong quá trình học tập tại trường SV phải trải qua các kỳ thi kết thúc học phần, thi tốt nghiệp, trong các buổi thi SV được phổ biến nội quy, quy chế phòng thi trước khi tổ chức kỳ thi. Trong năm học, tổ chức Hội nghị đối thoại giữa sinh viên với lãnh đạo nhà trường nắm bắt kịp thời tâm tư, nguyện vọng, thắc mắc, kiến nghị của sinh viên về nhà trường cũng như có thêm thông tin phản hồi của người học để điều chỉnh các hoạt động đào tạo, công tác quản lý của nhà trường **[8.1.03]**.

Sau khi trở thành thành viên của Tổ chức giáo dục FPT**,** Trường thực hiện khảo sát độ hài lòng của người học về các hoạt động của Trường trong các học kỳ qua việc lấy GPA GV **[8.1.04]** và qua đợt khảo sát SV kỳ cuối **[8.1.05]**. Ngoài ra, hòm thư ykien.poly@fpt.edu.vn là địa chỉ tiếp nhận các ý kiến, góp ý, khiếu nại của người học và phụ huynh của Trường **[8.1.06]**. Theo đó, người học và phụ huynh khi có ý kiến, khiếu nại, góp ý cho Trường, gửi thư tới hòm thư này sẽ được giải quyết trong thời gian quy định.

**** Điểm tự đánh giá:*** *01 điểm*

Tiêu chuẩn 8.2:

Người học được hưởng các chế độ chính sách theo quy định

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Chế độ chính sách đối với học sinh sinh viên được nhà trường thực hiện đầy đủ, kịp thời theo quy định. Hiện nay, chế độ chính sách đối với học sinh sinh viên được nhà trường thực hiện theo Quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg, Quyết định số 194/2001/QĐ-TTg, Thông tư liên tịch số 18/2009/TTLT-BGDĐT-BTC; Nghị định số 57/2017/NĐ-CP; Nghị định số 86/2015/NĐ-CP, Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH, Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg, Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT/BLĐTBXH-BGDĐT-BTC. Đầu năm học, nhà trường thông báo, triển khai rộng rãi trong SV về các chế độ chính sách đối với SV trong tuần sinh hoạt công

dân SV đầu năm học **[1.12.02]**, hướng dẫn SV làm hồ sơ hưởng chế độ chính sách đúng đối tượng theo đúng các văn bản hướng dẫn của nhà nước, nhà trường **[8.2.01]**, nhờ đó việc giải quyết chế độ, chính sách cho sinh viên được thực hiện đầy đủ, chính xác và kịp thời **[8.2.02], [8.2.03].**

**** Điểm tự đánh giá:*** *1 điểm*

Tiêu chuẩn 8.3:

Có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. Người học được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập tại trường để hoàn thành nhiệm vụ học tập.

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Để SV có thêm động lực và cố gắng trong học tập, rèn luyện, Nhà trường có chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích SV.

Cuối mỗi học kỳ, năm học căn cứ kết quả học tập, rèn luyện của SV, các lớp tổ chức họp xét đánh giá kết quả rèn luyện của từng SV, lập danh sách SV đề nghị xét cấp học bổng KKHT gửi khoa, các khoa tổ chức họp xét cấp khoa lập biên bản đề nghị lên Hội đồng trường, căn cứ kết quả xét cấp khoa Hội đồng trường tổ chức họp xét đánh giá kết quả rèn luyện, học bổng KKHT của SV ra thông báo kết quả rèn luyện và Quyết định SV được thưởng học bổng KKHT **[8.2.03]**. Cuối năm học, căn cứ biên bản họp xét cấp khoa, bản thành tích cá nhân của SV, tập thể lớp SV Hội đồng thi đua khen thưởng nhà trường xem xét, đề nghị Hiệu trưởng công nhận danh hiệu đối với cá nhân SV và tập thể lớp có thành tích trong học tập và rèn luyện, **[8.3.01]**. Để hỗ trợ kịp thời cho SV, Nhà trường thực hiện miễn học phí cho con em gia đình chính sách và vùng cao có hoàn cảnh khó khăn, trợ cấp xã hội cho các trường hợp con hộ nghèo, trợ cấp kinh phí nội trú cho SV ở vùng đặc biệt khó khăn **[8.2.02]**.

Ngoài ra, Nhà trường còn vận động các nguồn từ doanh nghiệp, các tổ chức để hàng năm trao các suất học bổng cho học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn vươn lên trong học tập nhân dịp khai giảng năm học mới, từ đó giúp các yên tâm học tập và không ngừng cố gắng vươn lên **[8.3.02]**.

Sau khi sáp nhập vào Tổ chức giáo dục FPT, từ kỳ Summer 2020 trở đi, Trường còn tổ chức lễ tôn vinh cá nhân có thành tích học tập và hoạt động phong trào xuất sắc **[8.3.03]**

**** Điểm tự đánh giá:*** *01 điểm*

Tiêu chuẩn 8.4:

Người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Nhà trường thực hiện tuyển sinh đào đạo không phân biệt giới tính, tôn giáo hay nguồn gốc xuất thân nên trong thời gian học tại trường học sinh sinh viên được tôn trọng và đối xử bình đẳng.

Được tạo điều kiện trong học tập và rèn luyện, được hưởng các chế độ chính sách ưu tiên theo quy định của Nhà nước, được xét nhận học bổng do các tổ chức, cá nhân tài trợ.

Được trực tiếp kiến nghị với nhà trường các giải pháp góp phần xây dựng Nhà trường, được đề đạt nguyện vọng và khiếu nại lên Hiệu trưởng giải quyết các vấn đề có lên quan đến quyền lợi, lợi ích chính đáng của SV **[8.1.02]**

**** Điểm tự đánh giá:*** *01 điểm*

Tiêu chuẩn 8.5:

Ký túc xá đảm bảo đủ diện tích nhà ở và các điều kiện tối thiểu (chỗ ở, điện, nước, vệ sinh, các tiện nghi khác) cho sinh hoạt và học tập của người học

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Nhà trường chưa có ký túc xá cho sinh viên

**** Điểm tự đánh giá:*** *0 điểm*

Tiêu chuẩn 8.6:

Có dịch vụ y tế chăm sóc và bảo vệ sức khỏe; dịch vụ ăn uống của trường đáp ứng nhu cầu của người học và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Nhà trường có phòng y tế trực thuộc phòng tổ chức-hành chính cán bộ chuyên trách được đào tạo bài bản, chuyên môn tốt. Phòng y tế được trang bị dụng cụ y tế, thuốc men và các điều kiện khác, cán bộ y tế thường trực hàng ngày sẵn sàng phục vụ nhu cầu chăm sóc và bảo vệ sức khỏe của học sinh sinh viên **[8.6.01]**.

Ngoài ra SV khi đến nhập học được nhà trưởng tổ chức khám sức khỏe, mua thẻ bảo hiểm y tế đầy đủ và kịp thời **[8.6.02]**.

Căng tin của Trường được sử dụng dựa trên việc ký kết hợp đồng với cá nhân nhận khoán có điều khoản quy định đảm bảo nguyên tắc an toàn vệ sinh thực phẩm **[5.3.03]**.

**** Điểm tự đánh giá: 01** điểm*

Tiêu chuẩn 8.7:

Người học được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia các hoạt động xã hội; được đảm bảo an toàn trong khuôn viên trường

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Với mục tiêu giáo dục toàn diện, Nhà trường luôn quan tâm tạo điều kiện để học sinh sinh viên có thể tham gia các hoạt động ngoại khóa. Các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cũng thường xuyên được tổ chức đặt biệt là trong các ngày lễ lớn như ngày khai giảng năm học mới, ngày nhà giáo Việt Nam 20/11, ngày thành lập Đoàn TNCS Hồ Chí Minh 26/3, ngày sinh nhật Bác 19/5, ngày phụ nữ Việt Nam 20/10, 8/3... tạo không khí vui tươi, phấn khởi động viên học sinh sinh viên tích cực trong học tập, rèn luyện **[8.7.01]**, **[8.7.02]**. Ngoài ra nhà trường còn tổ chức cuộc thi Tìm hiểu bộ luật hình sự, thu hút đông đảo sinh viên tham gia **[8.7.03]**.

Công tác An ninh trường học cũng được nhà trường đặc biệt quan tâm. Hàng năm, nhà trường phối hợp chặt chẽ với các cơ quan an ninh địa phương trong công tác đảm bảo an ninh trật tự trường học, xử lý các vụ việc liên quan đến sinh viên. Trong những năm qua công tác an ninh trật tự của nhà trường được đảm bảo, không có các sự việc nghiêm trọng xảy ra **[8.7.04]**.

**** Điểm tự đánh giá:** 01 điểm*

Tiêu chuẩn 8.8:

Trường thực hiện việc tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Trường thành lập phòng QHDN nhằm mục đích tạo mối quan hệ với các công ty, doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động để tìm cơ hội việc làm cũng như cung cấp thông tin về tuyển dụng và thị trường lao động, tư vấn và giới thiệu cho SV đang học tập tại trường cũng như SV đã tốt nghiệp.

Bên cạnh việc trang bị kiến thức chuyên môn cho người học, hàng năm nhà trường phối hợp với một số cơ quan, doanh nghiệp tổ chức hội thảo giới thiệu việc

làm, chương trình xuất khẩu lao động cho sinh viên các lớp tốt nghiệp **[8.8.01]**. Song song với tư vấn việc làm, nhà trường còn thường xuyên tổ chức các hoạt động tư vấn khác để hỗ trợ người học có thêm các kỹ năng xã hội, kỹ năng mềm. Trong thời gian thực tập cuối khóa, SV trực tiếp làm việc tại các cơ quan, doanh nghiệp trong tỉnh tạo điều kiện cho người học tích lũy thêm kiến thức, áp dụng kiến thức đã học vào thực tế **[1.1.06]**.

**** Điểm tự đánh giá:*** *01 điểm*

Tiêu chuẩn 8.9:

Hằng năm trường tổ chức hoặc phối hợp tổ chức hội chợ việc làm để người học tiếp xúc với các nhà tuyển dụng

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Trong quá trình học tập, nhà trường thường xuyên phối hợp với các công ty, doanh nghiệp cung cấp thông tin tuyển dụng việc làm cho sinh viên để các em có thể tham gia vào việc tuyển chọn sau khi tốt nghiệp, tham gia làm thêm hoặc thực tập theo thỏa thuận hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp **[8.9.01]**

**** Điểm tự đánh giá:*** *0 điểm*

3.2.9. Tiêu chí 9: Giám sát, đánh giá chất lượng

**** Mở đầu:***

Công tác giám sát, đánh giá chất lượng nhà trường luôn được lãnh đạo trường quan tâm hàng đầu, hàng năm việc giám sát, đánh giá và cải thiện nâng cao chất lượng trường được thực hiện bài bản thông qua:

Giám sát đánh giá hệ thống quản lý chất lượng nhà trường: từ việc các đơn vị tổ chức đánh giá nội bộ, trường mời chuyên gia góp ý, đánh giá bổ sung sau đó xây dựng kế hoạch cụ thể cải thiện hệ thống các quy trình quản lý chất lượng.

Hàng năm trường thực hiện tự kiểm định chất lượng dạy nghề thông qua hệ thống tiêu chí của Bộ lao động TBXH để xác định điểm tồn tại và đưa ra biện pháp cụ thể khắc phục.

Trường thực hiện thu thập ý kiến học sinh, sinh viên đang học, học sinh sinh viên đã tốt nghiệp đi làm và các doanh nghiệp có học sinh sinh viên trường làm việc...để thông qua đó điều chỉnh chương trình đào tạo, điều chỉnh phương pháp giảng dạy, điều chỉnh các hoạch động dịch vụ ,chế độ chính sách đối với người học.

** Những điểm mạnh:*

Hàng năm trường tổ chức tự đánh giá chất lượng cơ sở theo các tiêu chí của Bộ lao động TBXH; Trường thực hiện lần vết sinh viên, thu thập ý kiến từ cán bộ, giáo viên, học sinh, sinh viên và doanh nghiệp để điều chỉnh chương trình đào tạo và nâng cao chất lượng đào tạo nhà trường.

** Những tồn tại:*

Số lượng nhà tuyển dụng khảo sát được còn chưa đủ so với yêu cầu.

**** Kế hoạch nâng cao chất lượng:***

Tăng cường công tác khảo sát việc làm đối với SV tốt nghiệp, kết nối các doanh nghiệp để hỗ trợ SV tìm kiếm việc làm phù hợp.

Điểm đánh giá tiêu chí 9:

Tiêu chí 9 – Giám sát, đánh giá chất lượng	**Điểm tự đánh giá**
Tiêu chuẩn 9.1	0 điểm
Tiêu chuẩn 9.2	1 điểm
Tiêu chuẩn 9.3	1 điểm
Tiêu chuẩn 9.4	1 điểm
Tiêu chuẩn 9.5	1 điểm
Tiêu chuẩn 9.6	0 điểm

Tiêu chuẩn 9.1:

Hằng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***Hàng năm, nhà trường có phối hợp với các đơn vị sử dụng lao động tiến hành khảo sát mức độ đáp ứng của sinh viên tốt nghiệp. Tuy nhiên số lượng khảo sát còn ít, chưa đáp ứng yêu cầu được đặt ra. Đến năm 2019, sau khi sáp nhập vào Tổ chức giáo dục FPT, Trường đã tiến hành bài bản hoạt động khảo sát nhà tuyển dụng về chất lượng sinh viên tốt nghiệp ra trường. Kết quả đạt được đánh giá tốt sinh viên của trường [9.1.01].

Bảng 3: Mức độ đáp ứng của sinh viên Cao đẳng Công nghệ Hà Nội với từng nội dung cụ thể (%)

STT	**Nội dung đánh giá**	**Mức 1**	**Mức 2**	**Mức 3**	**Mức 4**	**Mức 5**
1	Kiến thức cơ bản	0	13,3	40,0	46,7	0

2	Kiến thức chuyên môn	0	13,3	53,4	33,3	0
3	Tính chuyên nghiệp và đạo đức nghề nghiệp	0	6,7	26,7	60,0	6,7
4	Kỹ năng giao tiếp	0	0	40,0	53,3	6,7
5	Kỹ năng làm việc nhóm	0	0	46,7	40,0	13,3
6	Khả năng thích ứng môi trường	0	0	46,7	40,0	13,3
7	Kỹ năng giải quyết vấn đề	0	0	46,7	46,7	6,7
8	Trình độ ngoại ngữ	0	20,0	60,0	20,0	0
9	Khả năng đáp ứng yêu cầu doanh nghiệp	0	20,0	46,7	33,3	0
10	Mức độ hài lòng của công ty về chất lượng sinh viên tốt nghiệp từ Cao đẳng FPT Polytechnic	0	6,7	33,3	60,0	0

**** Điểm tự đánh giá**: 0 điểm*

Tiêu chuẩn 9.2:

Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 50% cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động.

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Hằng năm, trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách đối với công tác dạy học, tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá nhà giáo, viên chức, người lao động, kết quả khảo sát **[9.2.01]** nhằm có ý kiến đề xuất với cơ quan quản lý cấp trên để có những điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn.

Khảo sát ý kiến phản hồi của sinh viên đối với giáo viên **[9.2.01]**; Tổ chức Hội nghị đối thoại giữa SV với lãnh đạo nhà trường nhằm nắm bắt kịp thời những kiến nghị, phản ánh, tâm tư nguyện vọng của SV về chương trình đào tạo, chế độ chính sách v.v **[8.1.03].**

Sau khi sáp nhập vào Tổ chức giáo dục FPT, hàng năm Trường đều có khảo sát cán bộ giảng viên về các hoạt động, trong đó có các chính sách của nhà trường [**9.2.02**].

Bảng 4 : Điểm khảo sát CBGV về các chính sách năm 2019

TT	Nội dung	Điểm đánh giá
1	Tinh thần, thái độ hợp tác	4.19
2	Chất lượng hoạt động	4.11
3	Đáp ứng yêu cầu đúng hạn, kịp thời	4.11
4	Hoạt động Tuyển dụng, Chính sách tuyển dụng	4.05
5	Hoạt động đào tạo, Chính sách đào tạo	4.20
6	Hoạt động ký hợp đồng lao động, giải quyết chính sách nghỉ chế độ	4.27
7	Hoạt động lương thưởng	4.33
8	Tư vấn hồ sơ, hỗ trợ hồ sơ FPT Care	4.30

**** Điểm tự đánh giá:*** *1 điểm*

Tiêu chuẩn 9.3:

Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 30% người học đại diện các ngành, nghề đào tạo về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường.

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Hàng năm phòng Nhà trường xây dựng Kế hoạch phỏng vấn người học và cựu SV về chất lượng, hiệu quả của chương trình đào tạo, chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường **[9.3.01], [9.3.02]**. Qua kết quả thu thập được cho thấy người học đánh giá rất cao về chương trình đào tạo, đội ngũ giảng viên.

Bảng 5: Tỷ lệ phản hồi khảo sát SV học học kỳ cuối năm 2019 theo các ngành

TT	Ngành học	SV phản hồi	Tổng số SV học học kỳ cuối	Tỉ lệ phản hồi
1	CNTT (UDPM)	45	46	97.8%
2	Công nghệ kỹ thuật Cơ khí	17	17	100%

3	Điện điện tử (KT điện, ĐH,ĐCN,ĐTTT)	83	86	96.5
Tổng		**145**	**149**	**97.3%**

**** Điểm tự đánh giá:*** *01 điểm*

Tiêu chuẩn 9.4:

Trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng và kiểm định chất lượng theo quy định.

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Xem hoạt động tự đánh giá là một trong các giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động của nhà trường, đặc biệt là việc xác định các mặt vẫn còn tồn tại để từ đó tìm biện pháp khắc phục, nhà trường đã triển khai các hoạt động tự kiểm định chất lượng giáo dục theo đúng quy định của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội **[9.4.01], [1.8.01]**. Trường đã thực hiện tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục theo Thông tư 15/2017 và theo các văn bản hướng dẫn khác của Bộ LĐTBXH nhằm chỉ ra các điểm mạnh và các điểm tồn tại và đưa ra hướng khắc phục.

Ngoài ra, bộ phận ĐBCL của Trường còn thực hiện kiểm soát định kỳ các bộ phận phòng ban thực hiện công việc theo các quy định, quy trình mà Trường đã ban hành **[9.4.02**]. Đây cũng là hoạt động tự đánh giá nhằm phát hiện các điểm cần cải tiến trong quá trình hoạt động của trường.

**** Điểm tự đánh giá:*** *01 điểm*

Tiêu chuẩn 9.5:

Hằng năm, trường có kế hoạch cụ thể và các biện pháp thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá và kết quả đánh giá ngoài nếu có.

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Trên cơ sở phân tích điểm mạnh, các tồn tại trong báo cáo tự đánh giá và kết quả đánh giá ngoài. Hàng năm trường lập kế hoạch và có các biện pháp cụ thể để cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo, một số điển hình:

CTĐT được điều chỉnh theo hướng giảm bớt khối lượng và chương trình trên cơ sở xem xét giảm bớt nội dung và thời lượng của một số học phần do bị trùng lắp, tăng thêm một số học phần mới, bỏ một số học phần không còn phù hợp; giảm các giờ học lý

thuyết, tăng cường giờ học thảo luận, bài tập, thực hành tại phòng thực hành, tại các doanh nghiệp **[4.7.01], [4.2.01], [2.1.01].**

Trên cơ sở tiến hành chỉnh sửa chương trình, nhà trường khuyến khích giảng viên cải tiến phương pháp dạy học để đảm bảo người học được lĩnh hội những kiến thức mới và tăng thời lượng cho đào tạo kỹ năng mềm.

Một số điểm tồn tại trong báo cáo TĐG năm 2019 đã được khắc phục như:

- Thực hiện khảo sát cựu sinh viên nhằm thu thập thông tin sinh viên tốt nghiệp về thời gian tìm kiếm việc làm, đánh giá của sinh viên về chương trình đào tạo...
- Thực hiện khảo sát nhà tuyển dụng
- Có bộ phận chuyên trách về hoạt động ĐBCL.

**** Điểm tự đánh giá:*** *01 điểm*

Tiêu chuẩn 9.6:

Trường có tỷ lệ 80% người học có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo sau 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp.

**** Mô tả, phân tích, nhận định:***

Để đánh giá chất lượng đào tạo của nhà trường và khả năng đáp ứng chủa nhà trường đối với các doanh nghiệp, trường FPOLY đã giao cho Phòng Quan hệ doanh nghiệp phối hợp với các doanh nghiệp và qua nhiều kênh khác nhau tổ chức khảo sát về mức độ đáp ứng đối với công việc của sinh viên của Nhà trường sau khi tốt nghiệp **[9.6.01]**. Trường đã khảo sát 100% sinh viên tốt nghiệp, tuy nhiên số lượng sinh viên phản hồi không nhiều. Mặc dù được nhiều doanh nghiệp đánh giá cao về chất lượng đào tạo của nhà trường nhưng kết quả khảo sát vẫn chưa đủ để khẳng định trường có tỷ lệ 80% người học có việc làm phù hợp với chuyên môn hoặc ngành nghề đào tạo sau 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp**.**

**** Điểm tự đánh giá:*** *0 điểm*

PHẦN III. TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG FPT POLYTECHNIC

Công tác tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp là một quá trình đánh giá trong và đánh giá ngoài dựa trên hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành trong giai đoạn hiện nay là một hoạt động không thể thiếu được trong hoạt động quản lý Nhà nước về giáo dục nghề nghiệp, điều này càng trở nên quan trọng khi Việt Nam tham gia hội nhập kinh tế quốc tế.

Trường đã tiến hành thực hiện nghiêm chỉnh công tác tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo đúng quy định và hướng dẫn của Bộ. Trường đã có quyết định thành lập Hội đồng tự kiểm định và các nhóm chuyên trách; phân công nhiệm vụ cụ thể cho các nhóm trưởng; lập kế hoạch, quy trình tự kiểm định. Toàn thể cán bộ, nhà giáo, người lao động của trường tham gia tích cực trong quá trình viết các tiêu chí, tiêu chuẩn, thảo luận và rút kinh nghiệm trong quá trình làm việc.

Trường tự đánh giá trong 9 tiêu chí bao gồm 100 tiêu chuẩn và kết quả tự kiểm định có 89 tiêu chuẩn ở mức độ đạt, 11 tiêu chuẩn không đạt. Thông qua kết quả tự đánh giá, trường sẽ phát huy những mặt mạnh, khắc phục những tồn tại trong thời gian tới. Trên cơ sở đó, hằng năm tiếp tục thực hiện công tác tự đánh giá và có giải pháp thực hiện nghiêm túc các Kế hoạch nâng cao chất lượng từng tiêu chí, tiêu chuẩn đã đề ra.

Kế hoạch nâng cao chất lượng trong năm 2020 của trường bao gồm:

- Định kỳ hằng năm nhà trường tiếp tục rà soát, điều chỉnh mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý của nhà trường phù hợp với từng giai đoạn phát triển và công bố rộng rãi thông qua nhiều hình thức.
- Trường sẽ tăng cường hơn nữa công tác phối hợp doanh nghiệp trong đào tạo nghề,
- Trường tiếp tục hoàn thiện các văn bản để thể chế hóa công tác quản lý.
- Nhà trường sẽ tiếp tục tiến hành khảo sát ý kiến đánh giá của các doanh nghiệp, học sinh sinh viên về tính hợp lý của chương trình đào tạo, từ đó sẽ định ra hướng điều chỉnh cho phù hợp.
- Tiếp tục tổ chức biên soạn giáo trình phục vụ cho công tác giảng dạy của nhà trường.

- Từ năm 2020, đẩy mạnh việc thực hiện đề án phát triển trường, trong đó việc mở rộng xây dựng thêm các phòng đáp ứng được tốt theo yêu cầu của chương trình học.

- Nâng cao tỷ trọng kinh phí dùng cho hoạt động nghiên cứu khoa học, thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học trong nhà giáo, sinh viên thiết thực hơn; khuyến khích nhà giáo ngoài nhiệm vụ giảng dạy còn phải quan tâm đến nhiệm vụ nghiên cứu khoa học.

- Tiếp tục tổ chức nghiên cứu khoa học với sự tham gia của các cấp trong trường, từng bước tìm kiếm đối tác, xây dựng kế hoạch.

- Trường tiếp tục hoàn thiện các quy chế để thể chế hóa công tác quản lý tài chính.

- Tăng cường thêm cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ sinh hoạt cho người học.

- Thực hiện khảo sát người học sau khi ra trường và nắm bắt thông tin doanh nghiệp. Thực hiện khảo sát doanh nghiệp sử dụng sinh viên nhằm đánh giá mức độ phù hợp của sinh viên sau khi tốt nghiệp.

PHẦN IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đối với Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp -Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội:

- Đầu tư kinh phí cho các trường mới chuyển từ Giáo dục đại học sang Giáo dục nghề nghiệp thuộc bộ quản lý nhằm trang bị cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác giáo dục nghề nghiệp của cơ sở.

- Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội cần tổ chức thường xuyên các đợt tập huấn cho cán bộ làm công tác khảo thí và đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp nói chung và công tác kiểm định trường, công tác viết báo cáo tự đánh giá, thu thập và đánh giá minh chứng nói riêng.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1. Quyết định thành lập Hội đồng kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ HÀ NỘI
Số: 248/QĐ-DHFPT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 3997/QĐ-BGDĐT ngày 03/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội và Quyết định số 1300/QĐ-LĐTBXH ngày 26/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội về việc đổi tên Trường Cao đẳng Công nghệ cao Hà Nội thành Trường Cao đẳng FPT Polytechnic Hà Nội;

Căn cứ Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 12/QĐ-CĐFPL ngày 19/07/2018 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội;

Căn cứ Thông tư số 15/2017//TT-BLĐTBXH ngày 8/6/2017 do Bộ LĐTBXH ban hành về việc quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Bảo đảm bảo Chất lượng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng giáo dục trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội, Ban thư ký và các nhóm chuyên trách công tác Tự đánh giá trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội gồm các ông (bà) có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá chất lượng giáo dục và đào tạo theo hướng dẫn hiện hành của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.

Điều 3. Các cán bộ có tên tại Điều 1, Giám đốc các cơ sở, Văn phòng, Trưởng các phòng ban và các bộ phận, cá nhân liên quan thuộc Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3 (để t/h);
- Chủ tịch HĐQT (để b/c);
- Ban Điều hành (để biết);
- Lưu: VT, ĐBCL.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ HÀ NỘI

VŨ CHÍ THÀNH

PHỤ LỤC 01
DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Quyết định số 245/QĐ-CĐCN ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội)

STT	Họ và tên	Chức danh	Nhiệm vụ	
1.	Th.S. Vũ Chí Thành	Hiệu trưởng	Chủ tịch HĐ	
2.	TS. Hoàng Văn Lợi	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch HĐ	
3.	ThS. Đỗ Thị Minh Thúy	Trưởng phòng Đảm bảo chất lượng	Ủy viên Thư ký	
4.	Th.S. Nguyễn Thanh Nam	Trưởng phòng Tổ chức và Quản lý đào tạo	Ủy viên	
5.	ThS. Nguyễn Nghiệm	Trưởng phòng Phát triển chương trình	Ủy viên	
6.	Th.S Mai Thị Diễm Hương	Trưởng phòng Nhân sự	Ủy viên	
7.	Đỗ Phương Thảo	Trưởng phòng Hành chính	Ủy viên	
8.	Th.S Nguyễn Minh Thu	Trưởng phòng Tài chính Kế toán	Ủy viên	
9.	Tạ Thị Mai	Văn phòng	Ủy viên	
10.	Lê Quốc Nam	Trưởng phòng Tuyển sinh	Ủy viên	
11.	Trịnh Thị Phương Anh	Trưởng phòng Quan hệ doanh nghiệp	Ủy viên	
12.	Đỗ Thị Bích Hiền	Trưởng phòng Công tác học sinh, sinh viên	Ủy viên	
13.	Phạm Thị Vân Anh	Chủ nhiệm bộ môn Cơ bản	Ủy viên	
14.	Nguyễn Thanh Phong	Chủ nhiệm Bộ môn Điện - Cơ khí	Ủy viên	
15.	Th.S Dương Thị Cường	Chủ tịch Công đoàn	Ủy viên	

Danh sách này gồm 15 người./.

PHỤ LỤC 02
DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ
VÀ CÁC NHÓM CHUYÊN TRÁCH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 218/QĐ-..... ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội)

DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ

STT	Họ và tên	Bộ phận	Nhiệm vụ
1	Th.S Đỗ Thị Minh Thúy	Phòng Bảo đảm bảo chất lượng	TB thư ký
2	Th.S Nguyễn Thanh Nam	Phòng Tổ chức và Quản lý đào tạo	Thư ký
3	Th.S Nguyễn Thị Hồng	Phòng Tổ chức và Quản lý đào tạo	Thư ký
4	Nguyễn Thị Mỹ Linh	Phòng Bảo đảm bảo chất lượng	Thư ký
5	Nguyễn Thị Chiên	Phòng Bảo đảm bảo chất lượng	Thư ký
6	Th.S Lê Minh Cương	Phòng Bảo đảm bảo chất lượng	Thư ký

Danh sách này gồm 6 người

CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH

Nhóm	Họ và tên	Chức danh, chức vụ
Nhóm 1	Th.S Vũ Chí Thành	Hiệu trưởng – Chủ tịch Hội đồng
	Th.S Đỗ Thị Minh Thúy	Trưởng phòng BĐCL - Ủy viên Thư ký
	Th.S Lê Minh Cương	Cán bộ phòng BĐCL - Ủy viên
	Th.S Mai Thị Diễm Hương	Trưởng phòng Nhân sự - Ủy viên
Nhóm 2	Th.S Nguyễn Thanh Nam	Trưởng phòng TC&QLĐT - Ủy viên
	Lê Quốc Nam	Trưởng phòng Tuyển sinh - Ủy viên
	Th.S Nguyễn Thị Hồng	Cán bộ phòng TC&QLĐT
Nhóm 3	Th.S Mai Thị Diễm Hương	Trưởng phòng Nhân sự - Ủy viên
	Th.S Nguyễn Thanh Nam	Trưởng phòng TC&QLĐT - Ủy viên
	Nguyễn Thị Mỹ Linh	Cán bộ phòng BĐCL - Ủy viên
Nhóm 4	TS Hoàng Văn Lợi	Phó Hiệu trưởng - Ủy viên
	Nguyễn Nghiệm	Trưởng phòng Phát triển chương trình - Ủy viên
	Nguyễn Thị Mỹ Linh	Cán bộ phòng BĐCL - Ủy viên
Nhóm 5	TS Hoàng Văn Lợi	Phó Hiệu trưởng - Ủy viên
	Đỗ Phương Thảo	Trưởng phòng Hành chính - Ủy viên
	Th.S Dương Thị Cường	Chủ tịch Công đoàn - Ủy viên
Nhóm 6	Th.S Phạm Thị Vân Anh	Chủ nhiệm bộ môn Cơ bản - Ủy viên
	Nguyễn Thị Mỹ Linh	Cán bộ phòng BĐCL - Ủy viên
	Tạ Thị Mai	Chánh Văn phòng - Ủy viên
Nhóm 7	Th.S Nguyễn Minh Thu	Trưởng phòng Tài chính Kế toán - Ủy viên
	Th.S Lê Minh Cương	Cán bộ phòng BĐCL - Ủy viên
	Nguyễn Thị Chiên	Cán bộ phòng BĐCL - Ủy viên
Nhóm 8	Đỗ Thị Bích Hiền	Trưởng phòng Công tác sinh viên - Ủy viên
	Trịnh Phương Anh	Trưởng phòng Quan hệ doanh nghiệp - Ủy viên
	Nguyễn Thị Chiên	Cán bộ phòng BĐCL - Ủy viên
Nhóm 9	Đỗ Thị Bích Hiền	Trưởng phòng Công tác sinh viên - Ủy viên
	Trịnh Phương Anh	Trưởng phòng Quan hệ doanh nghiệp - Ủy viên
	Th.S Đỗ Thị Minh Thúy	Trưởng phòng BĐCL - Ủy viên Thư ký

Phụ lục 2. Kế hoạch hoạt động của Hội đồng kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp

BỘ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ HÀ NỘI
Số: 67/KH-CĐCNHN.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2019

KẾ HOẠCH
TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP NĂM 2020

1.Mục đích tự đánh giá

Thực hiện theo Thông tư số 15/2017/TT - BLĐTBXH ngày 08/06/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

Căn cứ hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành. Nhà trường thực hiện tự kiểm định chất lượng GDNN để chỉ ra các mặt mạnh, mặt yếu, từ đó xây dựng kế hoạch và các biện pháp khắc phục nhằm đáp ứng mục tiêu đào tạo và nâng cao chất lượng các hoạt động của Trường Cao đẳng FPT Polytechnic.

Nhìn nhận được thực tế các mặt hoạt động của nhà trường đang diễn ra, qua đó xác định định hướng và điều chỉnh mục tiêu, kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn của trường cho phù hợp, đồng thời phát huy các thế mạnh, nguồn lực đặc thù của trường, có những biện pháp cụ thể giảm thiểu, khắc phục những điểm yếu còn tồn tại

2. Phạm vi tự đánh giá

Các hoạt động của trường Cao đẳng FPT Polytechnic trong giai đoạn từ 2018 – 2020 theo các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp được ban hành theo Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/06/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

3. Hội đồng tự đánh giá chất lượng

3.1. Thành phần

Hội đồng tự đánh giá chất lượng GDNN năm 2020 được thành lập theo Quyết định số /QĐ-CĐFPL ngày 31/12/2019 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội. Hội đồng gồm có 19 thành viên.

DANH SÁCH HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

STT	Họ và tên	Chức danh	Nhiệm vụ	
1.	Th.S. Vũ Chí Thành	Hiệu trưởng	Chủ tịch HĐ	
2.	TS. Hoàng Văn Lợi	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch HĐ	

3.	ThS. Đỗ Thị Minh Thủy	Trưởng phòng Đảm bảo chất lượng	Ủy viên Thư ký	
4.	Th.S. Nguyễn Thanh Nam	Trưởng phòng Tổ chức và Quản lý đào tạo	Ủy viên	
5.	ThS. Nguyễn Nghiệm	Trưởng phòng Phát triển chương trình	Ủy viên	
6.	Th.S Mai Thị Diễm Hương	Trưởng phòng Nhân sự	Ủy viên	
7.	ThS. Đỗ Phương Thảo	Trưởng phòng Hành chính	Ủy viên	
8.	Th.S Nguyễn Minh Thu	Trưởng phòng Tài chính Kế toán	Ủy viên	
9.	ThS. Tạ Thị Mai	Văn phòng	Ủy viên	
10.	ThS. Lê Quốc Nam	Trưởng phòng Tuyển sinh	Ủy viên	
11.	Trịnh Thị PhươngAnh	Trưởng phòng Quan hệ doanh nghiệp	Ủy viên	
12.	ThS. Đỗ Thị Bích Hiền	Trưởng phòng Công tác học sinh, sinh viên	Ủy viên	
13.	ThS. Phạm Thị Vân Anh	Chủ nhiệm bộ môn Cơ bản	Ủy viên	
14.	ThS. Nguyễn Thanh Phong	Chủ nhiệm Bộ môn Điện - Cơ khí	Ủy viên	
15.	Th.S Dương Thị Cường	Chủ tịch Công đoàn	Ủy viên	

3.2. Ban thư ký giúp việc và các nhóm công tác chuyên trách

3.2.1 Ban thư ký

DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ

STT	Họ và tên	Bộ phận	Nhiệm vụ
1	Th.S Đỗ Thị Minh Thủy	Phòng Bảo đảm bảo chất lượng	TB thư ký
2	Th.S Nguyễn Thanh Nam	Phòng Tổ chức và Quản lý đào tạo	Thư ký
3	Th.S Nguyễn Thị Hồng	Phòng Tổ chức và Quản lý đào tạo	Thư ký
4	Nguyễn Thị Mỹ Linh	Phòng Bảo đảm bảo chất lượng	Thư ký
5	Nguyễn Thị Chiên	Phòng Bảo đảm bảo chất lượng	Thư ký

3.2.2 Các nhóm công tác chuyên trách

Nhóm	Họ và tên	Chức danh, chức vụ
	Th.S Vũ Chí Thành	Hiệu trưởng – Chủ tịch Hội đồng
	Th.S Đỗ Thị Minh Thủy	Trưởng phòng BĐCL - Ủy viên Thư ký
Nhóm 1	Th.S Mai Thị Diễm Hương	Trưởng phòng Nhân sự - Ủy viên
	Th.S Nguyễn Thanh Nam	Trưởng phòng TC&QLĐT - Ủy viên
	ThS. Lê Quốc Nam	Trưởng phòng Tuyển sinh - Ủy viên
Nhóm 2	Th.S Nguyễn Thị Hồng	Cán bộ phòng TC&QLĐT
	Th.S Mai Thị Diễm Hương	Trưởng phòng Nhân sự - Ủy viên
	Th.S Nguyễn Thanh Nam	Trưởng phòng TC&QLĐT - Ủy viên
Nhóm 3	Nguyễn Thị Mỹ Linh	Cán bộ phòng BĐCL - Ủy viên
	TS Hoàng Văn Lợi	Phó Hiệu trưởng - Ủy viên
	Nguyễn Nghiệm	Trưởng phòng Phát triển chương trình - Ủy viên
Nhóm 4	Nguyễn Thị Mỹ Linh	Cán bộ phòng BĐCL - Ủy viên
	TS Hoàng Văn Lợi	Phó Hiệu trưởng - Ủy viên
	ThS. Đỗ Phương Thảo	Trưởng phòng Hành chính - Ủy viên
Nhóm 5	Th.S Dương Thị Cường	Chủ tịch Công đoàn - Ủy viên
	Th.S Phạm Thị Vân Anh	Chủ nhiệm bộ môn Cơ bản - Ủy viên
	Nguyễn Thị Mỹ Linh	Cán bộ phòng BĐCL - Ủy viên
Nhóm 6	ThS. Tạ Thị Mai	Chánh Văn phòng - Ủy viên
	Th.S Nguyễn Minh Thu	Trưởng phòng Tài chính Kế toán - Ủy viên
Nhóm 7	Nguyễn Thị Chiên	Cán bộ phòng BĐCL - Ủy viên
	ThS. Đỗ Thị Bích Hiền	Trưởng phòng Công tác sinh viên - Ủy viên
	Nguyễn Kim Quỳnh	Trưởng phòng Quan hệ doanh nghiệp - Ủy viên
Nhóm 8	Nguyễn Thị Chiên	Cán bộ phòng BĐCL - Ủy viên
	ThS. Đỗ Thị Bích Hiền	Trưởng phòng Công tác sinh viên - Ủy viên
	Trịnh Thị Phương Anh	Trưởng phòng Quan hệ doanh nghiệp - Ủy viên
Nhóm 9	Th.S Đỗ Thị Minh Thủy	Trưởng phòng BĐCL - Ủy viên Thư ký

3.3. Phân công thực hiện

TT	Tiêu chuẩn	Nhóm chịu trách nhiệm	Thời gian thu thập thông tin và minh chứng
1	***Tiêu chí 1***. Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý (12 tiêu chuẩn)	Nhóm 1	Từ 15/1-31/5/2020
2	***Tiêu chí 2:*** Hoạt động đào tạo (17 tiêu chuẩn)	Nhóm 2	Từ 15/1-31/5/2020
3	***Tiêu chí 3:*** Giáo viên, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động(15 tiêu chuẩn)	Nhóm 3	Từ 15/1-31/5/2020
4	***Tiêu chí 4:*** Chương trình, giáo trình(15 tiêu chuẩn)	Nhóm 4	Từ 15/1-31/5/2020

Phụ lục 3. Danh mục minh chứng

Phụ lục 2. Kế hoạch tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp

Phụ lục 3. Bảng mã minh chứng

Error! Not a valid link.